BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

BẢN TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý
DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH 156/2018/NĐ-CP
(Bản tổng hợp đến ngày 31/10/2022)

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ (16): Tư Pháp, Giao thông vận tải, Quốc phòng, TN&MT, Ủy ban Dân tộc, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nội vụ, Công Thương, Thanh tra Chính phủ, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Công an, Tài chính, Ngoại giao, Y tế

b) Địa phương (58):

- UBND tỉnh (19): Sơn La, Bến Tre, Hòa Bình, Kon Tum, Đắk Lắk, Lạng Sơn, Tây Ninh, Quảng Bình, TP. Hà Nội, Nghệ An, Sóc Trăng, Cao Bằng, Bình Thuận, Thừa Thiên Huế, Bình Định, Bình Phước, Bạc Liêu, TP. Đà Nẵng, Điện Biên

- Sở NN&PTNT (39): Hưng Yên, Bắc Ninh, Hà Nam, TP. Cần Thơ, Khành Hòa, Thái Bình, Hà Tĩnh, Cà Mau, Lai Châu, Bắc Giang, TP. Hải phòng, Lào Cai, Hải Dương, Phú Thọ, Thái Nguyên, Tiền Giang, Nam Định, Gia Lai, Đắc Nông, Đồng Tháp, Hà Giang, Long An, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Yên Bái, An Giang, Lâm Đồng, Phú Yên, Ninh Thuận, Vĩnh Phúc, Tuyên Quang, TP. HCM, Bà Rịa - Vũng Tàu; Bình Dương, Quảng Ninh, Quảng Nam, Bắc Kạn

c) Các đơn vị thuộc Bộ (17): Cục Trồng trọt, Vụ Quản lý doanh nghiệp, Vụ Pháp chế, VQG Ba Vì, Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản; Thanh tra, Tổng cục Thủy lợi, Tổng cục Thủy sản, Trường Đại học Lâm nghiệp, Tổng cục phòng chống thiên tai, Vườn Quốc gia Cát Tiên, Viện Khoa học lâm nghiệp, Cục Quản lý xây dựng công trình, Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; Văn phòng Bộ, Viện Điều tra quy hoạch rừng, Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường

d) Tổ chức khác (15): Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam, Hội Chủ rừng Việt Nam, VQG Phú Quốc, Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam, Công ty CP DLTM&XD Trân Châu; Trung tâm bảo tồn thiên nhiên và phát triển (CCD), Dự án Quản lý rừng bền vững do USAID tài trợ (DAI),Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức (GIZ), Hội chủ rừng Việt Nam, Trung tâm Con người và Thiên nhiên (Panature), CIFOR-ICRAF, Dự án PSFM 2 do DFS Deutsche Forstservice GmbH tài trợ, Trung tâm tư vấn phát triển Lâm nghiệp Nghệ An, Mạng lưới Lâm nghiệp Cộng đồng và các chuyên gia độc lập(sau đây viết tắt là tổ chức phi chỉnh phủ; dự án, tổ chức quốc tế liên quan đến lâm nghiệp ở Việt Nam), khu bảo tồn thiên nhiên- văn hóa Đồng Nai.

2. Tổng hợp ý kiến tham gia góp ý

Dự thảo Nghị định sửa đổi,bổ sung Nghị định 156	Ý kiến góp ý	Cơ quan/đơn vị góp ý	Tiếp thu, giải trình
Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; *Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;* *Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;* *Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.*	Bổ sung "Luật Ban hành văn bản QPPL ngày 22/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL ngày 18/6/2020"	Sở NN&PTNT Phú Yên	Đề nghị giữ nguyên. Vì Dự thảo Nghị định phù hợp với quy định tại Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL.
Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp			
1. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 và bổ sung các khoản 9, 10, 11, 12, 13, 14 Điều 3 như sau:			
"6. Khai thác tận dụng là việc tận dụng những cây gỗ trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh, nghiên cứu khoa học, giải phóng mặt bằng các dự án khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác *và xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng theo quy định tại Điều 51 Luật Lâm nghiệp.*	- Đề nghị bỏ cụm từ *tận dụng* mà thay bằng *chặt hạ* để cho rõ nghĩa - Bổ sung cụm từ: "*thanh lý rừng trồng*" sau cụm từ "...*khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác*.".	Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam; UBND tỉnh Cao Bằng	Tiếp thu và chỉnh lý tại khoản 6 Điều 3 dự thảo Nghị định
	Bổ sung khai thác tận dụng gỗ khi làm đường điện cao thế phải chặt cây rừng nhưng không phải chuyển mục đích sử dụng rừng	Tổ chức phi chỉnh phủ; dự án, tổ chức quốc tế liên quan đến lâm	Tiếp thu

		nghiệp ở Việt Nam	
	Thay cụm từ "*xây dựng*" bằng cụm từ "*thực hiện công trình*".	Sở NN&PTNT Vĩnh Phúc	Giữ nguyên như dự thảo để phủ hợp với nội dung của Điều 51 Luật Lâm nghiệp
	Quy định bổ sung việc khai thác tận dụng củi, thực vật rừng ngoài gỗ, nấm để thống nhất với Luật Lâm nghiệp	UBND TP Hà Nội, Sở NN&PTNT Quảng Nam	Tiếp thu và chỉnh lý tại khoản 6 Điều 3 và sửa Điều 20
9. Sáp nhập khu rừng đặc dụng hoặc khu rừng phòng hộ là việc chuyển một phần hay toàn bộ diện tích rừng cùng loại của một hay nhiều khu rừng đặc dụng hoặc phòng hộ vào một khu rừng đặc dụng hoặc phòng hộ khác.	đề nghị chỉnh sửa như sau: "9. Sáp nhập khu rừng đặc dụng hoặc khu rừng phòng hộ là việc chuyển một phần hay toàn bộ diện tích rừng cùng loại (*diện tích rừng bị sáp nhập)* của một hay nhiều khu rừng đặc dụng hoặc khu rừng phòng hộ vào một khu rừng đặc dụng hoặc khu rừng phòng hộ khác *(khu rừng được sáp nhập)".* Đồng thời cần làm rõ hơn: đối với phần diện tích rừng bị sáp nhập và toàn bộ diện tích rừng bị sáp nhập thì có chấm dứt sự tồn tại về mặt pháp lý không? Và khu rừng được sáp nhập sẽ kế thừa về mặt pháp lý như thế nào?	Vụ Pháp chế, Bộ NN&PTNT	Sau khi rà soát, đề nghị bỏ quy định này, vì đã bổ sung quy định về điều chỉnh diện tích khu rừng. Sáp nhập khu rừng có thể xảy ra trong trường hợp tổ chức lại các ban quản lý rừng, Nghị định này chỉ điều chỉnh về thay đổi diện tích khu rừng, còn các nội dung khác, như: quản lý rừng, sắp xếp lực lượng lao động, đầu tư...liên quan đến khu rừng được điều chỉnh bằng các văn bản pháp luật khác.
	Cần được làm rõ sáp nhập về diện tích và sáp nhập về quản lý, trong đó làm rõ những khu rừng đặc dụng hoặc phòng hộ liền kề nhau và không liền kề nhau	Viện Điều tra quy hoạch rừng	
10. Chuyển loại rừng đặc dụng là việc chuyển loại rừng đặc dụng này thành loại rừng đặc dụng khác.	đề nghị dùng cụm từ: chuyển hạng rừng đặc dụng là việc chuyển hạng rừng đặc dụng này thành hạng rừng đặc dụng khác. để phân biệt với 3 loại rừng (sản xuất, phòng hộ, sản xuất)	Viện Điều tra quy hoạch rừng	Luật Lâm nghiệp không quy định về các hạng và xếp hạng khu rừng đặc dụng. Khoản 2 Điều 5 Luật Lâm nghiệp quy định rừng đặc dụng bao gồm: Vườn quốc gia, Khu dự trữ thiên nhiên; Khu bảo tồn loài-sinh cảnh; Khu bảo vệ cảnh quan; Khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa
	Điều 5 Luật Lâm nghiệp chỉ quy định 3 loại rừng (Rừng đặc dụng, phòng hộ và sản xuất) mà không phân loại rừng đặc dụng. Do đó việc xác định chuyển loại rừng đặc dụng là	Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam	

	chưa hợp lý		học, vườn thực vật quốc gia, rừng giống quốc gia. Như vậy, theo quy định của Luật Lâm nghiệp, ngoài phân chia rừng thành 3 loại theo mục đích sử dụng, rừng đặc dụng còn bao gồm các loại khác nhau theo tiêu chí quy định tại Điều 6 Nghị định 156/2018/NĐ-CP.
11. Hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng là sự hấp thụ khí các bon điôxit (CO2) từ bầu khí quyển và được lưu giữ trong sinh khối của cây rừng được quy định tại khoản 3 Điều 61 Luật Lâm nghiệp.			
12. Khối lượng hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng là một lượng khí CO2 tính bằng đơn vị tấn được hấp thụ và được lưu giữ trong rừng.			
13. Kết quả giảm phát thải là một lượng khí CO2 được giảm, hấp thụ hoặc được lưu giữ trong khu vực giảm phát thải chênh lệch so với mức tham chiếu được xác định.			
14. Thỏa thuận chi trả giảm phát thải là thỏa thuận chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng được ký giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và bên sử dụng dịch vụ (viết tắt là Thỏa thuận).”.	Xem xét việc giải thích từ ngữ "*Thỏa thuận chi trả giảm phát thải là thỏa thuận chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng được ký giữa Bộ NN&PTNT hoặc UBND cấp tỉnh và bên sử dụng dịch vụ (viết tắt là Thỏa thuận)*”.	Bộ TN&MT	- Tiếp thu ,chỉnh sửa tại khoản 12 Điều 3 dự thảo Nghị định
	Khoản 7 Điều 3: Khai thác tận thu là việc tận thu gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ từ những cây gỗ, thực vật rừng bị đổ gãy, bị chết do tự nhiên hoặc do thiên tai; gỗ cháy, gỗ khô mục, cành ngọn còn nằm lại trong rừng”.	Tổng cục phòng cháy thiên tai, Bộ NN&PTNT	Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 7 Điều 3 (khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định)
2. Bổ sung khoản 6 Điều 9 như sau:			
“6. Việc sáp nhập khu rừng đặc dụng hoặc chuyển loại rừng đặc dụng thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.”.	Đề nghị bố cục Điều 9a “sáp nhập khu rừng đặc dụng hoặc chuyển loại rừng đặc dụng”, còn Điều 9a của dự thảo chuyển thành 9b.	Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam	Sau khi rà soát, đề nghị bỏ Điều 9a và rà soát, chỉnh lý nội dung này tại khoản 6 Điều 9. Việc điều tra, đánh

	Đồng thời cũng phải rà soát lại không nhất thiết phải thực hiện tất cả các nội dung như đối với trường hợp thành lập mới.		giá đáp ứng các tiêu chí rừng đặc dụng và trình tự, thủ tục chỉ tiến hành đối với diện tích điều chỉnh tăng của khu rừng đặc dụng từ việc chuyển loại từ rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất.
3. Bổ sung Điều 9a vào sau Điều 9 như sau:			
"Điều 9a. Điều chỉnh diện tích và phân khu chức năng khu rừng đặc dụng	Đề nghị giải trình rõ cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn, đánh giá tác động của việc bổ sung quy định này. Vì Luật Lâm nghiệp không giao Chính phủ quy định chi tiết việc điều chỉnh diện tích và phân khu chức năng khu rừng đặc dụng.	Bộ Tư pháp	Đã rà soát, tiếp thu bỏ Điều 9a và tại Điều 9 bổ sung khoản 6, 7, 8 theo hướng dẫn chiếu việc thực hiện điều chỉnh tăng, giảm diện tích, chuyển loại giữa các khu rừng đặc dụng; bổ sung khoản 9 điều chỉnh các phân khu chức năng đối với vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên và khu bảo tồn loài - sinh cảnh và giải trình như sau: - Luật Lâm nghiệp 2017 (Điều 25, 26) quy định về thẩm quyền thành lập, tổ chức quản lý các khu rừng đặc dụng. Nghị định 156/2018/NĐ-CP (Điều 9) hướng dẫn việc thành lập khu rừng đặc dụng, nhưng chưa quy định chi tiết việc tổ chức quản lý các khu rừng đặc dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Luật Lâm nghiệp, trong đó có nội dung điều chỉnh diện tích khu rừng đặc dụng. Trên thực tế, để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, các địa phương thường phải tiến hành rà soát, điều chỉnh cơ cấu 3 loại rừng cho phù hợp với điều kiện

			cụ thể của địa phương và đáp ứng tiêu chí của từng loại rừng; có nơi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác ngoài lâm nghiệp để thực hiện các dự án phát triển kinh tế- xã hội, trong đó có diện tích rừng thuộc các khu rùng đặc dụng, nên việc thực hiện điều chỉnh diện tích các khu rừng đặc dụng, phân khu chức năng khu rừng đặc đụng là cần thiết.
1. Điều chỉnh diện tích và phân khu chức năng khu rừng đặc dụng			
a) Điều chỉnh tăng diện tích khu rừng đặc dụng từ việc chuyển rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất sang rừng đặc dụng.	bổ sung nội dung chi tiết phương án điều chỉnh tăng diện tích khu rừng đặc dụng	Sở NN&PTNT Thái Bình	Đã bỏ Điều 9a và rà soát, tiếp thu, chỉnh lý tại khoản 6 Điều 9 Nghị định 156/2018/NĐ-CP
	Sửa lại: Điều chỉnh tăng diện tích khu rừng đặc dụng từ việc chuyển *loại* rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất sang rừng đặc dụng	Sở NN&PTNT Quảng Ninh	
b) Điều chỉnh giảm diện tích khu rừng đặc dụng từ việc chuyển sang rừng sản xuất hoặc phòng hộ hoặc chuyển mục đích sử dụng rừng	sửa lại: "Điều chỉnh giảm diện tích khu rừng đặc dụng *được thực hiện từ việc chuyển rừng đặc dụng* sang rừng sản xuất hoặc rừng phòng hộ hoặc chuyển mục đích sử dụng rừng *sang mục đích khác*	Vụ Pháp chế, Bộ NN&PTNT, UBND tỉnh Bạc Liêu; Sở NN&PTNT Phú Yên, Thái Nguyên, Quảng Ninh	
c) Điều chỉnh các phân khu chức năng đối với vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên và khu bảo tồn loài - sinh cảnh được thực hiện khi xây dựng mới hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của khu rừng đặc dụng.	bỏ câu "*được thực hiện khi xây dựng mới hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của khu rừng đặc dụng*"	Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam	
2. Hồ sơ điều chỉnh diện tích và phân khu chức năng khu rừng đặc dụng			

a) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh tăng diện tích khu rừng đặc dụng bao gồm: văn bản đề nghị của Ban quản lý khu rừng đặc dụng; phương án điều chỉnh và các tài liệu khác có liên quan.	Quy định rõ thực hiện theo quy định về chuyển loại rừng tại Điều 39.	Sở NN&PTNT Lào Cai, Yên Bái; UBND tỉnh Lạng Sơn	Đã bỏ Điều 9a và rà soát, tiếp thu, chỉnh lý tại khoản 6 Điều 9 Nghị định 156/2018/NĐ-CP
	xem xét lại chủ thể đề nghị điều chỉnh diện tích khu rừng đặc dụng (ban quản lý rừng đặc dụng hay chủ rừng)	Sở NN&PTNT Phú Yên	Đã bỏ Điều 9a và rà soát, tiếp thu, chỉnh lý tại khoản 6, Điều 9 dư thảo Nghị định.
b) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh giảm diện tích khu rừng đặc dụng rừng được thực hiện khi chuyển loại rừng hoặc chuyển mục đích sử dụng rừng thực hiện theo quy định tại Điều 39 và 41 Nghị định này.	Đề nghị bỏ cụm từ "*được thực hiện khi chuyển loại rừng hoặc chuyển mục đích sử dụng rừng*",. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh giảm diện tích khu rừng đặc dụng với lý do chuyển mục đích sử dụng rừng thực hiện theo quy định tại 41 Nghị định này.	UBND tỉnh Lạng Sơn; Sở NN&PTNT Phú Yên	Đã bỏ Điều 9a và rà soát, tiếp thu, chỉnh lý tại khoản 7 Điều 9 Nghị định 156/2018/NĐ-CP
c) Hồ sơ điều chỉnh phân khu chức năng trong trường hợp không làm thay đổi diện tích, ranh giới của khu rừng đặc dụng thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý rừng bền vững.	Làm rõ điều chỉnh phân khu chức năng trong trường hợp không làm thay đổi diện tích, ranh giới của khu rừng đặc dụng là điều chỉnh gì?; quy định rõ hồ sơ điều chỉnh phân khu chức năng theo quy định của Bộ NN&PTNT về QLRBV?	- Viện KHLN VN - Sở NN&PTNT Thái Nguyên	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì văn bản do Bộ NN&PTNT ban hành về quản lý rừng bền vững sẽ quy định rõ lý do cũng như hồ sơ điều chỉnh phân khu chức năng.
3. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền điều chỉnh diện tích và phân khu chức năng khu rừng đặc dụng			
a) Trình tự điều chỉnh tăng diện tích khu rừng rừng đặc dụng *Chủ rừng gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính 02 bộ hồ sơ đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với khu rừng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý; đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý; trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc điều chỉnh*			

diện tích khu rừng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh diện tích khu rừng thuộc địa phương quản lý.			
b) Trình tự điều chỉnh giảm diện tích khu rừng rừng đặc dụng *Trình tự điều chỉnh giảm diện tích khu rừng rừng đặc dụng từ việc chuyển loại rừng hoặc chuyển mục đích sử dụng rừng được tích hợp trong thực hiện chuyển loại rừng hoặc chuyển mục đích sử dụng rừng thực hiện theo quy định tại Điều 40, Điều 42 Nghị định này.*	Bổ sung thực hiện theo quy định tại Điều 41	Sở NN&PTNT Hà Nam	Đã bỏ Điều 9a và rà soát, tiếp thu, chỉnh lý tại khoản 7 Điều 9 Nghị định 156/2018/NĐ-CP
	Chỉnh sửa: trình tự.. tích hợp trong *khi* thực hiện.... sử dụng rừng sang *mục đích khác.....* tại Điều 40 và 42 Nghị định này".	Vụ Pháp chế, Bộ NN&PTNT	Đã bỏ Điều 9a và rà soát, tiếp thu, chỉnh lý tại khoản 7 Điều 9 Nghị định 156/2018/NĐ-CP
c) Trình tự điều chỉnh phân khu chức năng khu rừng đặc dụng thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý rừng bền vững.".	Đề nghị cần nêu cụ thể quy định của Bộ NN&PTNT để áp dụng khi thực hiện thủ tục điều chỉnh phân khu chức năng khu rừng đặc dụng.	Sở NN&PTNT Phú Yên	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì văn bản do Bộ NN&PTNT ban hành về quản lý rừng bền vững. sẽ quy định rõ trình tự điều chỉnh phân khu chức năng khu rừng đặc dụng
	Bổ sung: "Điều 9b. Cơ cấu tổ chức của Ban quản lý rừng đặc dụng	Sở NN&PTNT Quảng Trị	Các nội dung về cơ cấu, tổ chức bộ máy của Ban quản lý rừng được quy định bởi văn bản quy phạm pháp luật khác, không quy định bởi văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành như Nghị dịnh 156/2018/NĐ-CP
4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 14 như sau:	Bổ sung quy định về sử dụng vật liệu để xây dựng các công trình trong rừng không gây ô nhiễm môi trường	Sở NN&PTNT Hải Phòng, Ninh Thuận	Tiếp thu, bổ sung vào khoản 4 Điều 15 Nghị định 156/2018/NĐ-CP
	- Khoản 1: Bổ sung điểm g khỏan 1 với nội dung: Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của đề án du lịch	Sở NN&PTNT Lâm Đồng	- Khoản 1, không nhất thiết phải bổ sung; đồng thời, Tổng cục Lâm nghiệp đã có hướng dẫn lập Đề án tại

	sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. Bổ sung điểm f) Hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường của đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. -Khoản 4: Sửa lại: đ) Tổ chức giám sát, đánh giá hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. Bổ sung điểm e khoản 4 Điều 14 với nội dung: Hiệu quả kinh tế - xã hội của đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.		Văn bản số 1183/TCLN-ĐDPH ngày 31/8/2021, có quy định nội dung này. - Điểm đ khoản 4 đã bao hàm nội dung hiệu quả kinh tế - xã hội như đề xuất
	Khoản 3: -Ý kiến 1: cần có quy trình phù hợp cho các chủ rừng khác nhau trong việc xây dựng và phê duyệt Đề án DLST trong rừng đặc dụng. Đối với chủ rừng là cộng đồng: khuyến khích cộng đồng xây dựng phương án quản lý rừng bền vững rừng bao gồm kế hoạch thực hiện du lịch sinh thái - Ý kiến 2: cân nhắc các quy định về xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, có thể dẫn chiếu theo quy định của pháp luật về xây dựng chứ không cần thiết quy định quá cụ thể nhu trong dự thảo Nghị định -Ý kiến 3: vẫn quy định UBND phê duyệt đề án, nhưng bổ sung quy định trước khi có ý kiến đồng ý của HĐND cấp tỉnh	Tổ chức phi chỉnh phủ; dự án, tổ chức quốc tế liên quan đến lâm nghiệp ở Việt Nam Sở NN&PTNT Vĩnh Phúc	Ý kiến 1: Chủ rừng là tổ chức đã được quy định; diện tích rừng đặc dụng giao cho cộng đồng nhỏ (rừng tín ngưỡng) nên cộng đồng được tự tổ chức các hoạt động du lịch phù hợp với quy chế quản lý rừng (thực hiện khoản 4 Điều 73 Luật Lâm nghiệp) Ý kiến 2: đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí là dự án có tính đặc thù, nên cần quy định cụ thể yêu cầu của phap luật về xây dựng khi xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.
a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 như sau: “a) Sau khi đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được phê duyệt, chủ rừng chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo phương thức tự tổ chức, *hợp tác*, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng phù hợp với đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	Bổ sung cụm từ :" *đồng thời phải phù hợp với quy hoạch của tỉnh*" sau cụm từ "... và các quy định của pháp luật khác liên quan".	UBND tỉnh Bình Thuận	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì đề án phải phù hợp với Phương án quản lý rừng bền vững và PAQLRBV đã phải tuân thủ phù hợp với các loại quy hoạch.

được phê duyệt. Việc lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải tuân thủ các quy định của Luật Lâm nghiệp và các quy định của pháp luật khác liên quan;”.			
	-Đề nghị bổ sung quy định tham vấn cộng đồng khi xây dựng đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. - Bổ sung đánh giá rủi ro, tác động môi trường; tác động cả các giá trị văn hóa, tín ngưỡng của cộng đồng địa phương khi khai thác du lịch. Hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí không được cản trở khả năng thực hành văn hóa, tín ngưỡng của cộng đồng -Cân nhắc quy định người đầu tư là người phê duyệt dự án	Tổ chức phi chỉnh phủ; dự án, tổ chức quốc tế liên quan đến lâm nghiệp ở Việt Nam	- Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì khi xây dựng đề án cần phải tiến hành khảo sát thực địa, tham vấn các bên liên quán, trong đó có tham vấn cộng đồng dân cư. - Tiếp thu, bổ sung quy định về tài liệu đánh giá tác động môi trường - Phê duyệt dự án tùy thuộc vào nguồn vốn đầu tư xây dựng dự án (đầu tư công, đầu tư từ nguồn vốn khác của nhà nước, đầu tư của tư nhân....)
	Bổ sung quy định về trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo phương thức tự tổ chức, hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng	Sở NN&PTNT Ninh Thuận	Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 5 Điều 14 Nghị định 156 (khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định)
	Bổ sung: Đối với các khu rừng đang tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí thì vẫn tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành, đồng thời triển khai xây dựng Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	Viện ĐTQHR	Tiếp thu, sẽ đưa nội dung vào điều khoản chuyển tiếp cùng các nội dung khác của Nghị định.
b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau: “6. Cho thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí			
a) Chủ rừng được phép cho thuê môi trường rừng đặc dụng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. Việc cho thuê môi trường rừng đặc dụng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải được thông báo rộng rãi.	Bổ sung quy định cụ thể việc lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng dựa trên năng lực, kinh nghiệm; hồ sơ xin thuê môi trường rừng và trình tự, thủ tục cũng như tiêu chí đánh giá, lựa chọn nhà đầu tư xin thuê	Sở NN&PTNT Lào Cai, Yên Bái, Quảng Ninh, Bà Rịa-	- Tiếp thu, chỉnh sửa tại điểm a khoản 6 Điều 14 Nghị định 156 (khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định)

Trước khi lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng, chủ rừng báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp xem xét, có ý kiến bằng văn bản.	môi trường rừng và tiêu chí đấu giá lựa chọn nhà đầu tư xin thuê môi trường rừng trong trường hợp phải tổ chức đấu giá.	Vũng Tàu; Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam; UBND tỉnh Tây Ninh;	
	- Đề nghị bổ sung quy đinh khuyến khích cộng đồng dân cư tham giá bảo vệ rừng kết hợp với kinh doánh du lịch sinh thái trong các khu rừng đặc dụng; - Phát triển du lịch cộng đồng đối với đồng bào dân tộc thiêu số tại các vùng đệm khu rừng đặc dụng - Bổ sung quy định cho thuê môi trường rừng để trồng cây dưới tán rừng (như trồng dược liệu dưới tán rừng)	Tổ chức phi chỉnh phủ; dự án, tổ chức quốc tế liên quan đến lâm nghiệp ở Việt Nam Sở NN&PTNT Vĩnh Phúc	Nghị định này quy định về kinh doanh du lịch sinh thái trong các khu rừng phòng hộ, sản xuất, trong đó có chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư. Đối với rừng đặc dụng (rừng tín ngưỡng), cộng đồng dân cư có thê tự tổ chức kinh doanh du lịch phù hợp với quy chế quản lý rừng đặc dụng. - Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì theo quy định tại khoản 4 Điều 33 Luật Lâm nghiệp, chủ rừng được cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
	Đề nghị quy định thời gian trả lời bằng văn bản của cơ quan quản lý trực tiếp về báo cáo của chủ rừng trước khi lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng.	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Đề nghị bỏ quy định này, thay vào đó, quy định hỗ sơ kỹ thuật làm cơ sở lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng.
b) Giá cho thuê môi trường rừng do các bên tự thỏa thuận nhưng không thấp hơn 2% tổng doanh thu thực hiện trong năm của bên thuê môi trường rừng trong phạm vi diện tích thuê môi trường rừng; trường hợp có hai tổ chức, cá nhân trở lên cùng đề nghị được thuê môi trường rừng thì tổ chức đấu giá với mức giá khởi điểm không thấp hơn 2% tổng doanh thu thực hiện trong năm của bên thuê môi trường rừng trong phạm vi diện tích thuê môi trường rừng. Thời gian thuê không quá 30 năm, định kỳ 5 năm đánh giá việc thực hiện hợp đồng,	(i) Cần làm rõ tổng doanh thu thực hiện trong năm của bên thuê môi trường rừng trước khi kinh doanh thì căn cứ vào đâu để xác định? Và khi đã ký hợp đồng thuê môi trường rừng nhưng chưa kinh doanh dịch vụ, chưa có doanh thu thì bên thuê môi trường rừng đã phải trả tiền thuê chưa, khi mà chưa có doanh thu. (ii) Tại thời điểm đấu giá hai tổ chức đưa ra doanh thu tương đồng nhau nhưng trong quá trình kinh doanh có thể doanh thu giảm hoặc	UBND tỉnh Hòa Bình	Tiếp thu, làm rõ trong hồ sơ kỹ thuật để lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng

hết thời gian cho thuê nếu bên thuê thực hiện đúng hợp đồng và có nhu cầu thì chủ rừng xem xét tiếp tục kéo dài thời gian cho thuê;	không có doanh thu thì giá cho thuê môi trường rừng được tính như thế nào và bên thuê môi trường rừng có phải trả tiền thuê khi kinh doanh thua lỗ không		
	Làm rõ về giá cho thuê, vì giá cho thuê không được quyết định từ khi ký hợp đồng ban đầu mà phụ thuộc vào doanh thu thực hiện trong năm của bên thuê; đồng thời đánh giá lại việc thực hiện quy định 1% tại Khoản 6 Điều 14 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP trong thời gian qua để từ đó thuyết minh làm rõ cơ sở đề xuất tăng lên mức 2% tại dự thảo Nghị định và dự kiến số kinh phí tăng lên và nhiệm vụ chi khi thay đổi	Bộ Tài chính	Tiếp thu, chỉnh sửa theo hướng giữ mức giá cho thuê môi trường rừng không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong nắm thuộc phạm vi diện tích thuê môi trường rừng để khuyến khích các nhà đầu tư; quy định cụ thể về lựa chọn tổ chức, cá nhân trong trường hợp có hai tổ chức, cá nhân trở lên đăng ký thuê môi trường rừng, yếu tố giá là một trong nhứng tiêu chí quan trọng trong hồ sơ kỹ thuật là căn cứ để lựa chọn tổ chức, cá nhân được thue môi trường rừng và được thể hiện tại điểm a khoản 6 Điều 14 Nghị định 156 (khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định) - Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;, vì việc tách riêng theo từng loại dịch vụ có thể gặp khó khăn.
	-Đề nghị quy định rõ 1% doanh thu nào? nếu doanh nghiệp có nhiều nguồn thu thì tính như thế nào? Nên cân nhắc tăng tỷ lệ giá thuê: "không thấp hơn 5% tổng doanh thu thực hiện trong năm của bên thuê môi trường rừng trong phạm vi diện tích thuê môi trường rừng" - Không gộp chung để tính 1 tỷ lệ cho thuê MTR mà cần tách ra, tùy loại dịch vụ, có thể cao hơn rất nhiều, như: - Thu từ các dịch vụ trong phân khu DV-HC - Thu từ các dịch vụ mới thêm trong vùng lõi, mở đường mòn, lối mở v.v…)	Tổ chức phi chỉnh phủ; dự án, tổ chức quốc tế liên quan đến lâm nghiệp ở Việt Nam Sở NN&PTNT Vĩnh Phúc	
	Đề nghị sửa: Giá cho thuê môi trường rừng các bên tự thỏa thuận, được thể hiện trong hợp đồng cho thuê môi trường rừng và phải đảm bảo các điều kiện sau: - Giá thuê môi trường rừng trong thời gian từ khi ký kết hợp đồng đến trước thời điểm bắt đầu phát sinh doanh thu thì tính theo đơn giá cho thuê rừng theo Quy định của Bộ	Sở NN&PTNT Bà Rịa-Vũng Tàu	

	NN&PTNT về định giá rừng, khung giá rừng. - Giá thuê môi trường rừng tại thời điểm bắt đầu phát sinh doanh thu: Không thấp hơn 2% tổng doanh thu thực hiện trong năm của bên thuê môi trường rừng trong phạm vi diện tích thuê môi trường rừng nhưng không thấp hơn 2% doanh thu dự kiến của dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo phương thức thuê môi trường rừng của tổ chức, cá nhân đã được cấp có thẩm quyền thẩm định. - Trường hợp có hai tổ chức, cá nhân trở lên cùng đề nghị được thuê môi trường rừng thì tổ chức đấu giá với mức giá khởi điểm gồm giá thuê môi trường rừng trước thời điểm bắt đầu phát sinh doanh thu và giá thuê môi trường rừng tại thời điểm bắt đầu phát sinh doanh thu. -Xem xét tăng lên khoảng 1,5%; vì mức 2% là quá cao đối với cac doanh nghiệp hoat động du ljch sinh thai cần khôi phục sau đại dịch Covid -19; đồng thời làm rõ là xác định doanh thu của nàm trước đó hay doanh thu thực tế của năm ký hợp đồng - Đề nghị giữ mức giá cho thuê môi trường rừng là 1% để khuyến khích các nhà đầu tư.	UBND TP Đà Nẵng Sở NN&PTNT Yên Bái, Quảng Ninh	
	Cần quy định rõ hơn về việc hết thời gian thuê 30 năm, hay định kỳ 5 năm đánh giá hợp đồng mà bên thuê môi trường rừng không đảm bảo các điều khoản thì xử lý như thế nào, các công trình nhà đầu tư xây dựng trên diện tích đất thuê môi trường rừng thì xử lý thế nào? Gia tăng thời gian cho thuê rừng và dịch vụ môi trường từ 30 năm lên không quá 50 năm	Viện KHKN, Sở NN&PTNT Quảng Ninh	Đề nghị giữ nguyên thời gian cho thuê dịch vụ môi trường rừng là 30 năm. Trường hợp bên thuê môi trường rừng không đảm bảo các điều khoản thì xử lý theo quy định tại hợp đồng cho thuê môi trường rừng được ký giữa hai bên Nghị định này không quy định cụ thể.

	- Bổ sung quy định việc sở hữu, sử dụng tài sản đầu tư sau khi hợp đồng thuê môi trường rừng hết thời hạn hoặc chủ rừng thanh lý hợp đồng trước thời hạn	Sở NN&PTNT Bà Rịa-Vũng Tàu	Tài sản được hình thành trên diện tích đất thuê môi trường rừng thì xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý tài sản.
	Đề nghị xem xét: bên thuê môi trường rừng vừa phải nộp tiền thuê môi trường rừng cho chủ rừng vừa phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng	Sở NN&PTNT Yên Bái	Đã quy định rõ tại điểm e khoản 6 Điều 15
	bổ sung cụm từ "*trên cơ sở thoả thuận của các Bên*" vào sau cụm từ "*tiếp tục kéo dài thời gian cho thuê*"	UBND tỉnh Lạng Sơn, Tây Ninh	Giữ nguyên như dự thảo
c) Trước khi ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng, chủ rừng phải điều tra thống kê tài nguyên rừng và phải xác định rõ các vị trí, địa điểm được phép xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng trên diện tích cho thuê để làm cơ sở bàn giao quản lý việc thực hiện hợp đồng. *Chủ rừng phối hợp với tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao quản lý diện tích đất, rừng của cấp có thẩm quyền cùng hợp đồng cho thuê môi trường rừng và các giấy tờ liên quan khác, để xin cấp phép xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong phạm vi diện tích cho thuê môi trường rừng.”.*	Cân nhắc lại quy định việc làm thủ tục xin cấp phép xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí (điểm c khoản 4 và điểm c khoản 9).	Bộ Tư pháp, Sở NN&PTNT Vĩnh Phúc	Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung theo hướng sau: - Quy định cụ thể việc xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng, như: lập bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng các tuyến, điểm du lịch, nghỉ dưỡng, giải trí, tổ chức không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch: xác định các phân khu trong khu vực quy hoạch; xác định chỉ tiêu sử dụng đất về mật độ xây dựng, tầng cao công trình đối với từng lô đất; bản vẽ và thuyết minh về định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật: điểm đấu nối, mạng lưới giao thông; hệ thống đấu nối và khả năng cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc. - Bổ sung quy định về nội dung; trình tự lập, thẩm định và phê duyệt dự án
	Quy định cụ thể các công trình xây dựng phục vụ hoạt động du lịch sinh thái trong rừng có được miễn giấy phép xây dựng hay không, nếu không được miễn thì hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng cho loại công trình này bao gồm các loại giấy tờ nào.	Sở NN&PTNT Bà Rịa- Vũng Tàu, Phú Yên, Hải Phòng, Phú Yên	
	Bổ sung sau cụm từ cho thuê môi trường rừng: "*.... trừ trường hợp các công trình thuộc diện miễn giấy phép xây dựng theo quy*	Sở NN&PTNT Lào Cai,	

	định của pháp luật về Xây dựng. Hồ sơ cấp phép xây dựng gồm có: *- Đơn đề nghị cấp phép xây dựng;* *- Bản vẽ thiết kế xây dựng;* *- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao quản lý diện tích đất, rừng của cấp có thẩm quyền;* *- Hợp đồng cho thuê môi trường rừng".*	UBND tỉnh Tây Ninh	du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí như một dự án có tính đặc thù (xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trên đất quy hoạch phát triển rừng đặc dụng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt) Các nội dung chỉnh sửa trên được thể hiện tại khoản 5, 6 Điều 14 Nghị định 156/2018/NĐ-CP (khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định)
	Trong trường hợp các tổ chức, cá nhân đã hợp đồng thuê môi trường rừng với chủ rừng rồi thì ai là người xin cấp phép xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.	UBND tỉnh Hòa Bình	
	Bổ sung: công trình xây dựng được thể hiện trong dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được miễn giấy phép xây dựng	Sở NN&PTNT Yên Bái, Quảng Ninh	
	Bổ sung nguyên tắc cho thuê môi trường rừng	Bộ Tư pháp	Tiếp thu, tuy nhiên không hình thành mục tiêng quy định về nguyên tắc cho thuê môi trường rừng mà giao Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định trình tự, điều kiện lựa chọn và thực hiện hợp đồng với tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng (khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định).
	Bổ sung cụm từ:"*mức độ, kết cấu*" :sau cụm từ" *vị trí, địa điểm*"	UBND tỉnh Bình Thuận	Việc xác định mức độ, kết cấu không thuộc nội dung thời điểm kiểm kê diện tích.
	Bổ sung cụm từ " *hoặc quyết định thành lập.."* sau cụm từ "*diện tích đất, rừng..*"	VQG Ba Vì	Tiếp thu
5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và điểm b, điểm c			

khoản 4 Điều 15 như sau:			
a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau: “1. Công trình xây dựng phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bảo đảm không làm ảnh hưởng đến đa dạng sinh học và cảnh quan tự nhiên của khu rừng; phù hợp với đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 14 của Nghị định này; tuân thủ các quy định của Luật Lâm nghiệp và các quy định của pháp luật khác có liên quan.”.	bổ sung quy định không làm gia tăng rủi ro thiên tai trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành công trình, điểm du lịch, khu du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng theo quy định tại Luật số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều.	Tổng cục phòng chống thiên tai, Bộ NN&PTNT	Đề nghị giữ nguyên khoản 1 Nghị định 156
	"Công trình xây dựng phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bảo đảm không làm ảnh hưởng đến đa dạng sinh học, *các giá trị văn hoá tín ngưỡng của cộng đồng địa phương và* cảnh quan tự nhiên của khu rừng; phù hợp với đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 14 của Nghị định này; tuân thủ các quy định của Luật Lâm nghiệp và các quy định của pháp luật khác có liên quan.”.	Tổ chức phi chỉnh phủ; dự án, tổ chức quốc tế liên quan đến lâm nghiệp ở Việt Nam	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì công trình xây dựng phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bảo đảm phù hợp với đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, trong đó có nhiều yếu tố được xem xét khi xây dựng đề án(đa dạng sinh học, tài nguyên du lịch về khía cạnh văn hóa...)
b) Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 4 như sau:			
“b) Không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước về rừng, tài nguyên thiên nhiên trên mặt đất và dưới lòng đất; không chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng đối với các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;	- Đề nghị bỏ quy định: không chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng đối với các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. - Đề nghị sửa đổi: “Không làm mất quyền sở hữu của nhà nước về rừng, tài nguyên thiên nhiên trên mặt đất và dưới lòng đất; chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng để xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí”.	- UBND các tỉnh: Sơn La, Lạng Sơn, Tây Ninh. - Sở NN&PTNT Lào Cai, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Yên Bái, Lâm	Tiếp thu, giữ nguyên điểm b khoản 4 Điều 5 Nghị định 156/2018/NĐ-CP

		Đồng. - Bộ TN&MT	
c) Chỉ được xây dựng các công trình ở những nơi đất trống, trảng cỏ, đất có cây bụi không có khả năng tự *phục hồi thành rừng, với quy mô, diện tích các công trình hạ tầng phục vụ cho hoạt động dịch vụ - du lịch tối đa 15% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng thuộc phân khu dịch vụ, hành chính. Trong đó, diện tích xây dựng các công trình kiến trúc cơ sở hạ tầng tối đa không quá 5%; diện tích xây dựng các công trình phụ trợ như: điện, đường, điểm dừng chân, bãi đỗ xe và các công trình khác không quá 10%. Trong trường hợp diện tích khu vực cho thuê môi trường rừng dưới 03 ha, diện tích xây dựng các công trình kiến trúc cơ sở hạ tầng tối đa không quá 10%, tỷ lệ diện tích xây dựng cụ thể được xác định trong hợp đồng cho thuê môi trường rừng, đảm bảo tổng diện tích xây dựng các công trình kiến trúc cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của khu rừng đặc dụng không vượt quá 5% diện tích phân khu dịch vụ, hành chính.*	- *Sửa lại là: Trong trường hợp.... diện tích xây dựng các công trình kiến trúc cơ sở hạ tầng không quá 10% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng"* Quy định *""đảm bảo tổng diện tích xây dựng các công trình kiến trúc cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của khu rừng đặc dụng không vượt quá 5% diện tích phân khu dịch vụ, hành chính* "sẽ rất khó khăn và không sát thực tế, khó khả thi trong công tác quản lý, kiểm tra, giám sát tỷ lệ 5% của cả khu rừng đặc dụng Bổ sung: .....đất trống, đất hợp đồng giao khoán của các hộ dân trồng cây nông nghiệp, công nghiệp.	VQG Ba Vì Khu bảo tồn thiên nhiên-văn hóa Đồng Nai	Giữ nguyên như dự thảo
	Chỉ được xây dựng các công trình ở *những mặt nước, nơi đất trống, trảng cỏ, đất có cây bụi không có khả năng tự phục hồi thành rừng và không phải là nơi có giá trị bảo bảo tồn cao;* quy mô, diện tích các công trình hạ tầng phục vụ cho hoạt động dịch vụ - du lịch tối đa 15% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng *thuộc phân khu dịch vụ, hành chính.* Trong đó, diện tích xây dựng các công trình kiến trúc cơ sở hạ tầng tối đa không quá 5%; diện tích xây dựng	Tổ chức phi chỉnh phủ; dự án, tổ chức quốc tế liên quan đến lâm nghiệp ở Việt Nam	Đề nghị giữ nguyên như dụ thảo, vì câc công trình chỉ được xây dựng trong phân khu hành chính-dịch vụ-không phải là nơi có giá trị bảo tồn cao

	các công trình phụ trợ như: điện, đường, điểm dừng chân, bãi đỗ xe và các công trình khác không quá 10%. Trong trường hợp diện tích khu vực cho thuê môi trường rừng dưới 03 ha, diện tích xây dựng các công trình kiến trúc cơ sở hạ tầng tối đa không quá 10%; tỷ lệ diện tích xây dựng cụ thể được xác định trong hợp đồng cho thuê môi trường rừng, đảm bảo tổng diện tích xây dựng các công trình kiến trúc cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của khu rừng đặc dụng *không vượt quá 10 % diện tích phân khu dịch vụ, hành chính*		
	Bỏ sung: Chỉ được xây dựng các công trình ở những nơi không còn hệ sinh thái tự nhiên	Tổ chức phi chỉnh phủ; dự án, tổ chức quốc tế liên quan đến lâm nghiệp ở Việt Nam	Tiếp thu
	Chỉnh lý lại theo hướng nên để chủ rừng xác định mật độ xây dựng công trình hạ tầng phục vụ các hoạt động dịch vụ - du lịch phù hợp với hiện trạng rừng đang quản lý	Bộ Tư pháp	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo nhằm quản lý chặt chẽ và thống nhất việc xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí
	-Sửa lại: diện tích các công trình hạ tầng phục vụ cho hoạt động dịch vụ - du lịch tối đa 10% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng thuộc phân khu dịch vụ, hành chính - Bỏ quy định: "Trong trường hợp..... không vượt quá 5% diện tích phân khu dịch vụ, hành chính - Không quy định tỷ lệ (mật độ) diện tích xây	Bộ Công An Sở NN&PTNT Quảng Ninh Sở NN&PTNT Lào Cai, Yên	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Vì việc quy định diện tích các công trình hạ tầng phục vụ cho hoạt động dịch vụ du lịch được xây dựng trên cơ sở tham vấn nhiều bên, vừa thực hiện quản lý chặt chẽ việc xây dựng các công trình không làm ảnh hưởng đến rừng vừa tạo điều kiện cho các đơn vị kinh doanh du lịch sinh thái thu hút khách du lịch.

	dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.	Bái, Quảng Ninh	
	Giải thích cụ thể "*công trình kiến trúc cơ sở hạ tầng*" ở đây là những công trình nào.	Sở NN&PTNT Bà Rịa-Vũng Tàu	- Tiếp thu, bỏ cụm từ "*kiến trúc*".
	Đề nghị bỏ cụm từ: "…*không có khả năng tự phục hồi thành rừng*…".	Sở NN&PTNT Vĩnh Phúc, Vườn quốc Gia Phú Quốc	- Tiếp thu
	Đề nghị điều chỉnh tỷ lệ diện tích đất xây dựng các công trình hạ tầng phù hợp với mật độ xây dựng theo quy định tại mục 2.6.4 của QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, như: " *Mật độ xây dựng gộp tối đa của khu du lịch – nghỉ dưỡng tổng hợp* (resort) là 25%.	Sở NN&PTNT Long An	- Đề nghị giữ nguyên, vì QCVN này áp dụng cho nhóm đất xây dựng, không phù hợp với đất lâm nghiệp.
	Bổ sung giới hạn tối đa diện tích xây dựng đối với các khu vực rừng có diện tích lớn; quy định cụ thể cơ quan có trách nhiệm, thẩm quyền kiểm tra, thẩm định, xác nhận bản đồ có thể hiện vị trí "*những nơi đất trống, trảng cỏ, đất có cây bụi không có khả năng tự phục hồi thành rừng,…".*	Sở NN&PTNT Phú Yên, Quảng Ninh	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì trong đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí đã xây dựng bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng các tuyến, điểm du lịch, nghỉ dưỡng, giải trí, tổ chức không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch của khu rừng; được thẩm định chặt chẽ trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án
	Bổ sung: "*đối với hệ sinh thái rừng trên đất ngập nước được xây dựng công trình hạ tầng ở những nơi có cây rải rác, rừng nghèo, rừng xuống cấp, rừng suy thoái theo tỷ lệ quy định tại điểm này; nhưng phải trồng rừng thay thế theo quy định và không chuyển mục đích sử*	Sở NN&PTNT Cà Mau	Bổ sung đưa nội dung "*mặt nước*" vào dự thảo.

	dụng đất.”		
	Khoản 2: bổ sung *cầu dành cho người đi bộ ở khu rừng ngập nước*.	Sở NN&PTNT Thái Bình	Tiếp thu.
	khoản 2: cho phép chủ rừng xây dựng hệ thống lều dừng chân tuần tra trên những khu đất trống, không ảnh hưởng đến đa dạng sinh học và tài nguyên rừng; diện tích không vượt quá 50 mét vuông cho mỗi lều dừng chân.	Sở NN&PTNT Quảng Nam	Đã có quy định “lều trú chân” tại khoản 2 rồi, không cần quy định rõ hơn
	c) Chỉ được xây dựng các công trình ở những diện tích đất trống, trảng cỏ, đất có cây bụi (gồm những diện tích < 0,3 ha đảm bảo đủ điều kiên để xây dựng công trình).	Sở NN&PTNT Lâm Đồng	Tiếp thu
6. Bổ sung khoản 6 Điều 17 như sau:			
“6. Việc sáp nhập khu rừng phòng hộ được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.”.			Bỏ Điều 17a; đã rà soát, chỉnh lý, bổ sung tại khoản 6 Điều 17
7. Bổ sung Điều 17a vào sau Điều 17 như sau:	.		
“Điều 17a. Điều chỉnh diện tích khu rừng phòng hộ			
1. Nội dung điều chỉnh diện tích khu rừng phòng hộ			
a) Điều chỉnh tăng diện tích khu rừng phòng hộ từ việc chuyển loại rừng đặc dụng hoặc rừng sản xuất sang rừng phòng hộ.	bổ sung nội dung chi tiết phương án điều chỉnh tăng diện tích khu rừng phòng hộ	Sở NN&PTNT Thái Bình	Bỏ Điều 17a; đã rà soát, chỉnh lý, bổ sung tại khoản 6 Điều 17
	Sửa lại: Điều chỉnh tăng diện tích khu rừng phòng hộ *được thực hiện* từ việc chuyển loại rừng đặc dụng hoặc rừng sản xuất sang rừng phòng hộ	Vụ Pháp chế, Bộ NN&PTNT	Bỏ Điều 17a; đã rà soát, tiếp thu, chỉnh lý, bổ sung tại khoản 6 Điều 17
	bổ sung cụm từ "*.. hoặc rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp* sang rừng phòng hộ sau cụm từ "*rừng sản xuất*"	Sở NN&PTNT Lai Châu, Thái Nguyên	Bỏ Điều 17a; đã rà soát, chỉnh lý, bổ sung tại khoản 6 Điều 17
b) Điều chỉnh giảm diện tích khu rừng phòng hộ từ	Sửa lại: Điều chỉnh giảm diện tích khu rừng	Sở	Bỏ Điều 17a; đã rà soát, chỉnh lý, bổ

việc chuyển sang rừng sản xuất hoặc rừng đặc dụng hoặc chuyển mục đích sử dụng rừng.	phòng hộ *được thực hiện* từ việc chuyển loại rừng phòng hộ sang rừng sản xuất hoặc rừng đặc dụng hoặc chuyển mục đích sử dụng rừng *sang mục đích khác*.	NN&PTNT Thái Nguyên; Vụ Pháp chế, Bộ NN&PTNT	sung tại khoản 7 Điều 17
2. Hồ sơ điều chỉnh diện tích khu rừng phòng hộ	quy định đồng bộ hồ sơ và nội dung tăng và giảm diện tích khu rừng phòng hộ như chuyển loại rừng.theo quy định tại Điều 39 Nghị định 156	Sở NN&PTNT Lào Cai, Yên Bái, Quảng Ninh; UBND tỉnh Lạng Sớn, Tây Ninh	Bỏ Điều 17a; đã rà soát, chỉnh lý, bổ sung tại khoản 7 Điều 17
a) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh tăng diện tích khu rừng phòng hộ bao gồm: Văn bản đề nghị của Ban quản lý khu rừng phòng hộ; Phương án điều chỉnh; các tài liệu khác có liên quan	thay cụm từ "*Ban quản lý khu rừng phòng hộ*" bằng cụm từ "*chủ rừng"*	UBND tỉnh Cao Bằng, Bộ Công thương	Bỏ Điều 17 a; đã rà soát, chỉnh lý, bổ sung tại khoản 6 Điều 17
b) Hồ sơ đề nghị điều chỉnh giảm diện tích khu rừng phòng hộ được thực hiện khi chuyển loại rừng hoặc chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định tại Điều 39 hoặc Điều 41 Nghị định này;			
3. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền điều chỉnh diện tích khu rừng phòng hộ			
a) Trình tự điều chỉnh tăng diện tích khu rừng phòng hộ:			
Chủ rừng gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính 02 bộ hồ sơ đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với khu rừng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý; đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý; trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc điều chỉnh diện tích khu rừng thuộc Bộ Nông nghiệp và			

Phát triển nông thôn quản lý; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh diện tích khu rừng thuộc địa phương quản lý.			
b) Trình tự điều chỉnh giảm diện tích khu rừng rừng phòng hộ *Trình tự điều chỉnh giảm diện tích khu rừng rừng phòng hộ từ việc chuyển loại rừng hoặc chuyển mục đích sử dụng rừng được tích hợp trong thực hiện chuyển loại rừng hoặc chuyển mục đích sử dụng rừng thực hiện theo quy định tại Điều 40, Điều 42 Nghị định này.".*	Bổ sung Điều 41.	Sở NN&PTNT Bắc Ninh	Bỏ Điều 17 a; đã rà soát, chỉnh lý, bổ sung tại khoản 7 Điều 17
8. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 20 như sau:	Sửa đổi tên khoản 8 Điều 1 của dự thảo như sau "*8. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 và bổ sung khoản 5 Điều 20 như sau*:". Đồng thời, đề nghị rà soát và sửa đổi tương tự với khoản 10, khoản 24, khoản 27 Điều 1 của dự thảo.	Bộ Giao thông vận tải	Tiếp thu
	Hiện nay ở một số địa phương cộng đồng dân cư quản lý rừng bảo vệ nguồn nước từ lâu đời, hầu như không có sự hỗ trợ đầu tư của nhà nước, cộng đồng tự xây dựng quy chế khai thác, sử dụng gỗ trên những khu rừng này khác với quy định tại Điều 20 thì xử lý như thế nào?	Tổ chức phi chỉnh phủ; dự án, tổ chức quốc tế liên quan đến lâm nghiệp ở Việt Nam	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì Luật Lâm nghiệp 2017 (Điều 55) quy định khai thác lâm sản trong rừng phòng hộ, không phân biệt rừng đó giao cho tổ chức hay cộng đồng dân cư
a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:			
"c) Phương thức khai thác do chủ rừng tự quyết định; *đối với rừng tre, nứa được khai thác chọn không quá 30% trữ lượng; đối với các loài nguy cấp, quý, hiếm thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý các loài nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.".*	Đề nghị sửa thành: "*phương thức khai thác do chủ rừng quyết định trên cơ sở tham vấn/ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước/cơ quan chuyên môn lâm nghiệp có thẩm quyền cấp trên trước khi thực hiện*".	Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, theo đó, chỉ quy định cường độ khai thác tre, nứa, còn các LSNG khác do chủ rừng tự quyết định (trừ các loài nguy cấp, quý, hiếm)
	Bổ sung quy định khai thác LSNG trong rừng	UBND tỉnh	Tiếp thu

	phòng hộ là rừng trồng	Nghệ An	
	Đề nghị quy định:"*đối với rừng tre, nứa được khai thác chọn không quá 30% trữ lượng trên diện tích đưa vào khai thác*"	Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam	Tiếp thu
	Bổ sung quy định tại điểm c khoản 3: khai thác trắng theo đám không quá 5ha.	UBND tỉnh Nghệ An	Khai thác trắng theo đám không quá 3ha thì hợp lý hơn
	Đề nghị bổ sung quy định tại điểm b khoản 3: "Điều kiện: *Chủ rừng phải lập phương án khai thác gỗ theo quy định của Bộ NN&PTNT và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt*". Đồng thời, có quy định cụ thể về cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án để làm cơ sở thực hiện cho phù hợp.	UBND tỉnh Bình Thuận	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Vì Thông tư 27/ /2018/TT-BNNPTNT ngày 16 /11 /2018 của Bộ NN&PTNT quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản đã quy định cụ thể cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án.
b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 như sau:			
c) Phương thức khai thác Khai thác tỉa thưa cây trồng chính phải bảo *đảm độ tàn che của cây trồng chính sau khai thác ít nhất 0,6* và phân bố đều trong lô. Khai thác chọn cây trồng chính cường độ không quá 20% trữ lượng. Khai thác trắng theo băng thì chiều rộng băng không quá 30 m; khai thác trắng theo đám thì diện tích đám không quá 3 ha, tổng diện tích khai thác hằng năm không vượt quá 20% tổng diện tích rừng đã đạt tiêu chuẩn phòng hộ *sau khi khai thác rừng vẫn đạt tiêu chuẩn phòng hộ theo quy định tiêu chuẩn quốc gia.".*	Quy định rõ: + "*…20% tổng diện tích rừng đã đạt tiêu chuẩn phòng hộ*": là 20% tổng diện tích của 01 chủ rừng, hay tính trên địa bàn hành chính, hay tính trên lô, khoảnh	Sở NN&PTNT Cà Mau; UBND TP Hà Nội	Đã rà soát, chỉnh lý điểm c khoản 3 Điều 20
	Bổ sung cụm từ: "...theo từng chủ thể quản lý" sau cụm từ "..đã đạt tiêu chuẩn phòng hộ..."	Sở NN&PTNT Bắc Kạn	Giữ nguyên như dự thảo
	- Bổ sung: đối với rừng phòng hộ ven biển khi khai thác tỉa thưa cây trồng chính phải bảo đảm mật độ còn lại ít nhất 1.500- 2.000 cây/ha và phân bố đều trong lô. - Giữ nguyên quy định "phải bảo đảm mật độ	- UBND tỉnh Bạc Liêu - UBND tỉnh Lạng Sơn, Nghệ An; Sở	Tiếp thu, bổ sung khi khai thác cây trồng chính rừng phòng hộ ven biển phải bảo đảm mật độ còn lại ít nhất 1.500cây/ha và phân bố đều trong lô

	còn lại ít nhất 600 cây/ha" tại điểm c khoản 3 Điều 20 Nghị định sô 156; không áp dụng quy định về độ tàn che. - Sửa lại: "Khai thác tỉa thưa cây trồng chính phải bảo đảm mật độ còn lại ít nhất 400 cây/ha trở lên và phân bố đều trong lô".	NN&PTNT Quảng Ngãi, Quảng Ninh; Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam - Sở NN&PTNT Lai Châu	
	Đề nghị bỏ cụm từ: "*sau khi khai thác rừng vẫn đạt tiêu chuẩn phòng hộ theo quy định tiêu chuẩn quốc gia*."	Sở NN&PTNT Hải Dương	
c) Bổ sung khoản 5 như sau			
"5. Khai thác tận thu gỗ rừng trồng *a) Đối tượng: cây gỗ bị đổ gãy, bị chết do thiên tai; gỗ cháy, gỗ khô mục, cành ngọn còn nằm lại trong rừng.* *b) Điều kiện: chủ rừng phải lập phương án khai thác tận thu theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.".*	sửa lại: Đối tượng: cây gỗ bị đổ gãy, bị chết *do tự nhiên* hoặc do thiên tai; gỗ cháy, gỗ khô mục, cành ngọn còn nằm lại trong rừng - Sửa lại: cây gỗ bị đổ gãy, bị chết do thiên tai, do yếu tố về đất đai, dịch bệnh, sâu bệnh, sinh vật gây hại rừng…; gỗ cháy, gỗ khô mục, cành ngọn còn nằm lại trong rừng". - Bổ sung: cây gỗ bị sạt lở, bị chết không rõ nguyên nhân, bị sâu bệnh, cây gỗ có khả năng đổ gãy..	-Tổng cục phòng chống thiên tai, Bộ NN&PTNT - Sở NN&PTNT Đắc Nông,;UBND tỉnh Cao Bằng - Sở NN&PTNT TPHCM	Tiếp thu, bổ sung khoản 5 Điều 20 Nghị định 156 (khoản 8 Điều 1 dự thảo Nghị định)
	Bổ sung Khoản 6 quy định về khai thác lâm sản ngoài gỗ trong rừng phòng hộ là rừng trồng.	Sở NN&PTNT Lai Châu; Quảng Nam	Viêc khai thác lâm sản ngoài gỗ trong rừng trồng do chủ rừng tự quyết định
	Bổ sung: "5. Khai thác tận thu gỗ rừng tự nhiên a) Đối tượng: cây gỗ, cành, nhánh bị đổ, gãy, bị cháy, bị chết do thiên tai và sâu, bệnh hại; gỗ cháy, gỗ khô mục, cành ngọn còn	Sở NN&PTNT Lâm Đồng	Đã quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 156/2028/NĐ-CP và tại khoản 1 Điều 55 Luật Lâm nghiệp

	nằm lại trong rừng. b) Điều kiện: chủ rừng phải lập phương án khai thác tận thu gỗ theo quy định trình cơ quan, cấp thẩm quyền xem xét, quyết định. c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm trong việc quyết định tận thu gỗ rừng tự nhiên trong rừng phòng hộ.		
9. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 23 như sau:			
	Khonar1: Đề nghị sửa lại: Đánh giá hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, *các giá trị văn hoá tín ngưỡng của cộng đồng địa phương,* tài nguyên du lịch và các loại sản phẩm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; đ).... Các giải pháp bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, *các giá trị văn hoá tín ngưỡng của cộng đồng địa phương, và bảo vệ môi trường; Có phương án ưu tiên đào tạo người địa phương và sử dụng lao động của cộng đồng địa phương.*	Tổ chức phi chỉnh phủ; dự án, tổ chức quốc tế liên quan đến lâm nghiệp ở Việt Nam	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì các giá trị văn hoá tín ngưỡng của cộng đồng địa phương được đề cập trong gía trị tài nguyên du lịch, các giải pháp bảo vệ và phát triển rừng.
"5. Tổ chức thực hiện đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí a) Sau khi đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được phê duyệt, chủ rừng chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo phương thức tự tổ chức, *hợp tác*, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng phù hợp với đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được phê duyệt. Việc lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải tuân thủ các quy định của Luật Lâm nghiệp và các quy định của pháp luật khác liên quan;			
	"c) Kinh phí lập đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: được cân đối trong kế hoạch	Sở NN&PTNT	Tiếp thu

	tài chính hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước*; từ nguồn kinh phí xã hội hóa.* Trường …”.	Lâm Đồng	
6. Cho thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí			
a) Chủ rừng được phép cho thuê môi trường rừng phòng hộ để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. Việc cho thuê môi trường rừng phòng hộ để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải được thông báo rộng rãi. *Trước khi lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng, chủ rừng báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp xem xét, có ý kiến bằng văn bản.*	Xem lại nội dung này, vì thực tế không cần thiết, còn nếu vẫn quy định thì phải quy định hồ sơ là gì, trình tự ra sao.	Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam	Giải trình như đối với rừng đặc dụng
b) Giá cho thuê môi trường rừng do các bên tự thỏa thuận nhưng không thấp hơn 2% tổng doanh thu thực hiện trong năm của bên thuê môi trường rừng trong phạm vi diện tích thuê môi trường rừng; Trường hợp có hai tổ chức, cá nhân trở lên cùng đề nghị được thuê môi trường rừng thì tổ chức đấu giá với mức giá khởi điểm không thấp hơn 2% tổng doanh thu thực hiện trong năm của bên thuê môi trường rừng trong phạm vi diện tích thuê môi trường rừng. Thời gian thuê không quá 30 năm, định kỳ 5 năm đánh giá việc thực hiện hợp đồng, hết thời gian cho thuê nếu bên thuê thực hiện đúng hợp đồng và có nhu cầu thì chủ rừng xem xét tiếp tục kéo dài thời gian cho thuê;	bổ sung cụm từ "*trên cơ sở thoả thuận của các Bên"* vào sau cụm từ " *tiếp tục kéo dài thời gian cho thuê*"		Giải trình như đối với rừng đặc dụng
	Thời gian 30 năm quá dài. Nên là 10 năm (bằng thời hạn của PAQLRBV)	Tổ chức phi chỉnh phủ; dự án, tổ chức quốc tế liên quan đến lâm nghiệp ở Việt Nam	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo

	Đề nghị rà soát, cắt bỏ những nội dung trùng lắp trong dự thảo Nghị định (Bộ NN&PTNT tiếp tục quy định sửa đổi nội dung về giá cho thuê môi trường rừng)	Bộ Tài chính	Giải trình như đối với rừng đặc dụng
	Bô sung cụm từ "*có doanh thu cao hơn*" sau cụm từ:"... *trong năm của bên thuê môi trường rừng*.."; quy định thời gian tối đa kéo dài thời gian cho thuê môi trường rừng sau khi hết thời gian cho thuê ban đầu (30 năm).	Sở NN&PTNT Quảng Nam	Giải trình như đối với rừng đặc dụng
c) Trước khi ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng, chủ rừng phải điều tra thống kê tài nguyên rừng *và phải xác định rõ các vị trí, địa điểm được phép xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng trên diện tích cho thuê để làm cơ sở bàn giao quản lý việc thực hiện hợp đồng. Chủ rừng phối hợp với tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao quản lý diện tích đất, rừng của cấp có thẩm quyền cùng hợp đồng cho thuê môi trường rừng và các giấy tờ liên quan khác, để xin cấp phép xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong phạm vi diện tích cho thuê môi trường rừng.”.*			
	- Khoản 1: bổ sung điểm f) Hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường của đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. - Khoản 4: + Sửa lại: đ) Tổ chức giám sát, đánh giá hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. + Bổ sung điểm e với nội dung: Hiệu quả kinh tế - xã hội của đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.	Sở NN&PTNT Lâm Đồng	Giải trình như đối với rừng đặc dụng
10. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 24 như sau:	Đề nghị bổ sung, làm rõ hơn về quy mô xây dựng các công trình tại các dự án du lịch sinh	Vụ Quản lý doanh nghiệp,	Giải trình như đối với rừng đặc dụng

	thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ.	Bộ NN&PTNT	
a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau: "1. Công trình xây dựng phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bảo đảm không làm ảnh hưởng đến chức năng phòng hộ và cảnh quan tự nhiên của khu rừng; phù hợp với đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 23 Nghị định này*; tuân thủ các quy định của Luật Lâm nghiệp và các quy định của pháp luật khác có liên quan.".*	Sửa lại: "1. Công trình xây dựng phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí *và trồng cây dược liệu, lâm sản ngoài gỗ* bảo đảm không làm ảnh hưởng đến chức năng phòng hộ và cảnh quan tự nhiên của khu rừng; phù hợp với đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí *hoặc Phương án, kế hoạch sử dụng môi trường rừng để trồng cây dược liệu, lâm sản ngoài gỗ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt* theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 23 Nghị định này; tuân thủ các quy định của Luật Lâm nghiệp và các quy định của pháp luật khác có liên quan"	Sở NN&PTNT Quảng Nam	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì điều khoản này không quy định cho các công trình khác ngoài công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.
	Bổ sung: "*Các công trình xây dựng phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng thì được miễn giấy phép xây dựng và việc xây dựng phải phù hợp đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt*". Sửa lại: "1. Công trình xây dựng phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bảo đảm giảm thiểu ảnh hưởng đến chức năng phòng hộ và cảnh quan tự nhiên của khu rừng; phù hợp …".	Sở NN&PTNT Phú Yên Sở NN&PTNT Lâm Đồng	Giải trình như đối với rừng đặc dụng
b) Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 2 như sau:			
"b) Không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước về rừng, tài nguyên thiên nhiên trên mặt đất và dưới lòng đất; *không chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ đối với các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí*	-Bỏ quy định: không chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ - Sửa lại "Không làm mất quyền sở hữu của nhà nước về rừng, tài nguyên thiên nhiên trên mặt đất và dưới lòng đất; chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ để xây dựng các	-UBND tỉnh Sơn La, Bộ TN&MT - Sở	Giải trình như đối với rừng đặc dụng

	công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí”.	NN&PTNT Lâm Đồng	
c) Chỉ được xây dựng các công trình ở những nơi đất trống, trảng cỏ, đất có cây bụi không có khả năng tự phục hồi thành rừng, *với quy mô, diện tích các công trình hạ tầng phục vụ cho hoạt động dịch vụ - du lịch tối đa 20% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng. Trong đó, diện tích xây dựng các công trình kiến trúc cơ sở hạ tầng tối đa không quá 5%; diện tích xây dựng các công trình phụ trợ như: điện, đường, điểm dừng chân, bãi đỗ xe và các công trình khác không quá 15%.”.*	bổ sung cụm từ: "n*goại trừ cầu dành cho người đi bộ ở khu rừng ngập nước*" sau cụm từ :" *... không có khả năng tự phục hồi thành rừng"*	Sở NN&PTNT Thái Bình	Giải trình như đối với rừng đặc dụng
	- Sửa lại: diện tích các công trình hạ tầng phục vụ cho hoạt động dịch vụ - du lịch tối đa 10% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng thuộc phân khu dịch vụ, hành chính - Không quy định tỷ lệ (mật độ) diện tích xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.	- Bộ Công An - Sở NN&PTNT Lào Cai, Yên Bái, Quảng Ninh	Giải trình như đối với rừng đặc dụng
	Đề nghị điều chỉnh tỷ lệ diện tích đất xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ cho hoạt động dịch vụ - du lịch cho thống nhất, đồng thời phải đảm bảo phù hợp mật độ xây dựng theo quy định tại mục 2.6.4 của QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, như: “*Mật độ xây dựng gộp tối đa của khu du lịch – nghỉ dưỡng tổng hợp (resort) là 25%"*	Sở NN&PTNT Long An, Quảng Ninh	Giải trình như đối với rừng đặc dụng
	Bổ sung cụm từ: "..*đối với hệ sinh thái rừng trên đất ngập nước được xây dựng dựng công trình hạ tầng ở những nơi có cây rải rác, rừng nghèo, rừng xuống cấp, rừng suy thoái*	Sở NN&PTNT Cà Mau	Giải trình như đối với rừng đặc dụng

	theo tỷ lệ quy định tại điểm này; nhưng phải trồng rừng thay thế theo quy định và không chuyển mục đích sử dụng đất"		
	Chỉ được xây dựng các công trình ở những diện tích đất trống, trảng cỏ, đất có cây bụi (gồm những diện tích < 0,3 ha đảm bảo đủ điều kiên để xây dựng công trình), với quy mô…	Sở NN&PTNT Lâm Đồng	Giải trình như đối với rừng đặc dụng
11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 25 như sau:			
"2. Đối với khu rừng phòng hộ đã có rừng			
a) Chủ rừng, bên nhận khoán là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được trồng xen cây nông nghiệp, cây lâm sản ngoài gỗ, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản dưới tán rừng phòng hộ, nhưng không được làm suy giảm diện tích rừng, chất lượng, ảnh hưởng đến tái sinh rừng và khả năng phòng hộ của rừng.			Giữ nguyển như dự thảo
b) Phương thức sản xuất lâm, nông kết hợp: đối với rừng trồng do chủ rừng tự quyết định; đối với rừng tự nhiên thực hiện như sau: trồng theo băng, chiều rộng băng trồng tối đa là 12 m; diện tích băng chừa tối thiểu phải bằng 02 lần diện tích băng trồng. Trường hợp trồng tập trung theo đám dưới tán rừng, diện tích mỗi đám tối đa bằng diện tích tối thiểu của một lô rừng (khoảng 3.000 m2); diện tích đám chừa bằng ít nhất 02 lần diện tích của đám trồng.".	Phương thức sản xuất lâm, nông kết hợp: đối với rừng trồng thực hiện như sau: trồng theo băng, chiều rộng băng trồng tối đa là 12 m, *băng được bố trí song song với đường đồng mức và có chiều dài không quá 250 mét;* chiều rộng băng chừa tối thiểu bằng 2 lần bề rộng băng trồng, diện tích băng chừa tối thiểu phải bằng 02 lần diện tích băng trồng... ..	Sở NN&PTNT Gia Lai	
	Bổ sung: đối với rừng ngập nước có sản xuất nuôi trồng thủy sản dưới tán rừng như: đầm, đập, ao,… phải đảm bảo lưu thông thủy triều lên xuống tự nhiên trong ngày và không làm ảnh hưởng đến sự phát triển của rừng".	Sở NN&PTNT TP HCM	
	sửa lại: "*phương thức sản xuất lâm, nông kết hợp đối với rừng trồng do chủ rừng quyết*	Vụ Khoa học công nghệ và	

	định trên cơ sở tham vấn/xin ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước/cơ quan, chuyên môn lâm nghiệp có thẩm quyền cấp trên trước khi thực hiện"..	Môi trường, Bộ NN&PTNT	
	bổ sung: "*Chủ rừng hướng dẫn cho bên nhận khoán ổn định là hộ gia đình, cá nhân, công đồng dân cư thực hiện các hoạt động sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp theo quy định của pháp luật bằng văn bản*".	Sở NN&PTNT Bà Rịa-Vũng Tàu	Đề nghị giữ nguyên, vì việc khoán bảo vệ rừng được thực hiện theo hợp đồng giữa các bên.
	Hiện nay ở một số địa phương, người dân trồng cây nông nghiệp ngắn ngày trên đất lâm nghiệp từ lấu thì xử lý như thế nào? có thể trồng xen cây ăn quả trên đất lâm nghiệp được không?	Tổ chức phi chỉnh phủ; dự án, tổ chức quốc tế liên quan đến lâm nghiệp ở Việt Nam	Thực hiện như quy định về sản xuất nông lâm két hợp
12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 32 như sau:			
"2. Hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải thực hiện theo phương án quản lý rừng bền vững được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và phải đảm bảo quy định sau: a) Việc xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bảo đảm không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với rừng tự nhiên, rừng trồng được đầu tư bằng ngân sách nhà nước;	Cân nhắc quy định thực hiện theo phương án quản lý rừng bền vững được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.	Sở NN&PTNT Hà Tĩnh	Giữ nguyên như dự thảo
	Bỏ cụm từ "*rừng trồng được đầu tư bằng ngân sách nhà nước*"	Sở NN&PTNT Quảng Ninh	Giữ nguyên như dự thảo
	Bổ sung: "*Các công trình xây dựng phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng thì được miễn giấy phép xây dựng và việc xây dựng phải phù hợp đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được cơ quan*	Sở NN&PTNT Phú Yên	Giải trình như đối với rừng đặc dụng

	có thẩm quyền phê duyệt".		
	Đề nghị bỏ quy định tại Điểm a.	Sở NN&PTNT Phú Thọ, UBND tỉnh Tây Ninh	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì rừng tự nhiên và rừng trồng được đầu tư từ ngân sách nhà nước là sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu. Mục đích chính là sản xuất kinh doanh lâm nghiệp, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng chỉ là kết hợp.
b) Không chuyển mục đích sử dụng đất rừng để xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; chỉ được xây dựng các công trình ở những nơi đất trống, trảng cỏ, đất có cây bụi. Quy mô, diện tích các công trình hạ tầng phục vụ cho hoạt động dịch vụ - du lịch tối đa 25% diện tích của dự án hoặc diện tích cho thuê môi trường rừng, trong đó diện tích xây dựng các công trình kiến trúc cơ sở hạ tầng tối đa không quá 5%, diện tích xây dựng các công trình phụ trợ như: điện, đường, điểm dừng chân, bãi đỗ xe và các công trình khác không quá 20%.	- Đề nghị bỏ quy định không chuyển mục đích sử dụng đất rừng, vì nội dung này thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đất đai. - Được chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất đối với các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. - Đề nghị chỉ quy định không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác để xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng. Đối với diện tích đất trống, diện tích rừng trồng có thể chuyển mục đích để thực hiện xây dựng công trình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; việc chuyển mục đích sử dụng rừng trồng phải thực hiện theo đúng quy định của Luật Lâm nghiệp	- Bộ TN&MT - Sở NN&PTNT Phú Thọ, UBND tỉnh Tây Ninh; UBND tỉnh Sơn La - Sở NN&PTNT Lâm Đồng, Lào Cai	Giải trình như đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ
	Đề nghị điều chỉnh tỷ lệ diện tích đất xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ cho hoạt động dịch vụ - du lịch cho thống nhất, đồng thời phải đảm bảo phù hợp mật độ xây dựng theo quy định tại mục 2.6.4 của QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, như: "*Mật độ xây dựng gộp tối đa của khu du lịch – nghỉ dưỡng tổng hợp (resort) là 25%*".	Sở NN&PTNT Long An	Giải trình như đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.
	Bỏ cụm từ: "... *chỉ được xây dựng các công trình ở những nơi đất trống, trảng cỏ, đất có*	UBND tỉnh Lạng Sơn, Sở	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì mục đích chính là sản xuất kinh

	cây bụi".	NN&PTNT Quảng Ninh	doanh lâm nghiệp, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí chỉ là kết hợp.
	thuyết minh lý do sửa đổi nội dung này:"*Quy mô, diện tích các công trình... và các công trình khác không quá 20%.*"	Bộ VH TT và DL	Trên cơ sở vận dụng theo quy định tại Thông tư Số 99/2006/TT-BNN ngày 06 tháng 11 năm 2006 của Bộ NN&PTNT hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế quản lý rừng ban hành kèm theo Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ và tham vấn các bên có liên quan
13. Bổ sung Mục 6 Chương II như sau: **"Mục 6** **THANH LÝ RỪNG TRỒNG**	Đề nghị: (i) lập đề nghị xây dựng chính sách theo quy định tại khoản 2 Điều 19 và Điều 85 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); (ii) xây dựng báo cáo đánh giá tác động chính sách đầy đủ, toàn diện đối với nội dung này và báo cáo TTCP, Chính phủ xem xét, quyết định.	Bộ Tư pháp	Tiếp thu, đưa nội dung Mục 6 Chương II (Thanh lý rừng trồng) để xin ý kiến Chính phủ tại Tờ trình; bổ sung nội dung về Thanh lý rừng trồng trong Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị định 156/2018/NĐ-CP và xây dựng nội dung đánh giá tác động chính sách về thanh lý rừng trồng tại Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị định.
Điều 34a. Đối tượng rừng trồng thanh lý			
1. Rừng trồng được đầu tư bằng nguồn ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí trồng rừng thay thế trên diện tích đất được Nhà nước giao cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý, sử dụng để đầu tư phát triển rừng không đạt tiêu chí rừng trồng hoặc không có khả năng phục hồi, phát triển do rủi ro thiên tai hoặc do các nguyên nhân khác cần phải thanh lý.	Bổ sung cụm từ *"hộ gia đình, cá nhân" sau cụm từ "... giao cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức*."	Sở NN&PTNT Bắc Giang, Vĩnh Phúc	Tiếp thu
	bổ sung đối tượng rừng trồng được Nhà nước *hỗ trợ đầu tư*	UBND tỉnh Cao Bằng	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định, vì hỗ trợ đầu tư là Nhà

			nước sử dụng ngân sách nhà nước hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác để hỗ trợ một phần vốn đầu tư thực hiện hoạt động bảo vệ và phát triển rừng, chế biến lâm sản, nên thẩm quyền xử lý thuộc chủ rừng.
	Đề nghị bổ sung đối tượng rừng nghiên cứu khoa học.	Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường, Bộ NN&PTNT	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định, vì rừng nghiên cứu thực nghiệm khoa học được đầu tư bằng vốn NSNN là một hình thức đầu tư của Nhà nước nên thuộc đối tượng quy định tại Điều 34a dự thảo Nghị định
	Bổ sung đối tượng rừng trồng không còn khả năng cho thu hoạch sản phẩm nhựa, mủ...đến lúc cần phải thanh lý để chuyển đổi cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn	UBND tỉnh dNghệ An	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì đối với rừng đã hết tuổi khai thác, thu hoạch sản phẩm nhựa, mủ không thuộc trường hợp rủi do thiên tai hoặc nguyên nhân khác
2. Rừng trồng của dự án đầu tư phát triển rừng bằng nguồn vốn ODA, dự án do các tổ chức phi chính phủ (NGO) tài trợ và nguồn thu hợp pháp khác bị rủi ro thiên tai hoặc do các nguyên nhân khácmà cần phải thanh lý thì thực hiện theo quy định của từng Hiệp định, văn kiện dự án hoặc thỏa thuận hợp tác đã ký kết với nhà tài trợ. Trường hợp trong Hiệp định, văn kiện dự án hoặc thỏa thuận hợp tác không có quy định cụ thể thì áp dụng theo quy định tại Nghị định này.	Ý kiến 1: Sửa lại: "Rừng trồng ... dự án do các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tài trợ và nguồn thu hợp pháp khác bị rủi ro thiên tai hoặc do các nguyên nhân khác mà cần phải thanh lý thì thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế giữa Việt Nam với nhà tài trợ nước ngoài; trường hợp điều ước quốc tế mà Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế. Trường hợp điều ước quốc tế không có quy định về việc thanh lý thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này". Ý kiến 2: Làm rõ nguồn thu hợp pháp khác là nguồn nào Trường hợp có nguồn thu hợp pháp khác, đề nghị làm rõ nguồn và lấy ý	Bộ Tài chính	Ý kiến 1: Tiếp thu Ý kiến 2: Nguồn thu hợp pháp khác: các nguồn xã hội hóa hoặc nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

	kiến đơn vị liên quan.		
	Bổ sung nội dung thanh lý đối với diện tích rừng thuộc quản lý của Nhà nước sau khi có quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: đối tượng; thẩm quyền quyết định; trình tự, thủ tục; quản lý, sử dụng tiền thu được từ thanh lý rừng.	Sở NN&PTNT Nam Định	Đây thuộc về khai thác tận dụng theo quy định tại khoản 6 Điều 3 và trình tự, thủ tục cụ thể theo từng loại rừng tương ứng (Điều 12, 20, 28, 29) Nghị định 156/2018/NĐ-CP
3. Xác định rủi ro:	Bổ sung các rủi ro do nguyên nhân chủ quan của chủ rừng dẫn đến rừng không có khả năng thành rừng cần phải thanh lý.	Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường, Bộ NN&PTNT	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì nguyên nhân chủ quan được điều chỉnh bởi pháp luật về hình sự, xử lý vi phạm hành chính.
a) Rủi ro thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai.			
b) Rủi ro do các nguyên nhân khác như các yếu tố về đất đai, dịch bệnh, sâu bệnh, sinh vật gây hại rừng, ... do cơ quan, đơn vị, tổ chức có rừng đề nghị thanh lý lập hồ sơ xác định, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.	bổ sung: *rủi ro do cháy rừng, cây đến độ tuổi thuần thục, không phải là cây bản địa đối với rừng đặc dụng; động vật phá hoại; cát vùi, xói lở vùng ven biển*	Sở NN&PTNT Bắc Ninh, Quảng Trị, Đắk Nông, Thái Bình	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì: - Rủi ro do cháy rừng thuộc đối tượng tại điểm a khoản này - Rủi ro do động vật phá hoại tùy theo tình hình cụ thể để xác định rủi ro do tác động của con người hoặc thuộc các nguyên nhân khác. - Rủi ro do cát vùi, xói lở vùng ven biển thuộc rủi ro yếu tố về đất đai - Rủi ro khi có tác động của con người liên quan đến việc xử lý vi phạm pháp luật về Lâm nghiệp.
	Làm rõ quy định về "*rủi ro do các nguyên nhân khác như các yếu tố về đất đai...*" cụ thể như thế nào để thuận tiện trong quá trình thực hiện sau này.	Bộ TN&MT	
	Bổ sung nguyên nhân rủi ro khác liên quan đến tác động của con người có tính chất bất khả kháng, như: chiến sự, bạo loạn, phá hoại...làm căn cứ thanh lý rừng trồng	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	
Điều 34b. Thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng			
1. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương.	- Làm rõ cụm từ "*cơ quan trung ương*". - Làm rõ quy định này, vì không phải Bộ, ngành nào cũng có chức năng quản lý rừng	- Vụ Pháp chế, Bộ NN&PTNT - Bộ Công	Bộ, cơ quan trung ương là đơn vị phê duyệt quyết định đầu tư, quyết định việc thanh lý rừng khi xảy ra rủi ro thiên tai (Bộ NN và PTNT quyết

	trồng thanh lý	Thương	định đầu tư thì Bộ NN & PTNT quyết định việc thanh lý rừng)
2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc phạm vi quản lý của địa phương.			
Điều 34c. Trình tự, thủ tục thanh lý rừng trồng bị rủi ro thiên tai	Quy định cụ thể về "Phương thức, trình tự, thủ tục thanh lý rừng: tự thực hiện; đấu thầu.": điều kiện, căn cứ lựa chọn phương thức "tự thực hiện" hoặc "đấu thầu"? cơ quan lập dự toán chi phí thanh lý rừng trồng? cơ quan thẩm định? cơ quan phê duyệt? Trường hợp đấu thầu, quy định trình tự thủ tục theo quy định về đấu thầu: giá gói thầu, kế hoạch lựa chọn nhà, hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu, cơ quan lập, cơ quan thẩm định, cơ quan phê duyệt…	Sở NN&PTNT Hà Nam	Đề nghị chỉ quy định áp dụng hình thức đấu thầu thực hiện thanh lý rừng trồng. Trình tự, thủ tục đấu thầu thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu, nên không quy định tại Nghị định này
1. Khi bị rủi ro thiên tai cơ quan, đơn vị, tổ chức có rừng bị rủi ro thiên tai phải lập đoàn kiểm tra hiện trường, trong đó:			
a) Thành phần đoàn kiểm tra, xác minh hiện trường bao gồm: đại diện cơ quan, đơn vị, tổ chức có rừng bị rủi ro thiên tai; hộ nhận khoán (nếu có); cơ quan có liên quan đến quản lý rừng tại địa phương theo sự phân công của Uỷ ban nhân dân cấp huyện (Ban Phòng chống lụt bão, Ban phòng chống cháy rừng, Hạt kiểm lâm, cơ quan tài chính cùng cấp...); Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có rừng trồng.	Sửa lại: "*Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn"* để phù hợp với quy định tại Nghị định số 66/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Phòng chống thiên tai	Tổng cục Phòng chống thiên tai, Bộ NN&PTNT	Tiếp thu, chỉnh sửa tại điểm a khoản 1 Điều 34c
	- Thành phần đoàn kiểm tra, xác minh... đề nghị bổ sung thêm Phòng Nông nghiệp và PTNT; - Thành phần đoàn kiểm tra, xác minh hiện trường bao gồm: đại diện cơ quan, đơn vị, tổ	- Sở NN&PTNT Quảng Trị - Sở NN&PTNT	- Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì dự thảo Nghị định đã nêu "....cơ quan có liên quan đến quản lý rừng tại địa phương theo sự phân công của Uỷ ban nhân dân cấp huyện (Ban Phòng chống lụt bão, Ban phòng chống

	chức có rừng bị rủi ro thiên tai;... của Uỷ ban nhân dân cấp huyện (Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Ban Chỉ đạo Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững, Hạt kiểm lâm, cơ quan tài chính cùng cấp...); ỦUBND cấp xã nơi có rừng trồng.	Quảng Ngãi	cháy rừng, Hạt kiểm lâm, cơ quan tài chính cùng cấp...); Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có rừng trồng.
b) Cơ quan, đơn vị, tổ chức có rừng bị rủi ro thiên tai lập Biên bản xác minh hiện trường theo Mẫu số 02 Phụ lục IA kèm theo Nghị định này, có xác nhận của tất cả các thành viên đoàn kiểm tra.	Sửa lại: "*Đoàn kiểm tra, xác minh hiện trường diện tích rừng bị rủi ro thiên tai lập Biên bản..., có xác nhận của tất cả các thành viên đoàn kiểm tra*."	Sở NN&PTNT Đắk Nông	Đề nghị giữ nguyên, cụ thể nội dung đã được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục IA
2. Trên cơ sở Biên bản xác minh hiện trường, cơ quan, đơn vị, tổ chức có rừng bị rủi ro thiên tai lập hồ sơ xin thanh lý rừng trồng gửi Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ, ngành đối với rừng do trung ương quản lý; báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với rừng trồng do địa phương quản lý. Hồ sơ xin thanh lý rừng trồng gồm: *a) Tờ trình xin thanh lý rừng trồng theo Mẫu số 01 Phụ lục IA kèm theo Nghị định này.* *b) Biên bản xác minh hiện trường theo Mẫu số 02 Phụ lục IA kèm theo Nghị định này.*	Đề nghị sửa cụm từ "báo cáo Sở NN&PTNT đối với rừng trồng do địa phương quản lý" thành " báo cáo UBND cấp tỉnh hoặc Sở NN&PTNT (trong trường hợp đã được UBND cấp tỉnh phân cấp) đối với rừng trồng do địa phương quản lý".	Thanh tra Bộ NN&PTNT	Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 2 Điều 34c
	Bổ sung: c) Thuyết minh Phương án thanh lý, trong đó xác định chính xác các thông tin: vị trí, diện tích, tỉ lệ thanh lý, giá trị thanh lý, nguồn vốn đầu tư đề nghị thanh lý; hình thức thanh lý, giải pháp tận thu lâm sản; dự toán chi phí thanh lý và hình thức xử lý lâm sản tận thu (nếu có); phương án, giải pháp xử lý đất, tiền tận thu lâm sản sau thanh lý".	Sở NN&PTNT Đắk Nông	Không cần thiết bổ sung tài liệu này, vì trình tự, thủ tục đã được nêu tại mẫu biểu của Phụ lục, trong đó yêu cầu thuyết minh phương án thanh lý.
3. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị thanh lý rừng trồng của cơ quan, đơn vị, tổ chức có rừng bị rủi ro thiên tai, trong thời hạn 30 ngày làm việc, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ, ngành đối với rừng do trung ương quản lý, Sở Nông nghiệp và Phát triển			

nông thôn đối với rừng trồng do địa phương quản lý, chủ trì phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan có liên quan (nếu có) thẩm định, lập Báo cáo kết quả thẩm định thanh lý rừng trồng theo Mẫu số 03 Phụ lục IA kèm theo Nghị định này, báo cáo cơ quan có thẩm quyền thanh lý rừng trồng ra quyết định thanh lý rừng trồng theo Mẫu số 04 Phụ lục IA kèm theo Nghị định này. *Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền thanh lý rừng trồng chỉ đạo cơ quan thẩm định thành lập đoàn kiểm tra xác minh lại trước khi quyết định.*			
4. Sau khi hoàn thành tổ chức thực hiện thanh lý rừng trồng và tận thu lâm sản, cơ quan, đơn vị, tổ chức có rừng bị rủi ro thiên tai báo cáo cơ quan chuyên môn thuộc Bộ, ngành (đối với rừng do trung ương quản lý), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với rừng trồng do địa phương quản lý), đồng gửi cơ quan Tài chính cùng cấp kết quả thực hiện và thực hiện ghi giảm giá trị đầu tư (đối với rừng trong giai đoạn đầu tư) giá trị tài sản rừng được đầu tư trên đất (đối với rừng sau giai đoạn đầu tư).	Khoản 4 Điều 34c, đề nghị làm rõ nội dung sau: "*thực hiện ghi giảm giá trị đầu tư (đối với rừng trong giai đoạn đầu tư) giá trị tài sản rừng được đầu tư trên đất (đối với rừng sau giai đoạn đầu tư*)".	Vụ Pháp chế, Bộ NN&PTNT	Đối với diện tích rừng trồng đã được nghiệm thu sau giai đoạn đầu tư sẽ được thống kê là tài sản, nếu bị thiệt hại do nguyên nhân bất khả kháng mà cần phải thanh lý thì ghi giảm giá trị tài sản trên sổ sách kế toán (thực hiện theo quy định Luật quản lý sử dụng tài sản)…..? Đối với rừng trồng trong giai đoạn đầu tư chưa được nghiệm thu, hoàn thành, chưa được ghi nhận là giá trị tài sản, nên thẩm quyền quyết định thuộc về chủ đầu tư.
5. Đối với rừng trồng được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước bị rủi ro thiên tai phát sinh trong giai đoạn đầu tư, cơ quan, đơn vị, tổ chức có rừng bị rủi ro thiên tai báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định điều chỉnh dự án đầu tư hoặc điều chỉnh kế hoạch vốn được giao; điều chỉnh thiết kế và dự toán theo quy định của pháp luật về đầu tư công và đầu tư công trình lâm sinh.	Sửa lại: Đối với rừng trồng được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước, *nguồn kinh phí trồng rừng thay thế trên diện tích đất được Nhà nước giao cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức* bị rủi ro thiên tai phát sinh trong giai đoạn đầu tư, cơ quan, đơn vị, tổ chức có rừng bị rủi ro thiên tai báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định điều chỉnh…".	Sở NN&PTNT Đắk Nông	Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 5 Điều 34c
Điều 34d. Trình tự, thủ tục thanh lý rừng trồng			

không đạt tiêu chí rừng trồng hoặc không có khả năng phục hồi do các nguyên nhân khác cần phải thanh lý			
1. Khi xác định rừng trồng không đạt tiêu chí rừng trồng, không có khả năng phục hồi chủ rừng lập hồ sơ thanh lý rừng trồng trong đó làm rõ nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng xem xét, quyết định.			
2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng giao cơ quan chuyên môn thuộc Bộ, ngành (đối với rừng do trung ương quản lý), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với rừng trồng do địa phương quản lý) thẩm định, lập Báo cáo kết quả thẩm định thanh lý rừng trồng theo Mẫu số 03 Phụ lục IA kèm theo Nghị định này, báo cáo cơ quan có thẩm quyền thanh lý rừng trồng ra quyết định thanh lý rừng trồng theo Mẫu số 04 Phụ lục IA kèm theo Nghị định này.			
3. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền thanh lý rừng trồng chỉ đạo cơ quan thẩm định thành lập đoàn kiểm tra xác minh lại trước khi quyết định. Thành phần đoàn kiểm tra, xác minh hiện trường do cơ quan có thẩm quyền thanh lý rừng trồng. *Đoàn kiểm tra, xác minh hiện trường lập Biên bản xác minh hiện trường theo Mẫu số 02 Phụ lục IA kèm theo Nghị định này, có xác nhận của tất cả các thành viên đoàn.*	- Bổ sung từ "*quyết định*" sau câu "*Thành phần... thanh lý rừng trồng*".	Thanh tra Bộ NN&PTNT, Sở NN&PTNT Đắk Nông, Quảng Nam; UBND tỉnh Tây Ninh	Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 3 Điều 34d
	Làm rõ cơ quan thẩm định cấp Bộ hay cấp tỉnh để tương ứng với thẩm quyền xác minh rừng trồng do trung ương quản lý và rừng trồng do địa phương quản lý	Vụ Pháp chế, Bộ NN&PTNT	Cơ quan nào quyết định thanh lý rừng trồng thì cơ quan đó quyết định cụ thể cơ quan thẩm định, xác minh rừng trồng cần thanh lý
4. Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ, ngành (đối với			

rừng do trung ương quản lý), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với rừng trồng do địa phương quản lý) chủ trì phối hợp với cơ quan Tài chính cùng cấp và các cơ quan có liên quan (nếu có) thẩm định, lập Báo cáo kết quả thẩm định thanh lý rừng trồng theo Mẫu số 03 Phụ lục IA kèm theo Nghị định này, báo cáo cơ quan có thẩm quyền thanh lý rừng trồng ra quyết định thanh lý rừng trồng theo Mẫu số 04 Phụ lục IA kèm theo Nghị định này.			
5. Sau khi hoàn thành việc tổ chức thực hiện thanh lý rừng trồng và tận thu lâm sản, cơ quan, đơn vị, tổ chức có rừng được thanh lý báo cáo cơ quan chuyên môn thuộc Bộ, ngành (đối với rừng do trung ương quản lý), Sở Nông nghiệp và iPhát triển nông thôn (đối với rừng trồng do địa phương quản lý), đồng gửi cơ quan Tài chính cùng cấp kết quả thực hiện và thực hiện ghi giảm giá trị đầu tư (đối với rừng trong giai đoạn đầu tư) giá trị tài sản rừng được đầu tư trên đất (đối với rừng sau giai đoạn đầu tư).			
Điều 34d. Trình tự, thủ tục thanh lý rừng trồng không đạt tiêu chí rừng trồng hoặc không có khả năng phục hồi do các nguyên nhân khác cần phải thanh lý			
1. Khi xác định rừng trồng không đạt tiêu chí rừng trồng, không có khả năng phục hồi chủ rừng lập hồ sơ thanh lý rừng trồng trong đó làm rõ nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng xem xét, quyết định.			
2. Cơ quan có thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng giao cơ quan chuyên môn thuộc Bộ, ngành (đối với rừng do trung ương quản lý), Sở Nông			

nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với rừng trồng do địa phương quản lý) thẩm định, lập Báo cáo kết quả thẩm định thanh lý rừng trồng theo Mẫu số 03 Phụ lục IA kèm theo Nghị định này, báo cáo cơ quan có thẩm quyền thanh lý rừng trồng ra quyết định thanh lý rừng trồng theo Mẫu số 04 Phụ lục IA kèm theo Nghị định này.			
3. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền thanh lý rừng trồng chỉ đạo cơ quan thẩm định thành lập đoàn kiểm tra xác minh lại trước khi quyết định. Thành phần đoàn kiểm tra, xác minh hiện trường do cơ quan có thẩm quyền thanh lý rừng trồng. *Đoàn kiểm tra, xác minh hiện trường lập Biên bản xác minh hiện trường theo Mẫu số 02 Phụ lục IA kèm theo Nghị định này, có xác nhận của tất cả các thành viên đoàn*			
4. Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ, ngành (đối với rừng do trung ương quản lý), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với rừng trồng do địa phương quản lý) chủ trì phối hợp với cơ quan Tài chính cùng cấp và các cơ quan có liên quan (nếu có) thẩm định, lập Báo cáo kết quả thẩm định thanh lý rừng trồng theo Mẫu số 03 Phụ lục IA kèm theo Nghị định này, báo cáo cơ quan có thẩm quyền thanh lý rừng trồng ra quyết định thanh lý rừng trồng theo Mẫu số 04 Phụ lục IA kèm theo Nghị định này.			
5. Sau khi hoàn thành việc tổ chức thực hiện thanh lý rừng trồng và tận thu lâm sản, cơ quan, đơn vị, tổ chức có rừng được thanh lý báo cáo cơ quan chuyên môn thuộc Bộ, ngành (đối với rừng do trung ương quản lý), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với rừng trồng do địa phương quản			

lý), đồng gửi cơ quan Tài chính cùng cấp kết quả thực hiện và thực hiện ghi giảm giá trị đầu tư (đối với rừng trong giai đoạn đầu tư) giá trị tài sản rừng được đầu tư trên đất (đối với rừng sau giai đoạn đầu tư).			
Điều 34đ. Thanh lý rừng trồng			Ghép Điều 34đ, 34e thành "*Điều 34đ. Tổ chức thực hiện thanh lý rừng trồng và quản lý, sử dụng tiền thu từ thanh lý rừng trồng*"
1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định thanh lý rừng của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan đơn vị quản lý rừng tổ chức thực hiện việc thanh lý rừng. *Phương thức, trình tự, thủ tục thanh lý rừng: tự thực hiện; đấu thầu.*			
	Đề nghị mở rộng thời gian nhiều hơn 30 ngày do 30 ngày không đủ trong một số trường hợp đấu thầu	Viện KHLN	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo
2. Giá trị lâm sản tận thu (nếu có) được xác định theo giá thị trường tại thời điểm tổ chức thực hiện thanh lý rừng trồng.	Đề nghị bỏ khoản 3 Điều 34đ, vì đã được quy định tại Điều 34e	Sở NN&PTNT Nam Định, Bộ Tài chính	Tiếp thu
	bổ sung thêm quy định đối với việc xác định giá trị diện tích rừng có cây trồng còn nhỏ (mới trồng, đang trong thời gian chăm sóc) bị thiệt hại do thiên tai và trường hợp bất khả kháng.	UBND tỉnh Bình Thuận	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì diện tích rừng có cây trồng còn nhỏ bị thiệt hại do thiên tai và trường hợp bất khả kháng cũng thuộc đối tượng được thanh lý theo quy định tại Điều 34a.
3. Các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản được sử dụng từ nguồn thu từ thanh lý tài sản (nếu có). Trường hợp chi phí tổ chức thực hiện thanh lý rừng và xử lý lâm sản tận thu lớn hơn số tiền thu được từ thanh lý rừng và lâm sản tận thu thì đối với rừng trồng thuộc địa phương quản lý, Ủy ban	Quy định rõ xử lý nguồn ngân sách địa phương bằng cách nào	Sở NN&PTNT Hải Phòng	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì đối với rừng thuộc thuộc địa phương quản lý, UBND cấp tỉnh xem xét xử lý bằng nguồn ngân sách của địa phương; đối với rừng trồng thuộc các cơ quan trung ương quản

nhân dân cấp tỉnh xem xét xử lý bằng nguồn ngân sách của địa phương; đối với rừng trồng thuộc các cơ quan trung ương quản lý thì các cơ quan trung ương có rừng thanh lý xem xét xử lý bằng nguồn ngân sách được giao hằng năm. Đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ trường hợp số thu từ thanh lý tài sản không đủ thì được lấy từ nguồn kinh phí của cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.			lý thì các cơ quan trung ương có rừng thanh lý xem xét xử lý bằng nguồn ngân sách được giao hằng năm.
	Sửa lại: "..... Đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ trường hợp số thu từ thanh lý tài sản không đủ thì được lấy từ nguồn kinh phí của cơ quan *chủ trì thực hiện nhiệm vụ Khoa học công nghệ đó*".	Vụ KHCN và Môi trường, Bộ NN&PTNT	Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 5 Điều 34 đ
	Thay cụm từ "*thanh lý tài sản*" bằng " *thanh lý rừng trồng*"	Sở NN&PTNT Quảng Ngãi	Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 5 Điều 34 đ
	Chỉnh lại: "3. *Các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản ... đối với rừng trồng thuộc trung ương quản lý, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ, ngành có rừng thanh lý xem xét xử lý bằng nguồn ngân sách được giao hằng năm; đối với rừng trồng thuộc địa phương quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét xử lý bằng nguồn ngân sách của địa phương.* Đối với nhiệm vụ khoa học … công nghệ…".	Vụ Pháp chế, Bộ NN&PTNT	Tiếp thu: Đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ trường hợp số thu từ thanh lý tài sản không đủ thì được lấy từ nguồn kinh phí của cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ
	Đề nghị quy định trách nhiệm của cấp có thẩm quyền trong lập, phân bổ nguồn vốn ngân sách khi thực hiện việc thanh lý rừng và xử lý lâm sản tận thu trong trường hợp chi phí tổ chức thực hiện thanh lý rừng và xử lý lâm sản tận thu hơn hơn số tiền thu phát sinh đột xuất (không phải năm nào cũng phát sinh) khi lấy nguồn ngân sách nhà nước để chi trả.	Bộ Tài chính	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì khoản 5 Điều 34đ đã quy định rõ cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý trong trường hợp chi phí tổ chức thực hiện thanh lý rừng và xử lý lâm sản tận thu lớn hơn hơn số tiền thu phát sinh, trong đó có việc lập, phân bổ nguồn vốn ngân sách khi thanh lý rừng. Mặt khác, rủi do thiên tai, địch họa là việc không lường trước, do đó kinh phí này phải do đơn vị sử dụng ngân sách xem xét quyết định cân đối thu, chi và nguồn kinh phí này

			thường được lấy từ nguồn kinh phí dự phòng hoặc đề nghị cấp bổ sung.
Điều 34e. Quản lý, sử dụng tiền thu được từ thanh lý rừng trồng			
1. Chi phí thanh lý rừng trồng bao gồm chi phí tổ chức thực hiện thanh lý rừng và tận thu lâm sản. Mức chi tổ chức thực hiện thanh lý rừng và tận thu lâm sản (nếu có) thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; trường hợp chưa có tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì cấp có thẩm quyền quyết định thanh lý rừng quyết định mức chi, đảm bảo tiết kiệm, phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp.	Quy định cơ quan có thẩm quyền quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ	Sở NN&PTNT Hải Phòng	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo
2. Các chi phí liên quan đến việc thanh lý rừng được sử dụng từ nguồn thu từ thanh lý rừng (nếu có). Chi phí tổ chức thực hiện thanh lý rừng và xử lý lâm sản tận thu (nếu có) do tổ chức, cá nhân nhận thu mua lâm sản ứng trước và được khấu trừ vào giá trị lâm sản tận thu phải trả cho Nhà nước.			
4. Trường hợp không có tổ chức, cá nhân nào đề nghị được thu mua lâm sản tận thu thì chi phí thanh lý rừng và xử lý lâm sản tận thu do ngân sách nhà nước địa phương ứng trước để thực hiện đối với rừng trồng thuộc địa phương quản lý và do ngân sách nhà nước giao cho các Bộ, ngành trung ương có rừng thanh lý ứng trước đối với rừng trồng thuộc trung ương quản lý. Các khoản tạm ứng này được hoàn trả từ nguồn thu được từ thanh lý rừng và lâm sản tận thu.	Điều chỉnh, tích hợp khoản 4 và khoản 5: "Trường hợp không có tổ chức, cá nhân nào đề nghị được thu mua lâm sản tận thu hoặc chi phí tổ chức thực hiện thanh lý rừng và xử lý lâm sản tận thu lớn hơn số tiền thu được từ thanh lý rừng và lâm sản tận thu thì ngân sách nhà nước địa phương ứng trước để thực hiện đối với rừng trồng thuộc địa phương quản lý và do ngân sách nhà nước giao cho các Bộ, ngành trung ương có rừng thanh lý ứng trước đối với rừng trồng thuộc trung	- Sở NN&PTNT Đắk Nông	Tiếp thu

	ương quản lý. Các khoản tạm ứng này được hoàn trả từ nguồn ngân sách Nhà nước bố trí trong kế hoạch đầu tư năm tiếp theo”. -Đề nghị nghiên cứu theo hướng: Trường hợp không có tổ chức, cá nhân nào đề nghị được thu mua lâm sản tận thu thì ngân sách nhà nước bố trí chi phí thanh lý rừng và xử lý lâm sản tận thu theo phân cấp ngân sách (địa phương sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện đối với rừng trồng thuộc địa phương quản lý; các bộ, cơ quan trung ương sử dụng dự toán ngân sách được giao đối với rừng trồng thuộc trung ương quản lý) và được hoàn trả từ nguồn thu được từ thanh lý rừng và lâm sản tận thu.	- Bộ Tài chính	Tiếp thu
5. Trường hợp chi phí tổ chức thực hiện thanh lý rừng và xử lý lâm sản tận thu lớn hơn số tiền thu được từ thanh lý rừng và lâm sản tận thu thì đối với rừng trồng thuộc địa phương quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét xử lý bằng nguồn ngân sách của địa phương; đối với rừng trồng thuộc các cơ quan trung ương quản lý thì các cơ quan trung ương có rừng thanh lý xem xét xử lý bằng nguồn ngân sách được giao hằng năm	Bổ sung vào cuối khoản 5 “*Đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ, trường hợp số thu từ thanh lý tài sản không đủ thì được lấy từ nguồn kinh phí của cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.*”.	Sở NN&PTNT Nam Định	Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 5 Điều 34e
6. Cơ quan quyết định thanh lý rừng trồng phê duyệt quyết toán chi phí tổ chức thực hiện thanh lý rừng và xử lý lâm sản tận thu theo quy định.			
7. Số tiền thu được từ thanh lý rừng và lâm sản tận thu sau khi quyết toán hoàn trả ngân sách nhà nước các khoản đã ứng để chi phí thanh lý theo các nội dung nêu tại khoản 1 Điều này được phân chia chính sách hưởng lợi theo quy định tại Điều 21, Điều 29 Nghị định này. Đối với phần giá trị thuộc	Đề nghị sửa đổi: 7. Số tiền thu được từ thanh lý rừng và lâm sản tận thu sau khi quyết toán hoàn trả ngân sách nhà nước các khoản đã ứng để chi phí thanh lý theo các nội dung nêu tại khoản 1 Điều này được phân chia chính sách hưởng lợi theo quy định tại Điều 21,	Sở NN&PTNT Lâm Đồng	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định để các địa phương thuận lợi trong việc triển khai thực hiện

về nhà nước thì được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, cụ thể: nộp vào ngân sách trung ương đối với rừng trồng do Bộ, ngành trung ương quản lý; nộp vào ngân sách địa phương đối với rừng trồng do địa phương quản lý.”.	Điều 29 Nghị định này.		
	Đề nghị làm rõ trường hợp nào thì tự thực hiện thanh lý rừng trồng, trường hợp nào phải đấu thầu thuê thực hiện	Bộ Tài chính	Nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo (Phạm vi là rừng trồng được đầu tư bằng nguồn ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí trồng rừng thay thế trên diện tích đất được Nhà nước giao cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý, sử dụng để đầu tư phát triển rừng không đạt tiêu chí rừng trồng hoặc không có khả năng phục hồi, phát triển do rủi ro thiên tai hoặc do các nguyên nhân khác cần phải thanh lý. Mặt khác quy định về trình tự, thủ tục tự thực hiện hoặc đấu thầu đã được quy định cụ thể tại Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu.
	1. TTHC (1): “Thanh lý rừng trồng” (khoản 13 Điều 1 dự thảo Nghị định Điều 34a, Điều 34b, Điều 34c, Điều 34d, Điều 34đ tại Mục 6) - Đề nghị quy định cụ thể theo trình tự logic gồm: Đối tượng, thẩm quyền, hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện đảm bảo đầy đủ các bộ phận cấu thành của TTHC theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP đã được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 92/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Theo đó, đề	Văn phòng Bộ NN&PTNT	Tiếp thu

	nghị làm rõ các chủ thể tham gia vào quá trình thực hiện, giải quyết TTHC này hiện đang được quy định chung chung là "cơ quan, đơn vị, tổ chức", "cơ quan chuyên môn thuộc Bộ, ngành" tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 34c và "chủ rừng" tại khoản 1 Điều 34d ...- Đối với thành phần hồ sơ cần mẫu hóa và quy định rõ hình thức là bảnchính, bản sao hay bản sao công chứng đối với từng loại để đảm bảo thống nhất, dễ thực hiện.		
14. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:			
"Điều 36. Trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng	- Đề nghị xem xét hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê, thu hồi rừng thống nhất, đồng bộ với trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất (đảm bảo nguyên tắc theo Điều 14, Luật Lâm nghiệp). - NĐ 156 quy định trình tự, thủ tục giao, cho thuê rừng thống nhất, đồng bộ với giao, cho thuê đất. Bây giờ tách riêng 2 hoạt động này, là 2 hoạt động độc lập. Vì vậy cần xác định rõ có cần quy định hoạt động nào phải có trước hoạt động nào (ví dụ giao, cho thuê đất sẽ phải thực hiện trước) và phải quy định rõ trong phần hồ sơ có liên quan - Các nội dung trong điều này cần quy định rất rõ ràng, có mẫu để thuận lợi cho việc thực hiện, nhất là các hoạt động liên quan đến chủ rừng là HGĐ, cá nhân, cộng đồng dân cư, các hoạt động ở xã, huyện - Cần có mẫu để dễ thực hiện và thống nhất về nội dung "kế hoạch quản lý khu rừng và biên bản cuộc họp cộng đồng dân cư thống nhất đề nghị giao rừng".	- Sở NN&PTNT Hà Tĩnh; Gia Lai Hội Chủ rừng	Đề nghị tách riêng trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng với giao đất, cho thuê đất và giải trình như sau: - Pháp luật về đất đai không có quy định về việc giao đất, cho thuê đất đồng bộ với việc giao rừng, cho thuê rừng nên thủ tục hành chính về giao rừng, cho thuê rừng và thủ tục hành chính về giao đất, cho thuê đất là hai thủ tục riêng biệt, chưa kết nối thành một thủ tục hành chính thống nhất, đồng bộ, được thực hiện bởi hai ngành khác nhau: Tài nguyên và môi trường, nông nghiệp và phát triển nông thôn và được quy định tại hai văn bản pháp luật khác nhau (Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định

	- Các nội dung quy định tại khoản 14 chồng lấn với quy định về giao đất, cho thuê đất, đã được quy định tại pháp luật về đất đai. Đề nghị rà soát lại các quy định để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật.	Bộ TN&MT	chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp); - Tách riêng giao rừng, cho thuê rừng với giao đất, cho thuê đất, vì trước khi giao rừng, cho thuê rừng phải thực hiện nhiều hoạt động và thời gian hơn so với việc giao đất, cho thuê đất, như phải xác định loại rừng, hiện trạng rừng, trữ lượng rừng, điều kiện lập địa, loài cây.... Đây là những hoạt động mang tính đặc thù, chuyên sâu về chuyên môn kỹ thuật lâm nghiệp và cần nhiều thời gian để thực hiện. Tuy nhiên, để tạo thuận lợi cho việc kết nối làm thủ tục giao đất, cho thuê đất tiếp theo, dự thảo Nghị định quy định UBND cấp tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc UBND cấp huyện giao cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan tài nguyên và môi trường cùng cấp kiểm tra hồ sơ, điều kiện giao rừng, cho thuê rừng; - Để thực hiện thống nhất, đồng bộ giao đất, cho thuê đất với giao rừng, cho thuê rừng, ngoài sửa đổi, bổ sung Nghị định 156, cần phải sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật về đất đai, trong khi đó Luật Đất đai đang trong quá trình sửa đổi, bổ sung.
	Đề nghị bổ sung: Sau khi tiếp nhận hồ sơ đề	UBND tỉnh	Tiếp thu: Tại Dự thảo đã quy định sự

	nghị giao rừng, cho thuê rừng hợp lệ, cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan tài nguyên và môi trường cùng cấp để có ý kiến về điều kiện giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 58 Luật Đất đai 2013:	Lạng Sơn	phối hợp giữa hai cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp và đất đai trong thực hiện trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng tại Điều 36.
	Đề nghị cân nhắc tách thành 02 Điều: (i) Trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng cho đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư; (ii) Trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng đối với tổ chức. Đồng thời, mỗi điều kết cấu lại theo hướng: (1) Cơ quan có thẩm quyền quyết định giao rừng, cho thuê rừng (2) Hồ sơ đề nghị giao rừng, cho thuê rừng (3) Trình tự thực hiện Ngoài ra, đề nghị bổ sung nội dung liên quan đến trường hợp hồ sơ hợp lệ và hồ sơ không hợp lệ khi xem xét đề nghị giao rừng, cho thuê rừng.	Vụ Pháp chế, Bộ NN&PTNT	Đề nghị giữ nguyên Dự thảo Nghị định vì: nội dung sửa đổi bổ sung hiện tại đã đảm bảo rõ ràng về hồ sơ, trình tự, thủ tục đối với từng đối tượng đảm bảo xuyên suốt, thống nhất trong 01 Điều quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục về giao rừng, cho thuê rừng thống nhất, đồng bộ với giao đất, cho thuê đất
	Đề nghị quy đinh cụ thể cho thuê rừng và bổ sung quy định về cho thuê rừng thông qua đấu giá quyền sử dụng rừng hoặc không thông qua đấu giá quyền sử dụng rừng; nghiên cứu quy định cho thuê rừng với quy định của Luật Đầu tư, tránh chồng chéo	UBND tỉnh Bình Phước	Tiếp thu, chỉnh sửa tại Điều 36 dự thảo Nghị định
1. Trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư			
a) Nộp hồ sơ và tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ đề nghị giao rừng, cho thuê rừng *Hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ đề nghị giao rừng, cho*	Sửa lại: - Ủy ban nhân dân cấp xã ... tiếp nhận và hẹn ngày thông báo kết quả. *Trong thời hạn 20 ngày làm việc, xem xét đề nghị giao rừng, cho thuê rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng*	Sở NN&PTNT Quảng Trị	Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 1 Điều 36 dự thảo Nghị định

thuê rừng đến Uỷ ban nhân dân cấp xã. Hồ sơ đối với hộ gia đình, cá nhân gồm có: Đề nghị giao rừng theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định này hoặc Đề nghị cho thuê rừng theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định này, Kế hoạch sử dụng rừng theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định này. Hồ sơ đối với cộng đồng dân cư gồm có: Đề nghị giao rừng theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định này; kế hoạch quản lý khu rừng và biên bản cuộc họp cộng đồng dân cư thống nhất đề nghị giao rừng. *Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đề nghị giao rừng, cho thuê rừng; viết giấy xác nhận thành phần hồ sơ tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả; xem xét đề nghị giao rừng, cho thuê rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; kiểm tra thực địa (vị trí, ranh giới, tranh chấp) khu rừng theo đề nghị của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đảm bảo các điều kiện, căn cứ giao rừng theo quy định của pháp luật; xác nhận và chuyển đề nghị giao rừng, cho thuê rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đến Ủy ban nhân dân cấp huyện.* *Thời gian tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ đề nghị giao rừng, cho thuê rừng không quá 20 ngày làm việc kể từ khi Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được hồ sơ đề nghị giao rừng, cho thuê rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.*	*đồng dân cư; kiểm tra thực địa (vị trí, ranh giới, tranh chấp) khu rừng theo đề nghị của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư. Nếu đề nghị giao rừng, cho thuê rừng đảm bảo các điều kiện, căn cứ giao rừng theo quy định của pháp luật thì xác nhận và chuyển đề nghị giao rừng, cho thuê rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đến Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Hạt Kiểm lâm cấp huyện hoặc cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ở nơi không có Hạt Kiểm lâm)* *- Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ,* Hạt Kiểm lâm cấp huyện.. *hoặc cơ quan quản lýnhà nước về lâm nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:* Thẩm định về hồ sơ đề nghị giao rừng, cho thuê rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; *lấy ý kiến của các cơ quan chuyên ngành quản lý đất đai cấp huyện về việc giao đất, cho thuê đất*; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã..; lập tờ trình kèm theo hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định giao rừng, cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư. - Đề nghị sửa đổi như sau: "....Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đề nghị giao rừng, cho thuê rừng; viết giấy xác nhận thành phần hồ sơ tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả; xem xét đề nghị giao rừng, cho thuê rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; kiểm tra thực địa (vị trí, ranh giới, tranh chấp) khu rừng theo đề nghị của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đảm	Sở NN&PTNT Bắc Kạn	

	bảo các điều kiện, căn cứ giao rừng theo quy định của pháp luật; xác nhận và chuyển đề nghị giao rừng, cho thuê rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đến Ủy ban nhân dân cấp huyện".		
	- Chỉnh sửa kế hoạch sử dụng rừng thành kế hoạch bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng - Bổ sung phụ lục về "kế hoạch quản lý khu rừng và biên bản cuộc họp cộng đồng dân cư thống nhất đề nghị giao rừng"	Tổ chức phi chỉnh phủ; dự án, tổ chức quốc tế liên quan đến lâm nghiệp ở Việt Nam	Tiếp thu, chỉnh sửa thành kế hoạch quản lý, sử dụng rừng
b) Thẩm định và xác định hiện trạng rừng *Hạt Kiểm lâm cấp huyện hoặc cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ở nơi không có Hạt Kiểm lâm tiếp nhận hồ sơ đề nghị giao rừng, cho thuê rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, có trách nhiệm: Thẩm định về hồ sơ đề nghị giao rừng, cho thuê rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xác định và đánh giá hiện trạng khu rừng tại thực địa (kết quả kiểm tra và đánh giá hiện trạng phải lập thành biên bản xác định rõ vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng, bản đồ khu rừng, có xác nhận và ký tên của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, các chủ rừng liền kề); lập tờ trình kèm theo hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định giao rừng, cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.* *Thời gian thực hiện thẩm định và xác định hiện trạng rừng không quá 30 ngày làm việc.*	Đề nghị quy định việc xác định và đánh giá hiện trạng khu rừng là do đơn vị tư vấn chuyên ngành lâm nghiệp thực hiện (để phù hợp với Luật Đo đạc bản đồ); cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kết quả do đơn vị tư vấn thực hiện.	Sở NN&PTNT Hà Tĩnh, Lâm Đồng, Đắk Nông	Tiếp thu, chỉnh sửa tại điểm b khoản 1 Điều 36 dự thảo Nghị định
	-Quy định rõ nguồn kinh phí để trả cho tổ	Tổ chức phi	Tiếp thu

	chức tư vấn đánh giá hiện trạng khu rừng giao, cho thuê"; thẩm định ở giai đoạn nào? - Bổ sung quy định cụ thể về nội dung thẩm định hồ sơ đề nghị giao rừng, cho thuê rừng - Vai trò của UBND cấp xã: tại sao UBND xã cũng đánh giá?	chỉnh phủ; dự án, tổ chức quốc tế liên quan đến lâm nghiệp ở Việt Nam	
	Đề nghị bổ sung cụm từ "trữ lượng" vào sau cụm từ "diện tích"; xem xét tăng thời gian thẩm định, vì hồ sơ quá lớn, phải xác định vị trí, ranh giới, diện tích, trữ lượng, bản đồ khu rừng...	Sở NN&PTNT Bắc Kạn	Tiếp thu: đã chỉnh sửa vào nội dung Dự thảo
	- Đề nghị bổ sung: kết quả kiểm tra, đánh giá hiện trạng rừng phải lập biên bản xác định vị trí, ranh giới, hiện trạng, trữ lượng, địa giới trên thực tế với bản đồ khu rừng, xác định rõ vị trí bị lấn chiếm, đang có tranh chấp.	Bộ Công An	Tiếp thu, chỉnh sửa tại điểm b khoản 1 Điều 36 dự thảo Nghị định
	Quy định rõ thẩm định về hồ sơ, Tờ trình gồm nội dung gì?	Hội chủ rừng	Tiếp thu, bổ sung nội dung thẩm định về hồ sơ Tờ trình tại điểm b khoản 1
	Đề nghị sửa đổi: "Hạt Kiểm lâm cấp huyện.. có trách nhiệm *phối hợp với Phòng tài nguyên và Môi trường*: thẩm định về hồ sơ đề nghị giao rừng, cho thuê rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư;...".	Sở NN&PTNT Hà Giang	Tiếp thu. chỉnh sửa tại điêm b khoản 1 Điều 36 dự thảo Nghị định
	- Đề nghị bổ sung mốc xác định thời gian tại khoản 14 Điều 1 của dự thảo như sau "Thời gian thực hiện thẩm định và xác định hiện trạng rừng không quá 30 ngày làm việc, *kể từ ngày…";* -*"Thời gian ra quyết định giao rừng, cho thuê rừng không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày…"*	Bộ Giao thông vận tải	Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 15 Điều 1 dự thảo Nghị định

c) Quyết định giao rừng, cho thuê rừng *Sau khi nhận được hồ sơ giao rừng, cho thuê rừng do Hạt Kiểm lâm cấp huyện hoặc cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp cấp huyện trình, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định giao rừng, cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư theo Mẫu số 05 Phụ lục II kèm theo Nghị định này; ký Hợp đồng cho thuê rừng đối với trường hợp thuê rừng theo Mẫu số 06 Phụ lục II kèm theo Nghị định này.* *Thời gian ra quyết định giao rừng, cho thuê rừng không quá 5 ngày làm việc.*			
d) Bàn giao rừng *Sau khi nhận được Quyết định giao, cho thuê rừng của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Hạt Kiểm lâm cấp huyện hoặc cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp cấp huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức bàn giao rừng tại thực địa cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư. Việc bàn giao phải xác định rõ vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng, trữ lượng, điều kiện lập địa, loài cây, năm trồng đối với rừng trồng, bản đồ khu rừng được giao và lập thành biên bản, có ký tên của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện các chủ rừng liền kề theo Mẫu số 07 Phụ lục II kèm theo Nghị định này.* *Thời gian thực hiện bàn giao rừng không quá 10 ngày làm việc.* *Trong quá trình thực hiện các bước công việc nêu trên, nếu hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn không đủ Điều kiện được giao, được thuê rừng thì cơ quan nhận hồ sơ phải trả lại hồ sơ cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và thông báo rõ lý do không được giao, được thuê rừng.*	Đề nghị sửa lại: Mẫu số 08 Phụ lục II kèm theo Nghị định này.	Sở NN&PTNT Gia Lai	Tiếp thu, chỉnh sửa tại điểm d khoản 1 Điều 36 Nghị định 156(khoản 16 Điều 1 dự thảo Nghị định)

	2. TTHC (2): "Giao rừng, cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư" - Đề nghị quy định cụ thể theo trình tự logic gồm: Hồ sơ, hình thức thực hiện, trình tự thủ tục thực hiện đảm bảo đầy đủ các bước gắn với từng cơ quan thực hiện và có thời gian cụ thể. Mỗi bước cần quy định rõ trường hợp hồ sơ hợp lệ và không hợp lệ, không ghi chung chung tại cuối điểm d khoản 1 Điều 36 dự thảo Nghị định. - Đối với thành phần hồ sơ cần mẫu hóa và quy định rõ hình thức là bản chính, bản sao hay bản sao công chứng đối với từng loại để đảm bảo thống nhất, dễ thực hiện.	Văn phòng Bộ NN&PTNT	Tiếp thu: Đã chỉnh sửa vào nội dung khoản 16 Điều 1 của Dự thảo (sửa đổi Điều 36 Nghị định số 156).
2. Trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng cho tổ chức			
a) Nộp hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ *Tổ chức có nhu cầu giao rừng, thuê rừng gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hồ sơ gồm: Đề nghị giao rừng, thuê rừng theo Mẫu số 08 Phụ lục II kèm theo Nghị định này; Dự án đầu tư đối với khu rừng đề nghị giao, cho thuê (bản chính).* *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận hồ sơ đề nghị giao rừng, cho thuê rừng; viết xác nhận thành phần hồ sơ tiếp nhận và giấy hẹn ngày trả kết quả.*	Đề nghị bổ sung nội dung về "Cơ sở pháp lý như: Quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền, kết quả trích đo địa chính khu đất được cơ quan tài nguyên và môi trường thẩm định, kết quả đánh giá hiện trạng rừng của đơn vị tư vấn có chức năng, ý kiến của đơn vị chủ rừng nhà nước (nếu diện tích đang thuộc các BQL rừng hoặc các cơ quan, tổ chức nhà nước quản lý)…" trong đơn đề nghị giao/cho thuê rừng theo mẫu số 09 làm cơ sở cho cơ quan quản lý chuyên ngành lâm nghiệp tổ chức phúc tra, đánh giá trước khi xem xét tham mưu cấp có thẩm quyền cho chặt chẽ.).	UBND tỉnh Bình Thuận	Đề nghị giữ nguyên nội dung Dự thảo để đảm bảo thành phần hồ sơ đầy đủ theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, thuận lợi cho triển khai thực tế tại các địa phương.
b) Thẩm định hồ sơ và xác định hiện trạng rừng *Sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chủ trì thẩm định hồ sơ đề nghị giao rừng, thuê rừng, xác định nghĩa*	- Ý kiến 1: Sửa lại:"Sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, Sở NN&PTNT có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở TN&MT thẩm định hồ sơ đề nghị giao rừng, thuê rừng; phối hợp với *Sở Tài*	Sở NN&PTNT Hà Giang	Tiếp thu: Đã chỉnh sửa vào các nội dung liên quan tại khoản 16 Điều 1 Dự thảo Nghị định.

vụ tài chính đối với tổ chức đề nghị giao rừng, cho thuê rừng và thực hiện các thủ tục khác theo quy định của pháp luật trước khi giao rừng, cho thuê rừng; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xác định và đánh giá hiện trạng khu rừng tại thực địa dự kiến giao hoặc cho tổ chức thuê. Kết quả kiểm tra và đánh giá hiện trạng rừng phải lập thành biên bản xác định rõ vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng, trữ lượng, bản đồ khu rừng và có ký tên của đại diện Ủy ban nhân dân cấp huyện, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện các chủ rừng liền kề; lập tờ trình kèm theo hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao, thuê rừng cho tổ chức. *Thời gian thẩm định và xác định hiện trạng rừng không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của tổ chức.*	*chính, Cục thuế tỉnh* xác định nghĩa vụ tài chính đối với tổ chức đề nghị giao rừng, cho thuê rừng và thực hiện các thủ tục khác theo quy định của pháp luật trước khi giao rừng, cho thuê rừng...” - Ý kiến 2: Bổ sung: việc đo đếm vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng, trữ lượng, bản đồ khu rừng để xác định đặc điểm khu rừng giao, cho thuê do cơ quan tư vấn chuyên ngành về lâm nghiệp thực hiện; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cơ quan tư vấn thực hiện việc xác định đặc điểm khu rừng của địa phương”. - Ý kiến 3:“Sau khi nhận hồ sơ hợp lệ,.. chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trạng khu rừng tại thực địa dự kiến giao hoặc cho tổ chức thuê (Trên cơ sở báo cáo thuyết minh và bản đồ hiện trạng rừng do tổ chức đề nghị giao rừng, cho thuê rừng hoặc đơn vị tư vấn chuyên ngành lập). Kết quả kiểm tra... hồ sơ hợp lệ của tổ chức”.	Sở NN&PTNT Đắk Nông, Lâm Đồng UBND tỉnh Kon Tum	
	Hướng dẫn cụ thể về trình tục, thủ tục đấu giá để xác định giá cho thuê rừng đối với các tổ chức, cá nhân thuê rừng để thực hiện các dự án -	UBND: tỉnh Kon Tum, tỉnh Bình Phước	Tiếp thu, chỉnh sửa tại Điều 36 (khoản 16 Điều 1 dự thảo Nghị định)
	Quy định về kinh phí để thực hiện công tác giao rừng, cho thuê rừng; ban hành định mức về giao rừng, cho thuê rừng	UBND: tỉnh Kon Tum, tỉnh Bình Phước; Sở NN&PTNT Bà Rịa-Vũng Tàu	

c) Quyết định giao rừng, cho thuê rừng *Sau khi nhận được hồ sơ và tờ trình do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ký quyết định giao rừng, cho thuê rừng cho tổ chức theo Mẫu số 09 Phụ lục II kèm theo Nghị định này; ký Hợp đồng cho thuê rừng đối với trường hợp thuê rừng theo Mẫu số 07 Phụ lục II kèm theo Nghị định này.* *Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định giao rừng, cho thuê rừng không quá 5 ngày làm việc*			
d) Bàn giao rừng *Sau khi nhận được Quyết định giao, cho thuê rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức bàn giao rừng tại thực địa cho tổ chức. Việc bàn giao phải xác định rõ vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng, trữ lượng, điều kiện lập địa, loài cây, năm trồng đối với rừng trồng, bản đồ khu rừng được giao và lập thành biên bản, có sự tham gia và ký tên của đại diện Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã theo Mẫu số 11 Phụ lục II kèm theo Nghị định này.* *Thời gian thực hiện bàn giao rừng không quá 10 ngày làm việc.* *Trong quá trình thực hiện các bước giao rừng, cho thuê rừng nêu trên, nếu tổ chức không đủ điều kiện được giao hoặc thuê rừng thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải trả lại hồ sơ cho tổ chức và thông báo rõ lý do không được giao hoặc thuê rừng.”.*			
	TTHC (3): “Giao rừng, cho thuê rừng cho tổ chức” (khoản 14 Điều	Văn phòng Bộ NN&PTNT	Tiếp thu: Đã chỉnh sửa vào nội dung tại khoản 16 Điều 1 Dự thảo Nghị

	1 dự thảo Nghị định – khoản 2 Điều 36 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP). Đề nghị rà soát, quy định tương tự TTHC (2).		định.
15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 39 như sau:			
"1. Chủ rừng là tổ chức có trách nhiệm xây dựng phương án chuyển loại rừng. Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về lâm nghiệp ở cấp huyện có trách nhiệm xây dựng phương án chuyển loại rừng đối với các diện tích rừng của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.".	- Ý kiến 1: Chủ rừng là tổ chức có trách nhiệm xây dựng phương án chuyển loại rừng. *UBND cấp huyện có trách nhiệm giao cho* cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về lâm nghiệp (*Hạt Kiểm lâm, phòng nông nghiệp, phòng kinh tế hạ tầng...*) có trách nhiệm.. cộng đồng dân cư.". -Ý kiến 2: "1. Chủ rừng là tổ chức... là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư của huyện trên cơ sở hồ sơ (Phương án, bản đồ, tờ trình) do UBND các xã lập". - Ý kiến 3: UBND cấp huyện có trách nhiệm xây dựng phương án chuyển loại rừng .... hộ gia đình. - Bổ sung cụm từ: "*..và diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê do UBND xã quản lý*" và sau cụm từ "*cộng đồng dân cư*."	Sở NN&PTNT Bắc Giang Sở NN&PTNT Quảng Trị Sở NN&PTNT Phú Thọ Sở NN&PTNT Nam Định, Hải Dương	Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 1 Điều 39 (khoản 18 Điều 1 dự thảo Nghị định)
16. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:			
	Đề nghị đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý (nằm trên địa bàn 01 tỉnh) nhưng do TTCP quyết định thành lập (theo quy định của Luật BV&PTR), cũng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.	Sở NN&PTNT Phú Thọ	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Lâm nghiệp 2017
"1. Đối với khu rừng do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập	Đề nghị bỏ điểm b và c vì: - Theo Khoản 2 Điều 18 Luật Lâm nghiệp thì TTCP chỉ quyết định chuyển loại rừng đối với khu rừng do TTCP thành lập - Theo Khoản 1 Điều 25 Luật Lâm nghiệp TTCP chỉ thành lập những khu rừng nằm trên địa bàn nhiều tỉnh. Theo Khoản 1 Điều 10 và	Hội chủ rừng	Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 1 Điều 40 Nghị định 156/2018/NĐ-CP

	Khoản 1 Điều 18 NĐ 156 những khu rừng này đều do Bộ NN&PTNT quản lý.		
a) Chủ rừng hoặc cơ quan có trách nhiệm xây dựng phương án chuyển loại rừng theo quy định tại khoản 1 Điều 39 gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính 02 bộ hồ sơ đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với khu rừng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý. Hồ sơ gồm: văn bản đề nghị của chủ rừng; phương án chuyển loại rừng;	Đề nghị bổ sung vào điểm a khoản 1 như sau: "a) Chủ rừng ... Hồ sơ gồm: văn bản đề nghị của chủ rừng *hoặc cơ quan có trách nhiệm xây dựng phương án chuyển loại rừng theo quy định tại khoản 1 Điều 39; phương án chuyển loại rừng*"	Vụ Pháp chế, Bộ NN&PTNT	Tiếp thu
	Bổ sung hình thức gửi hồ sơ qua môi trường điện tử đối với quy định về trình tự, thủ tục chuyển loại rừng.	Bộ Giao thông vận tải	Tiếp thu
b) Chủ rừng *hoặc cơ quan có trách nhiệm xây dựng phương án chuyển loại rừng theo quy định tại khoản 1 Điều 39* gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính 02 bộ hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với khu rừng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý. Hồ sơ gồm: văn bản đề nghị của chủ rừng hoặc cơ quan có trách nhiệm xây dựng phương án chuyển loại rừng theo quy định tại khoản 1 Điều 39; phương án chuyển loại rừng;	Không có trường hợp này hoặc cần biên soạn lại cho rõ	Tổ chức phi chỉnh phủ; dự án, tổ chức quốc tế liên quan đến lâm nghiệp ở Việt Nam	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Lâm nghiệp 2017
c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chủ trì thẩm định; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển loại rừng;			
d) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển loại rừng;			
đ) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định chuyển loại rừng.	Đề nghị bổ sung cụm từ: "*hợp lệ" sau cụm từ "hồ sơ".*	Vụ Pháp chế, Bộ NN&PTNT	Tiếp thu
	Đề nghị thống nhất trong toàn bộ dự thảo	Bộ Công	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì

	Nghị định về thời hạn TTCP xem xét, quyết định đối với trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của TTCP	thương	xủ lý, quyêt định mỗi công việc cần thời gian khác nhau
2. Đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập			
a) Chủ rừng *hoặc cơ quan có trách nhiệm xây dựng phương án chuyển loại rừng theo quy định* tại khoản 1 Điều 39 gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính 02 bộ hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; hồ sơ gồm: văn bản đề nghị của chủ rừng hoặc cơ quan có trách nhiệm xây dựng phương án chuyển loại rừng theo quy định tại khoản 1 Điều 39, phương án chuyển loại rừng;	Chủ rừng hoặc cơ quan có trách nhiệm xây *dựng hoặc thuê tư vấn* xây dựng phương án chuyển loại rừng theo quy định tại khoản 1 Điều 39, phương án chuyển loại rừng.	Sở NN&PTNT Quảng Trị	Tiếp thu
b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân cấp tỉnh xem xét;			
c) Trước 15 ngày của kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định chủ trương chuyển loại rừng. Sau 15 ngày của kỳ họp, Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết về chủ trương chuyển loại rừng;			
d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi có quyết định chủ trương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển loại rừng.”.			
	Nhóm TTHC (4): “Chuyển loại rừng” (khoản 16 Điều 1 dự thảo Nghị định - Điều 40 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP) - Đề nghị bổ sung cả tên Điều 40 “Trình tự, thủ tục chuyển loại rừng”. - Đề nghị rà soát, quy định tương tự TTHC (2).	Văn phòng Bộ NN&PTNT	Tiếp thu
17. Sửa đổi, bổ sung Điều 41 như sau:	Bổ sung cách thức nộp hồ sơ “trực tuyến”; đầy đủ các bước của thủ tục hành chính theo	Bộ TN&MT	Tiếp thu. Sẽ xây dựng quy định về trình tự, thủ tục theo hướng áp dụng

	quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.		công nghệ thông tin đảm bảo thuận tiện và minh bạch.
	Đề nghị bổ sung trình tự, thủ tục về quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của các hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp không có dự án đầu tư (chuyển sang đất ở, đất trồng cây hàng năm..).	Sở NN&PTNT Lào Cai	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo, vì trình tự, thủ tục trình chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng quy định cho dự án đầu tư
"***Điều 41. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác***	Điều chỉnh bản đồ hiện trạng rừng diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng theo các tỷ lệ bản đồ 1/5.000 hoặc 1/10.000 tùy theo quy mô diện tích cần chuyển mục đích sử dụng rừng.	UBND tỉnh Đắk Lắk	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo. Vì trong thực tế, một số dự án đầu tư có diện tích rừng sử dụng nhỏ, chỉ thể hiện được hiện trạng khi trình bày bản đồ hiện trạng tỷ lệ 1:2000, các tỷ lệ bản đồ nhỏ hơn không thể hiện được.
	Đề nghị quy định rõ quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng có trước hay quyết đinh chủ trương đầu tư có trước	UBND tỉnh Bình Phước	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo, không quy định cụ thể có trước hay sau. Khi thực hiện trình tự, thủ tục CMĐSDR phải đảm bảo về thành phần hồ sơ theo quy định.
	Các nội dung quy định tại khoản 17 chồng lấn với quy định về chuyển mục đích sử dụng đất đã được quy định tại pháp luật về đất đai. Đề nghị rà soát lại các quy định để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật	Bộ TN&MT	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo: Các quy định về chủ trương CMĐSDR là độc lập và được xem xét kỹ, đảm bảo không chồng lấn với các quy định của pháp luật về đất đai.
1. Thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác *a) Thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thực hiện theo quy định tại Điều 20 Luật Lâm nghiệp.*	Bổ sung quy định loại trừ áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Lâm nghiệp đối với tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An, theo đó, HĐND 2 tỉnh có thẩm quyền thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với rừng sản xuất từ 50ha đến dưới 1.000ha.	Bộ Tư pháp	Tiếp thu, bổ sung theo hướng đối với tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù theo Nghị quyết của Quốc hội thì trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng thực hiện theo quyết định riêng của Thủ tướng Chính phủ (điểm i khoản 3

			Điều 41)
b) Chính phủ phân công Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên đối với dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; dự án cấp thiết khác quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp, trừ dự án thuộc thẩm quyền của Quốc hội; thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục được quy định tại khoản 3 Điều này.	- Đề nghị làm rõ cơ sở pháp lý, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp thì việc chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác đối với dự án quan trọng quốc gia; dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; dự án cấp thiết khác do Chính phủ phê duyệt, do đó nếu Chính phủ phân công Thủ tướng Chính phủ thay mặt Chính phủ xem xét, quyết định vấn đề này thì phải được Chính phủ thống nhất về chủ trương, nguyên tắc theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ.	Bộ Nội vụ	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì nội dung tại điểm b khoản 1 Điều 41 là trên cơ sở kế thừa khoản 5 Điều 41a (khoản 2 Điều 1 Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 156/2018/NĐ-CP).
c) Trường hợp một dự án có nhiều loại rừng, mà mỗi loại rừng thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng của cấp có thẩm quyền khác nhau thì trình cấp có thẩm quyền cao nhất quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với toàn bộ diện tích rừng đề nghị chuyển mục đích sử dụng của dự án.			
d) Dự án chuyển mục đích sử dụng rừng thuộc địa bàn hai tỉnh hoặc dự án chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ và rừng sản xuất mà diện tích mỗi loại rừng thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương, nhưng tổng diện rừng chuyển mục đích sử dụng của dự án từ 50 ha trở lên, thì trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án.	- Ý kiến 1:Việc trình TTCP xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng thuộc dự án nằm trên địa bàn 2 tỉnh thì cần quy định rõ tỉnh nào trình hồ sơ chuyển mục đích sử dụng. Đề xuất giao cho tỉnh có diện tích nhiều rừng hơn làm thủ tục, hồ sơ chuyển mục đích sử dụng hoặc dự án thuộc tỉnh nào thì tỉnh đó trình và tỉnh còn lại gửi hồ sơ để tổng hợp chung toàn bộ dự án để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.	UBND tỉnh Hòa Bình, Sở NN&PTNT Phú Thọ, Vĩnh Phúc	Đề nghị giữ nguyên nội dung Dự thảo. - Đối với các dự án có CMĐSDR trên địa bàn 2 tỉnh, việc thực hiện trình tự, thủ tục có thể thực hiện đồng thời ở cả 2 tỉnh hoàn thiện hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền, hoặc 1 tỉnh đại diện tổng hợp nhu cầu CMĐSDR từ hồ sơ của tỉnh còn lại để trình cấp có thẩm quyền. - Về quy định diện tích 50 ha là đảm

	- Ý kiến 2: Dự án có đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng có hai loại rừng là phòng hộ và rừng sản xuất mà diện tích mỗi loại rừng thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nên quy định có tổng diện tích hai loại rừng dưới 70ha.		bảo phù hợp với quy định về thẩm quyền tại Điều 20 Luật Lâm nghiệp.
	sửa lại: "d) Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đối với trường hợp dự án chuyển mục đích sử dụng rừng thuộc địa bàn hai tỉnh. Trường hợp dự án chuyển mục đích sử dụng rừng phòng hộ và rừng sản xuất mà diện tích mỗi loại rừng thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương và tổng diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng của dự án lớn hơn 50 ha thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án theo đúng thẩm quyền đã được quy định.	UBND Lạng Sơn, Sở NN&PTNT Yên Bái, Quảng Ninh	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo. Theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Luật Lâm nghiệp, HĐND chỉ có thẩm quyền quyết định chủ trương CMĐSDR dưới 20 ha rừng phòng hộ, dưới 50 ha rừng sản xuất.
	Đề nghị điểm d Khoản 1 sửa lại theo hướng: cho phép tính riêng thẩm quyền của từng loại rừng để đúng theo chủ trương phân cấp, phân quyền cho địa phương của Chính phủ. Hiện Quốc hội đã cho phép thí điểm để cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất lên đến 500ha cho một số địa phương như Thanh Hóa, Nghệ An, Hải Phòng. Vì vậy không nên lấy con số tổng 50ha rừng trở lên để làm căn cứ quy định cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng.	UBND tỉnh Đắk Lắk; Sở NN&PTNT Quảng Ninh	Đề nghị giữ nguyên như Dụ thảo để đảm bảo thống nhất về chủ trương của cấp có thẩm quyền đối với các Dự án có CMĐSDR trên địa bàn 2 tỉnh.
đ) Thủ tướng Chính phủ phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đối với			

trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 20 ha rừng đặc dụng.			
	- Ý kiến 1: Bổ sung: *Thủ tướng Chính phủ phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên dưới 5 ha*. - Ý kiến 2: Bổ sung: "Chính phủ phân công Thủ tướng Chính phủ ... khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp và theo thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Khoản 2, Điều 20 Luật Lâm nghiệp và phân cấp cho HĐND tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên đối với dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; dự án cấp thiết khác quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp theo thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tại Khoản 3 Điều 20 Luật Lâm nghiệp.". - Ý kiến 3: "TTCP phân cấp cho HĐND cấp tỉnh quyết định chủ trương đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 01 ha rừng tự nhiên đối với các dự án quốc phòng an ninh, các dự án đặc biệt, cấp bách do HĐND cấp tỉnh quyết định đầu tư". - Ý kiến 4: bổ sung cụm từ ".phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên đối với dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên từ dưới 20ha" sau cụm từ " *thuộc thẩm quyền của Quốc hội*"	Sở NN&PTNT Bắc Giang Sở NN&PTNT Bà Rịa-Vũng Tàu UBND tỉnh Quảng Bình UBND tỉnh Cao Bằng	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định và giải trình như sau: - Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, trong đó giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 156/2018/NĐ-CP có nội dung phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước về lĩnh vực lâm nghiệp (điểm 14 Mục B khoản 3 Phụ lục kèm theo Nghị quyết này); xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phân cấp thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng (Mục 1 khoản 4 Phụ lục kèm theo Nghị quyết này). Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất quy định phân cấp thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng được quy định tại Nghị định này. - Việc quy định Thủ tướng Chính phủ phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng dưới 20 ha rừng đặc dụng là phù hợp với thâm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng quy định tại điểm b
	- Quy định TTCP phân cấp cho HĐND tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng dưới 20ha rừng đặc dụng là không phù	Bộ Tài chính, Bộ VH,TT&DL,	

	hợp với quy định của Luật Lâm nghiệp và Luật tổ chức chính quyền địa phương; việc phân cấp quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền Quốc hội xem xét, quyết định. - Đề nghị bỏ quy định này, vì chưa phù hợp với khoản 2 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương: "Việc phân cấp phải ... được quy định trong văn bản QPPL của cơ quan nhà nước phân cấp". - Đề nghị bỏ quy định này, vì chưa phù hợp với khoản 2 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương: "Việc phân cấp phải ... được quy định trong văn bản QPPL của cơ quan nhà nước phân cấp".	Bộ Công An Bộ VH TT và DL	khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai 2013. - Theo quy định của Luật Lâm nghiệp (khoản 2 Điều 14), không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác, trừ dự án quan trọng quốc gia, dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia, dự án cấp thiết khác được Chính phủ phê duyệt, nên Thủ tướng Chính phủ phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng dưới 20 ha rừng đặc dụng là rừng trồng; còn chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên thuộc thẩm quyền của Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ.
	Đề nghị phân tích cụ thể hơn nội dung phân cấp trong Tờ trình Chính phủ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Chính phủ xem xét, quyết định.	Bộ Tư pháp	
	- Ý kiến 1: Quy định rõ TTCP phân cấp cho HĐND cấp tỉnh quyết định chủ trương đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 20 ha rừng đặc dụng có bao gồm rừng tự nhiên không? hay chỉ áp dụng đối với rừng trồng được quy hoạch là rừng đặc dụng. - Ý kiến 2: TTCP ủy quyền cho HĐND cấp tỉnh quyết định chủ trương đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng sản xuất từ 50 ha đến 100ha hoặc -dưới 20 ha rừng đặc dụng và dưới 03 ha rừng tự nhiên để thực hiện các công trình công cộng, an sinh xã hội hoặc chuyển mục đích sử dụng dưới 20 ha rừng trồng đặc dụng; dưới 05 ha rừng tự nhiên đối với các loại rừng đặc dụng, phòng hộ, sản	Sở NN&PTNT Quảng Nam UBND tỉnh Bình Phước, KonTum Sở NN&PTNT Lào Cai, Bắc Giang	

	xuất hoặc chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên dưới 5 ha.		
e) Không phải trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định chủ trương và quyết định chuyển mục đích sử dụng đối với diện tích đất không có rừng hoặc diện tích đất đã trồng rừng thuộc quy hoạch rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất chưa đạt tiêu chí thành rừng theo quy định tại Nghị định này nhưng phải thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp tương ứng với chuyển mục đích sử dụng rừng trồng.	- Đề nghị bỏ cụm từ "*nhưng phải thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp tương ứng với chuyển mục đích sử dụng rừng trồng*" - Bỏ cụm từ " diện tích đất không có rừng hoặc"	Sở NN&PTNT Thái Bình, Hà Giang, Quảng Ninh, Quảng Nam; UBND tỉnh Đắk Lăk Sỏ NN&PTNT Bắc Kan	Tiếp thu: Tại Dự thảo đã bỏ quy định về nội dung kể trên
	Đề nghị quy định theo hướng tất cả các dự án phải thực hiện các thủ tục phê duyệt chuyển mục đích sử dụng theo quy định của pháp luật	Bộ Công an	
	Đề nghị quy định cụ thể quy mô diện tích phải trồng rừng thay thế trong trường hợp phạm vi Dự án sử dụng "đất không có rừng hoặc diện tích đất đã trồng rừng thuộc quy hoạch rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất chưa đạt tiêu chí thành rừng" là toàn bộ diện tích hay một phần diện tích thuộc quy hoạch rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất, không phân biệt là đất có rừng trồng hay không có rừng trồng hoặc chưa đạt tiêu chí thành rừng.	UBND tỉnh Bình Định	
	Đề nghị xác định rõ chủ thể "*không phải trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định... rừng đặc dụng, rừng phòng hộ,…*" để bảo đảm tính chặt chẽ, cụ thể của văn bản quy phạm pháp luật.	Bộ Nội vụ	Tiếp thu, bỏ quy định này
	Nội dung quy định tại điểm e khoản 1 là trái với quy định của Luật Đất đai	Bộ TN&MT	

	Sửa lại: "e) *Đối với diện tích đất không có rừng hoặc diện tích đất đã trồng rừng thuộc quy hoạch rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất chưa đạt tiêu chí thành rừng theo quy định tại Nghị định* thì không phải trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định chủ trương và quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng nhưng phải thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp tương ứng với chuyển mục đích sử dụng rừng trồng".	Vụ Pháp chế, Bộ NN&PTNT	
2. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Quốc hội			
a) Hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng là thành phần trong hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công hoặc pháp luật về đầu tư, gồm: Bản chính Báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành (tỷ lệ bản đồ 1/2.000 với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng dưới 500 ha, tỷ lệ 1/5.000 với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng từ 500 ha trở lên) được cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp ở địa phương kiểm tra, xác minh, báo cáo về sự phù hợp của dự án với quy hoạch tỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia theo quy định của pháp luật về quy hoạch.	- Bổ sung báo cáo đánh giá tác động môi trường sơ bộ theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường - Đề nghị bỏ cụm từ "được cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp ở địa phương kiểm tra, xác minh, báo cáo về sự phù hợp của dự án với quy hoạch tỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia theo quy định của pháp luật về quy hoạch" thay bằng cụm từ : "văn bản thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp ở địa phương về kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục dích sử dụng rừng".	- Bộ Công an - UBND tỉnh Nghệ An	Đề nghị giữ nguyên Dự thảo, vì Báo cáo đánh giá tác động môi trường sơ bộ là một nội dung trong báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án. 'Thay bằng cụm từ: "..*'được cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp ở địa phương xác nhận...*" là phù hợp, vì hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng là thành phần trong hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư
b) Dự án có hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư thì không phải thực hiện trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;	viết lại như sau: "*Dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư đã có hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này* thì không phải... sang mục đích khác".	Cục QLXDCT	Tiếp thu

trường hợp chưa có hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này thì thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 3 Điều này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.			
	Đề nghị không đặt ra trường hợp không có hồ sơ đi kèm, mà yêu cầu khi trình Quốc hội phải đầy đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 2.	Bộ KH&ĐT	Tiếp thu
3. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Thủ tướng Chính phủ	Bổ sung tài liệu đánh giá tác động về giới trong thành phần hồ sơ dự án chuyển mục đích sử dụng rừng; bổ sung nội dung thẩm định của cơ quan có thẩm quyền về tài liệu đánh giá tác động về giới	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Tiếp thu, làm rõ trong Tờ trình Chính phủ
	Đề nghị làm rõ bản chính đánh giá sơ bộ tác động môi trường là tách riêng thành báo cáo độc lập hay là một phần của hồ sơ thuyết minh đầu tư dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư.	UBND tỉnh Lạng Sơn; Sở NN&PTNT Quảng Ninh	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo, vì báo cáo đánh giá tác động môi trường sơ bộ là một nội dung trong báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án.
a) Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hồ sơ gồm: *- Bản chính văn bản đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (theo Mẫu số 12 hoặc Mẫu số 13 Phụ lục II Nghị định này);* *- Bản chính báo cáo đề xuất dự án đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi kèm theo văn bản thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu*	Chỉnh sửa điểm a khoản 3 cho phù hợp với		Đề nghị giữ nguyên Dự thảo. Phương

tư: Chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư; chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư công; giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp còn hiệu lực thực hiện); *- Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của dự án là một trong các tài liệu sau: Bản chính đánh giá sơ bộ tác động môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản sao giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về đầu tư hoặc quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của cấp có thẩm quyền kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án;* *- Bản chính Báo cáo thuyết minh và bản đồ hiện trạng rừng theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành (tỷ lệ bản đồ 1/2.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng dưới 500 ha, tỷ lệ 1/5.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng từ 500 ha trở lên) đảm bảo tính chính xác giữa hồ sơ và thực địa, được cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp ở địa phương kiểm tra, xác minh, kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng).* *- Bản chính phương án trồng rừng thay thế hoặc cam kết nộp tiền trồng rừng thay thế của chủ đầu tư hoặc chủ dự án lập theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.* *Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở*	Khoản 6. Xem xét loại bỏ: "*Có phương án trồng rừng thay thế*".	Sở NN&PTNT Hà Nam Sở NN&PTNT Hà Giang	án trồng rừng thay thế hoặc cam kết nộp tiền trồng rừng thay thế để đảm bảo việc trồng rừng thay thế được thực hiện nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các dự án có CMĐSDR .....

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng. *Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.*			
	Đề nghị quy định tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng là chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư dự án	UBND tỉnh Nghệ An	Tiếp thu, rà soát theo Điều 21 Luật Lâm nghiệp (Trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác)
	Bỏ cụm từ : "*được cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp ở địa phương kiểm tra, xác minh, kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng*)" và thay bằng cụm từ :"*văn bản thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp ở địa phương về kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục dích sử dụng rừng*"	UBND tỉnh Nghệ An	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo: Đối với báo cáo thuyết minh và bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị CMĐSDR phải được cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp ở địa phương kiểm tra, đối chiếu, xác minh bằng văn bản hoặc biên bản.
	- Bổ sung điểm a khoản 3 Điều 41 thành: "*Bản chính văn bản đề nghị phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (theo Mẫu số ... hoặc Mẫu số .... Phụ lục II Nghị định này*)". - Mẫu số 12 hoặc Mẫu số 13 Phụ lục II chỉ áp dụng trong việc thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định tại khoản 1 Điều 42 được sửa đổi tại khoản 17 Điều 1 Dự thảo Nghị định.	UBND tỉnh Quảng Bình	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo: Việc CMĐSDR phải được chủ đầu tư hoặc chủ Dự án xác định từ nhu cầu thực tế và đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, thẩm định.
	Sửa lại: "*Bản chính hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan nhà nước có*	UBND tỉnh Đắk Lắk; Sở NN&PTNT Hà Tĩnh,	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.

	thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư; quyết định chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư công; giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp còn hiệu lực thực hiện;”	Quảng Ngãi	
b) Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định nội dung trình phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng. Nội dung thẩm định gồm: *- Cơ sở pháp lý;* *- Thành phần, nội dung hồ sơ;* *- Sự cần thiết đầu tư dự án;* *- Vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính), kết quả điều tra rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng); diện tích theo: Loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng), điều kiện lập địa, trữ lượng (đối với rừng tự nhiên), loài cây (đối với rừng trồng);* *- Sự tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan (pháp luật về đầu tư, đầu tư công, lâm nghiệp, đất đai, môi trường, quy hoạch..);* *- Sự phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia theo quy định của pháp luật về quy hoạch;* *- Hiệu quả kinh tế - xã hội;* *- Về ảnh hưởng của dự án đến an ninh, quốc phòng;* *- Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư, đầu tư công;*	Đề nghị các nội dung này cần viết lại để tránh trùng lặp và rõ là nội dung cần thẩm định, không phải là “tài liệu”, cụ thể : "...Sự tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan (pháp luật về đầu tư, đầu tư công, lâm nghiệp, đất đai, môi trường, quy hoạch..); - Sự phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia theo quy định của pháp luật về quy hoạch; - Hiệu quả kinh tế - xã hội; - Về ảnh hưởng của dự án đến an ninh, quốc phòng; - Kết quả về đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư, đầu tư công..."	Hội Chủ rừng	Tiếp thu: Đã chỉnh sửa vào nội dung dự thảo Nghị định.

- Đối với dự án chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên: Thẩm định về nội dung xác định dự án bắt buộc phải thực hiện trên diện tích có rừng tự nhiên do không thể bố trí diện tích đất khác. *Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng và nêu rõ lý do.* *c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hồ sơ gồm: Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, hồ sơ quy định tại điểm akhoản này, văn bản pháp lý chứng minh về sự phù hợp của dự án với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia theo quy định của pháp luật về quy hoạch (Nghị quyết, quyết định của cấp có thẩm quyền...) và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).* *Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm những nội dung cơ bản:* *- Thông tin chung về dự án;* *- Sự cần thiết đầu tư dự án;* *- Vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính), kết quả điều tra rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng); diện tích theo: Loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng), điều kiện lập địa, trữ lượng (đối với rừng tự nhiên), loài cây (đối với rừng trồng);* *- Sự tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan (pháp luật về đầu tư, đầu tư công, lâm nghiệp, đất đai, môi trường, quy hoạch..);* *- Sự phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia*			

theo quy định của pháp luật về quy hoạch; *- Hiệu quả kinh tế - xã hội;* *- Kết quả về đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư, đầu tư công;* *- Về ảnh hưởng của dự án đến an ninh, quốc phòng;* *- Đối với dự án chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên: Xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là dự án bắt buộc phải thực hiện trên diện tích có rừng tự nhiên do không thể bố trí diện tích đất khác.* *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, toàn diện, chính xác đối với nội dung hồ sơ trình.* *d) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.* *Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm d khoản này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ; tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.* *Nội dung thẩm định hồ sơ gồm:* *- Sự tuân thủ các quy định của pháp luật (pháp luật về đầu tư, đầu tư công, lâm nghiệp, đất đai, môi trường, quy hoạch..);* *- Sự phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia theo quy định của pháp luật về quy hoạch;*			

- Sự cần thiết đầu tư dự án đáp ứng tiêu chí theo quy định tại Nghị định này; *- Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư, đầu tư công;* *- Về ảnh hưởng của dự án đến an ninh, quốc phòng.* *Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thẩm định hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.* *Hồ sơ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ gồm: Văn bản đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, văn bản thẩm định (biên bản họp Hội đồng thẩm định hoặc báo cáo tổng hợp ý kiến thẩm định của các bộ, ngành, địa phương liên quan), hồ sơ quy định tại điểm d khoản này; văn bản của các bộ, ngành, địa phương liên quan (nếu có).* *Trường hợp thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì các bộ, ngành, địa phương được lấy ý kiến thẩm định có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong thời hạn 15 ngày làm việc.* *Trường hợp địa phương cần phải giải trình, bổ sung hồ sơ theo ý kiến thẩm định của các Bộ, ngành thì Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm giải trình, bổ sung hồ sơ cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong thời hạn 20 ngày làm việc.*			
	Bổ sung điểm đ khoản 3 Điều 41: đ) *Dự án có hồ sơ đề nghị quyết định chủ*		Đề nghị giữ nguyên nội dung như dự thảo Nghị định

	trương chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên là thành phần trong hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công hoặc pháp luật về đầu tư, gồm: Bản chính Báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng khu vực đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành (tỷ lệ bản đồ 1/2.000 với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng dưới 500 ha, tỷ lệ 1/5.000 với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng từ 500 ha trở lên) được cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp ở địa phương kiểm tra, xác minh, báo cáo về sự phù hợp của dự án với quy hoạch tỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đã được TTCP chấp thuận chủ trương đầu tư thì không phải thực hiện trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; trường hợp chưa có hồ sơ theo quy định thì phân cấp về HĐND cấp tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác với diện tích 20ha"		
	Các điểm b, c khoản 3 và các điểm b, c khoản 4 Điều 41: "*Kết quả điều tra rừng sửa đổi thành: Vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính); Diện tích (Diện tích dự án, công trình; diện tích có rừng cần chuyển mục đích sử dụng; diện tích theo loại rừng: đặc dụng, phòng hộ, sản xuất; nguồn gốc hình thành: rừng trồng, rừng tự nhiên); điều kiện lập địa, trữ lượng (đối với rừng tự nhiên); loài cây (đối với rừng trồng*).	UBND tỉnh Quảng Bình	Tiếp thu: Đã chỉnh sửa vào nội dung dự thảo Nghị định.

4. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	Bổ sung tài liệu về đánh giá tác động về giới trong thành phần hồ sơ dự án chuyển mục đích sử dụng rừng; bổ sung nội dung thẩm định của cơ quan có thẩm quyền về tài liệu đánh giá tác động về giới	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	Tiếp thu, bổ sung nội dung đánh giá tác động về giới trong Tờ trình Chính phủ
a) Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. *Thành phần hồ sơ đối với tổ chức là thành phần được quy định tại Điểm a khoản 3 Điều này.* *Thành phần hồ sơ đối với hộ gia đình, cá nhân gồm:* *- Bản chính văn bản đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (theo Mẫu số 13 Phụ lục II Nghị định này);* *- Bản sao công chứng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng (theo quy định của pháp luật về đất đai);* *- Bản chính Báo cáo thuyết minh và bản đồ hiện trạng rừng theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành (tỷ lệ bản đồ 1/2.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng dưới 500 ha, tỷ lệ 1/5.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng từ 500 ha trở lên) đảm bảo tính chính xác giữa hồ sơ và thực địa, được cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp ở địa phương kiểm tra, xác minh, kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng);* *- Cam kết thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.*	Đối với thành phần hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân, đề nghị bổ sung các tài liệu, hồ sơ liên quan đến pháp luật đầu tư và tài liệu về đánh giá tác động môi trường, cụ thể, gồm: + Bản chính báo cáo đề xuất dự án đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi kèm theo văn bản thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư: Chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư; chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư công; giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp còn hiệu lực thực hiện); - Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của dự án là một trong các tài liệu sau: Bản chính đánh giá sơ bộ tác động môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản sao giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về đầu tư hoặc quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của cấp có thẩm quyền kèm theo báo cáo đánh giá tác động	Sở NN&PTNT Hà Tĩnh, UBND tỉnh Bình Định	Tiếp thu, chỉnh sửa tại điểm a khoản 4 Điều 41 Tiếp thu

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng. *Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.*	môi trường dự án”. - Thay cụm từ: "diện tích rừng, trữ lượng rừng" bằng cụm từ: "vị trí, lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính; kết quả điều tra rừng; diện tích theo loại rừng; nguồn gốc hình thành rừng; điều kiện lập địa;trữ lượng(đối với rừng tự nhiên); loài cây (đối với rừng trồng).	Sở NN&PTNT Bắc Kan	
	Xem lại quy định ".... Giấy chứng nhận quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng (theo quy định của pháp luật về đất đai)".	Hội Chủ rừng	Tiếp thu: Tại Dự thảo không quy định nội dung kể trên
	Đề nghị xern xét lại quy định cam kết thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, vì trong một số trường hợp chưa xác định được nhà đầu tư (ví dụ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư) thì chưa có chủ thể ký văn bản cam kết.	UBND TP Đà Nẵng	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo: Trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư, chủ thể thực hiện trình tự, thủ tục pháp lý về CMĐSDR ký văn bản cam kết để đảm bảo nghĩa vụ trồng rừng thay thế được thực hiện theo quy định của pháp luật.
	Điều chỉnh lại tỷ lệ bản đồ hiện trạng rừng cụ thể như sau: 1/5.000 đối với diện tích chuyển đổi rừng dưới 500 ha; 1/10.000 đối với diện tích chuyển đổi rừng trên 500 ha.	Sở NN&PTNT Phú Yên	Đề nghị giữ nguyên Dự thảo
	Đề nghị bỏ yêu cầu thành phần hồ sơ là “*bản chính Báo cáo thuyết minh và bản đồ hiện trạng rừng*” nêu trên và đề nghị thay bằng bản trích đo hoặc trích lục địa chính và kèm theo xác nhận bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp cấp tỉnh về diện tích, loài cây, trữ lượng cây trồng xin chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác sau khi kiểm tra, xác minh hiện trường.	Sở NN&PTNT Long An	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì đối với các dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng (không phân biệt tổ chức hay hộ gia đình, cá nhân) phải thực hiện điều tra, đánh giá hiện trạng rừng khu vực đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng, có báo cáo thuyết minh chi tiết và bản đồ kèm theo làm cơ sở để xác định diện tích trồng rừng thay thế, tổ chức khai thác tận dụng và tiến hành các hoạt động

			khác sau khi chuyển mục đích sử dụng rừng.
	Đề nghị miễn trồng rừng thay thế hoặc miễn nộp tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với hộ gia đình, cá nhân	Sở NN&PTNT Long An	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định.
	sửa thành: "Bản chính Báo cáo thuyết minh và bản đồ hiện trạng rừng theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành (tỷ lệ 1:2.000 hoặc tỷ lệ lớn hơn) đảm bảo tính chính xác giữa hồ sơ và thực địa..."	UBND tỉnh Lạng Sơn	Tiếp thu
	Thành phần hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều 41 "*Bản sao công chứng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng (theo quy định của pháp luật về đất đai*)" là không đúng theo quy định của Luật Đất đai.	Bộ TN&MT	Tiếp thu
	Bỏ quy định tỷ lệ bản đồ 1/5.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng từ 500 ha trở lên.	Sở NN&PTNT Phú Thọ	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo
	Bổ sung thành phần hồ sơ: "Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của dự án: Bản sao Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có) kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án hoặc bản sao giấy phép môi trường (nếu có) kèm theo báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường hoặc bản đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường".	Sở NN&PTNT Quảng Trị	Tiếp thu, chỉnh sửa tại điểm a khoản 4 Điều 41 Nghị định 156 (khoản 20 Điều 1 dự thảo Nghị định).
b) Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định nội dung trình phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng. Nội dung	Đề nghị giảm thời gian thẩm định của UBND cấp tỉnh. Đồng thời bổ sung quy định về trình tự "UBND cấp tỉnh tổ chức thẩm định nội dung trình phê duyệt chủ trương chuyển mục	Sở NN&PTNT Hà Nam	Tiếp thu

thẩm định gồm: *- Cơ sở pháp lý; thành phần, nội dung hồ sơ; sự cần thiết đầu tư dự án; vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính), kết quả điều tra rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng); diện tích theo: loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng), điều kiện lập địa, trữ lượng (đối với rừng tự nhiên), loài cây (đối với rừng trồng);* *- Sự tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan (pháp luật về đầu tư, đầu tư công, lâm nghiệp, đất đai, môi trường, quy hoạch...); sự phù hợp với quy hoạch tỉnh,quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia theo quy định của pháp luật về quy hoạch;* *- Hiệu quả kinh tế - xã hội; đánh giá tác động đến môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư, đầu tư công;* *- Về ảnh hưởng của dự án đến an ninh, quốc phòng.* *Trường hợp kết quả thẩm định không đủ điều kiện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng.*	đích sử dụng rừng": phương thức, hình thức thẩm định (thành lập Hội đồng thẩm định? lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản? Cơ quan tham gia thẩm định?...); kết quả thẩm định (biên bản họp? báo cáo kết quả thẩm định?...). - Quy định nội dung thẩm định chung cho cả trường hợp chuyển MĐSD của tổ chức và cá nhân có hợp lý không? - Xem xét lại nội dung thẩm định chủ trương chuyển mục đích xử dụng rừng đối với hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân	Hội Chủ rừng Sở NN&PTNT Hà Giang	Tiếp thu
c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Hồ sơ gồm: Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, hồ sơ quy định tại điểm b, c khoản này và các tài liệu khác có liên quan (nếu có). *Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm những nội dung cơ bản:*			

- Thông tin chung về dự án; sự cần thiết đầu tư dự án; vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu, địa danh hành chính), kết quả điều tra rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng); diện tích theo: loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất), nguồn gốc hình thành (rừng tự nhiên, rừng trồng), điều kiện lập địa, trữ lượng (đối với rừng tự nhiên), loài cây (đối với rừng trồng); *- Sự tuân thủ các quy định của pháp luật (pháp luật về đầu tư, đầu tư công, lâm nghiệp, đất đai, môi trường, quy hoạch..; sự phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia theo quy định của pháp luật về quy hoạch;* *- Hiệu quả kinh tế - xã hội; mức độ tác động đến môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư và đầu tư công;* *- Về ảnh hưởng của dự án đến an ninh, quốc phòng.*			
	Bổ sung điểm d khoản 4: đối với dự án đã được HĐND cấp tỉnh quyết định chủ trường đầu tư trong đó có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thì không phải lập thủ tục xin chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.	UBND tỉnh Sóc Trăng	Tiếp thu, chỉnh sửa tại điểm c khoản 4 Điều 41 (khoản 20 Điều 1 dự thảo Nghị định)
	Nhóm TTHC (5): "Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác" (khoản 17 Điều 1 dự thảo - Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP) - Đối với thẩm quyền của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ: Đề nghị nghiên cứu quy định theo hướng phù hợp với Điều 32 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính	Văn phòng Bộ NN&PTNT	Tiếp thu: Đã chỉnh sửa vào nội dung Dự thảo.

	phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (Nghị định số 31/2021/NĐ-CP). Theo đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định 02 trường hợp. Trường hợp 1: Đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong quy trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến thẩm định của Bộ Nông nghiệp và PTNT về nội dung chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thì tại dự thảo Nghị định cần quy định cụ thể Hồ sơ, nội dung thẩm định, trình tự, thời gian thực hiện thẩm định cho phù hợp, đảm bảo không chồng chéo, trùng lắp với hồ sơ tổ chức, cá nhân đã nộp ở Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trường hợp 2: Đối với trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ từ đầu tại Bộ Nông nghiệp và PTNT để xin chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, chưa thực hiện việc xin chủ trương đầu tư; đề nghị quy định đầy đủ hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện gắn với thời gian cụ thể. Đồng thời, nghiên cứu để có quy định chỉ dẫn sang các bước thực hiện đối với 02 trường hợp trên khi có sự giao thoa, đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng và được cung cấp đầy đủ thông tin giữa các cơ quan có liên quan trong việc giải quyết TTHC (đặc biệt là giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường).		

	- Nghiên cứu tương tự đối với thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.		
5. Tiêu chí xác định dự án được chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác			
a) Dự án quan trọng quốc gia theo quy định tại Điều 7 Luật Đầu tư công năm 2019, dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 30 Luật Đầu tư năm 2020.			
b) Dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xác nhận bằng văn bản; phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia theo quy định của pháp luật về quy hoạch.			
c) Dự án cấp thiết cần phải chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên *- Dự án khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; dự án đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; dự án cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn theo quyết định của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.* *- Dự án cấp thiết về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu (giao thông, thuỷ lợi), dự án tạo nguồn điện và hệ thống truyền tải điện đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, xây dựng, tôn tạo di tích cách mạng, di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia. Dự án thăm dò, khai thác khoáng sản được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.* *Khi phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên, các dự án cấp thiết phải đảm bảo các tiêu chí sau:* *- Có đề xuất dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công; phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia, quy hoạch, kế*	Ý kiến 1: Tại điểm c, khoản 5 (gạch đầu dòng thứ 5), bổ sung nội dung : "…….để triển khai các hoạt động khoáng sản, *chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô trang trại*" (phù hợp với quy định tại Điều 7, Luật Đa dạng sinh học) Ý kiến 2: Bổ sung dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí có tính chất trọng điểm, quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội của địa phương (được UBND tỉnh xác nhận)"	Sở NN&PTNT Hà Tĩnh UBND tỉnh Lạng Sơn, Tây Ninh, Sở NN&PTNT Quảng Ninh	Giữ nguyên như dự thảo Nghị định
	Bổ sung: Có hạng mục kinh phí trồng rừng thay thế trong dự toán kinh phí của dự án và phương án trồng rừng thay thế hoặc phương án nộp tiền trồng rừng thay thế, cam kết của chủ đầu tư, chủ dự án về thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế hoặc nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp". - Bỏ cụm từ: *Có phương án trồng rừng thay*	UBND tỉnh Quảng Bình	Giữ nguyên quy định có phương án trồng rừng thay thế hoặc cam kết nộp tiền trồng rừng thay thế tại điểm b khoản 3 Điều 41a (khoản 21 Điều 1 dự thảo Nghị định), vì phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 19 Luật Lâm nghiệp 2017.

hoạch sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch; *- Được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận (tại Tờ trình quy định tại điểm d khoản 2 Điều 41) là dự án bắt buộc phải thực hiện trên diện tích có rừng tự nhiên do không thể bố trí trên diện tích đất khác. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và pháp luật về nội dung văn bản xác nhận nêu trên. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giám sát chặt chẽ việc đề xuất chủ trương và tổ chức thực hiện chuyển rừng tự nhiên sang mục đích sử dụng khác trên địa bàn;* *- Không nằm trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng; không chuyển rừng tự nhiên thuộc quy hoạch rừng đặc dụng, rừng phòng hộ sang mục đích khác để triển khai các hoạt động khoáng sản;* *- Có hạng mục kính phí trồng rừng thay thế trong dự toán kinh phí của dự án và cam kết của chủ đầu tư về thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.* *- Có phương án trồng rừng thay thế hoặc cam kết nộp tiền trồng rừng thay thế của chủ đầu tư hoặc chủ dự án lập theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng.*	*thế hoặc cam kết nộp tiền trồng rừng thay thế của chủ đầu tư hoặc chủ dự án lập theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng*".		
	Bổ sung: trường hợp xin chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác phải có phương án trồng rừng thay thế xác định rõ vị trí, diện tích, chủng loại cây trồng, thời gian hoàn thành trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt chủ trương	Bộ Công an	Đề nghị giữ nguyên như Dự thảo. Các nội dung như kiến nghị được thể hiện rõ trong phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ đầu tư/chủ dự án tự thực hiện trồng rừng thay thế

d) Dự án đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật, nhưng tạm dừng triển khai để rà soát theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; đảm bảo các tiêu chí sau: *- Phù hợp với quy hoạch tỉnh, , quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch;* *- Được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận (tại Tờ trình quy định tại điểm d khoản 2 Điều 41) là dự án bắt buộc phải thực hiện trên diện tích có rừng tự nhiên do không thể bố trí trên diện tích đất khác. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và pháp luật về nội dung văn bản xác nhận nêu trên. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giám sát chặt chẽ việc đề xuất chủ trương và tổ chức thực hiện chuyển rừng tự nhiên sang mục đích sử dụng khác trên địa bàn;* *- Không nằm trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng; không chuyển rừng tự nhiên thuộc quy hoạch rừng đặc dụng, rừng phòng hộ sang mục đích khác để triển khai các hoạt động khoáng sản.* *Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định (được thành lập tại điểm đ khoản 2 Điều 41 của Nghị định này) tổ chức kiểm tra, khảo sát thực địa khu vực dự kiến chuyển mục đích sử dụng rừng tự*	Dự thảo Nghị định sửa đổi điểm d khoản 5 Điều 41 quy định "*Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định (được thành lập tại điểm đ khoản 2 Điều 41 của Nghị định này) tổ chức kiểm tra, khảo sát thực địa khu vực dự kiến chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác để thực hiện các dự án tại khoản 3 và khoản 4 Điều này"*. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định chưa quy định trường hợp cần thiết là những trường hợp nào. Do đó, để đảm bảo tính minh bạch, khả thi của văn bản, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định bổ sung vấn đề này vào dự thảo Nghị định hoặc giải trình rõ trong Tờ trình Chính phủ.	Bộ Tư pháp	Tiếp thu, giải trình rõ nội dung này trong Tờ trình Chính phủ.

nhiên sang mục đích khác để thực hiện các dự án tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.			
6. Hồ sơ trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được thực hiện sau khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, nhưng phải thực hiện trước khi phê duyệt dự án.	Việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đồng thời là phê duyệt dự án, do đó đề xuất nên bỏ cụm từ nhưng phải thực hiện trước khi phê duyệt dự án.	UBND tỉnh Hòa Bình	Tiếp thu. Tại Dự thảo không quy định về nội dung kể trên
	Khoản này đang mâu thuẫn với điểm b khoản 3 Điều 32 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư: "b) Đối với dự án có đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến thẩm định của Bộ NN&PTNT, Bộ TN&MT, các Bộ, ngành có liên quan và UBND cấp tỉnh nơi dự kiến thực hiện dự án về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp. Trường hợp hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng đã được lập và thẩm định theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, Bộ NN&PTNT trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của TTCP), đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình TTCP chấp thuận chủ trương đầu tư; UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh), đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trình TTCP chấp thuận chủ trương đầu tư."	UBND tỉnh Lạng Sơn; Sở NN&PTNT Quảng Ninh	Tiếp thu, bỏ quy định này.
	Quy định trường hợp đã phê duyệt dự án,	Sở	Tiếp thu

	nhưng chưa hoàn thành Hồ sơ trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. + Đối với diện tích rừng trồng, rừng tự nhiên được quy hoạch cho mục đích sử dụng khác: Khi làm thủ tục CMĐSD rừng thì căn cứ hiện trạng rừng tại thời điểm quy hoạch dự án, hay hiện trạng rừng tại thời điểm làm hồ sơ, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng. + Dự thảo chưa nêu rõ đối với rừng ngoài ba loại rừng nhưng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất lâm nghiệp có phải chuyển mục đích sử dụng rừng và lập phương án trồng rừng thay thế hay không. + Đối với Dự án có ranh giới thực hiện dự án chỉ sử dụng một phần diện tích < 0,3 ha vào hiện trạng rừng của những lô rừng tập trung thì Dự án đó có phải chuyển mục đích sử dụng rừng và lập phương án trồng rừng thay thế hay không, trong khi tiêu chí của Luật lâm nghiệp xác định rừng phải có diện tích liền vùng từ 0,3 ha trở lên.	NN&PTNT Quảng Trị	
	Sửa lại: "Hồ sơ trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền đồng ý chủ trương để thực hiện dự án (Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, văn bản chấp thuận, đồng ý…) nhưng phải thực hiện trước khi phê duyệt dự án".	Sở NN&PTNT Hà Giang	Giữ nguyên như dự thảo Nghị định
7. Đối với diện tích rừng đã được quy hoạch cho mục đích sử dụng khác không phải lâm nghiệp nhưng chưa được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng thì áp dụng quy	Đề nghị xem xét sửa thành: - Đối với rừng trong quy hoạch lâm nghiệp đã được quy hoạch.... diện tích rừng đó sang mục đích khác không phải lâm nghiệp."	UBND tỉnh Lạng Sơn và Quảng Bình; Sở	Tiếp thu

định về chuyển mục đích sử dụng đối với loại rừng tương ứng trước khi phê duyệt quy hoạch đưa diện tích rừng đó sang mục đích khác không phải lâm nghiệp.”.	- Bổ sung cụm từ: "trừ diện tích rừng trồng thuộc quyền sở hữu của hộ gia đình, cá nhân" sau cụm từ :"...không phải lâm nghiệp.." - Bổ sung: "Đối với diện tích rừng không được quy hoạch lâm nghiệp trong các kỳ quy hoạch từ trước đến nay thì không thuộc đối tượng phải chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp”.	NN&PTNT Quảng Ninh	
18. Sửa đổi, bổ sung Điều 42 như sau:			
“***Điều 42. Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác***	Đối với nội dung đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án, đề nghị quy định rõ tại dự thảo Nghị định: thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng theo dự án hay theo diện tích rừng	Vụ Pháp chế.Bộ NN&PTNT	Thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với tổ chức, của UBND huyện đối với hộ gia đình, cá nhân
	Đề nghị đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất quy trình, thủ tục giữa việc chuyển mục sử dụng rừng với việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng. Đề nghị việc chuyển mục đích sử dụng rừng gắn với chuyển mục đích sử dụng đất; cơ quan TN&MT tham mưu chuyển mục đích sử dụng đất gắn với chuyển mục đích sử dụng rừng.	Bộ KH&ĐT BND tỉnh Bình Phước và tỉnh Bến Tre	Đề nghị tách riêng chuyển mục đích sử dụng rừng với chuyển mục đích sử dụng đất rừng sang mục đích khác và giải trính như sau: - Pháp luật về đất đai không có quy định về việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng đồng bộ với việc chuyển mục đích sử dụng rừng nên quy trình, thủ tục hành chính về chuyển mục sử dụng rừng và quy trình, thủ tục hành chính về chuyển mục đích sử dụng đất rừng là 2 quy trình riêng, chưa kết nối thành một thủ tục hành chính thống nhất, đồng bộ, được thực hiện bởi 2 ngành khác nhau: tài nguyên và môi trường, nông nghiệp và phát triển nông thôn và được quy định tại 2 văn bản pháp luật khác nhau (Nghị định số

			43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp) - Tách riêng chuyển mục đích sử dụng rừng với việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng, vì trước khi chuyển mục đích sử dụng rừng phải thực hiện nhiều hoạt động và thời gian so với việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng, như phải xác định loại rừng, hiện trạng rừng, trữ lượng rừng, điều kiện lập địa, loài cây....Đây là những hoạt động mang tính đặc thù, chuyên sâu về chuyên môn kỹ thuật lâm nghiệp và cần nhiều thời gian để thực hiện. Tuy nhiên, để tạo thuận lợi cho việc kết nối làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất rừng, dự thảo Nghị định quy định UBND cấp tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc UBND cấp huyện giao cơ quan có chuyên môn về lâm nghiệp chủ trì, phối hợp với cơ quan tài nguyên và môi trường cùng cấp kiểm tra hồ sơ, điều kiện chuyển mục đích sử dụng rừng và sau khi có quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng, cơ quan tài nguyển và môi trường tiến

			hành làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất rừng theo quy định của pháp luật về đất đai.
	Đề nghị tách hồ sơ của tổ chức riêng, hồ sơ của hộ gia đình cá nhân riêng cho phù hợp với quy định tại Điều 41 (bỏ yêu cầu thành phần hồ sơ là "bản chính Báo cáo thuyết minh và bản đồ hiện trạng rừng" và đề nghị thay bằng bản trích đo hoặc trích lục địa chính và kèm theo xác nhận bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp cấp tỉnh về diện tích, loài cây, trữ lượng cây trồng xin chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác sau khi kiểm tra, xác minh hiện trường).	Sở NN&PTNT Long An	Đề nghị giữ nguyên dự thảo Nghị định. Hồ sơ đề nghị chủ trương CMĐSDR được quy định cho dự án đầu tư (không phân biệt tổ chức hay hộ gia đình, cá nhân)
	Đề nghị việc chuyển mục đích sử dụng rừng gắn với chuyển mục đích sử dụng đất; cơ quan TN&MT tham mưu chuyển mục đích sử dụng đất gắn với chuyển mục đích sử dụng rừng.		
1. Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng được thực hiện sau khi có quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng của cấp có thẩm quyền *- Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, cấp có thẩm quyền gửi quyết định chủ trương đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân có đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng.* *- Sau khi nhận được kết quả chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng của cấp có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng gửi đến*	- Bổ sung cụm từ:số thửa đất, số tờ bản đồ địa chính" sau cụm từ "tiểu khu" - Quy định rõ nội dung "phương án trồng rừng thay thế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế" là bản chính hay bản chụp, để đảm bảo thống nhất với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 41 dự thảo Nghị định. - Đề nghị lược bỏ thành phần hồ sơ đã quy định trong thành phần hồ sơ Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại Khoản 17 đảm bảo tính	, Tiếp thu

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện để quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng. Hồ sơ gồm: Bản chụp văn bản quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng của cấp có thẩm quyền; bản chính văn bản đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (Mẫu số 12 đối với tổ chức, Mẫu số 13 đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này); bản chính quyết định và hồ sơ dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bản chính Báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành (tỷ lệ bản đồ 1/2.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng dưới 500 ha, tỷ lệ 1/5.000 đối với diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng từ 500 ha trở lên), kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng); phương án trồng rừng thay thế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế.	chính xác giữa hồ sơ và thực địa, được cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp ở địa phương kiểm tra, xác minh, kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng (diện tích rừng, trữ lượng rừng).	Sở NN&PTNT Bắc Kan Bộ Nội vụ Vụ Pháp chế, Bộ NN&PTNT Sở NN&PTNT Phú Thọ	
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng của tổ chức, cá nhân; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan quản lý về lâm nghiệp tại địa phương chủ trì, phối hợp với cơ quan Tài nguyên và Môi trường, cơ quan liên quan và chủ dự án kiểm tra hồ sơđề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng *- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nông nghiệp và*	Xác nhận biến động tài nguyên rừng: xem Thông tư Số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ NN&PTNT quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng, theo đó, chủ rừng phải cập nhật thay đổi tài nguyên rừng.	Tổ chức phi chỉnh phủ; dự án, tổ chức quốc tế liên quan đến lâm nghiệp ở Việt Nam	

Phát triển nông thôn hoặc cơ quan quản lý về lâm nghiệp tại địa phương chủ trì, phối hợp với cơ quan Tài nguyên và Môi trường, cơ quan liên quan và chủ dự án kiểm tra hồ sơ, điều kiện chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định tại Điều 19 của Luật Lâm nghiệp, đồng thời rà soát, xác định vị trí, diện tích, hiện trạng rừng, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng *- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định tại Điều 19 Luật Lâm nghiệp, trong thời hạn 15 ngày Ủy ban nhân cấp tỉnh ban hành Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác cho tổ chức theo Mẫu số 14 Phụ lục II kèm theo Nghị định này, Ủy ban nhân cấp huyện ban hành Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư theo Mẫu số 15 Phụ lục II kèm theo Nghị định này. Nội dung quyết định phải thể hiện được điều kiện lập địa, hiện trạng, trữ lượng, loài cây, năm trồng (đối với rừng trồng) vị trí (lô, khoảnh, tiểu khu), diện tích phê duyệt chuyển mục đích sử dụng rừng.* *- Trường hợp kết quả kiểm tra không đủ điều kiện, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan quản lý về lâm nghiệp tại địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện trả lời bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng.*			
2. Chủ dự án phải thực hiện lại trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trong trường hợp không triển khai thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sau 24 tháng kể từ	Đề nghị sử dụng cụm từ “Tổ chức, cá nhân” thay thế cho cụm từ “Chủ dự án” để thống nhất các đối tượng xin chuyển mục đích sử dụng rừng;	Cục QLXDCT, Bộ NN&PTNT	Tiếp thu

thời điểm được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng.			
3. Các công trình, dự án kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng theo quy định tại Điều 51 Luật Lâm nghiệp thực hiện theo thiết kế, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không phải chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án.".	Quy định không phải chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng cần được đánh giá tác động và cân nhắc kỹ lưỡng, tránh lạm dụng chính sách.	Bộ Tư pháp	Tiếp thu
	Nhóm TTHC (6): "Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác" (khoản 17 Điều 1 dự thảo – Điều 42 Nghị định số 156/NĐ-CP): - Đề nghị quy định cụ thể theo trình tự logic gồm: Hồ sơ, hình thức thực hiện, trình tự thủ tục thực hiện đảm bảo đầy đủ các bước gắn với từng cơ quan thực hiện và có thời gian cụ thể. - Đối với thành phần hồ sơ cần mẫu hóa và quy định rõ hình thức là bản chính, bản sao hay bản sao công chứng đối với từng loại để đảm bảo thống nhất, dễ thực hiện. - Đề nghị rà soát, bỏ một số thành phần hồ sơ là kết quả giải quyết của TTHC trước hoặc đã có trong hồ sơ của TTHC trước ví dụ: "Bản chụp văn bản quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng của cấp có thẩm quyền", "Bản chính báo cáo thuyết minh..." ...	Văn phòng Bộ NN&PTNT	Tiếp thu
19. Sửa đổi, bổ sung Điều 43 như sau:			
"***Điều 43. Trình tự, thủ tục thu hồi rừng"***	Các nội dung quy định tại khoản 19 chồng lấn với quy định về thu hồi đất đã được quy định tại pháp luật về đất đai. Đề nghị rà soát lại các quy định để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật.	Bộ TN&MT	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định, vì quy định về thu hồi rừng tại Điều 43 không trùng với các trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 61, 62, 64 Luật Đất đai năm 2014; điểm g khoản 1 Điều 22 Luật
1. Trình tự, thủ tục thu hồi rừng đối với các trường	Đề nghị tránh tách biệt thu hồi rừng với thu	UBND tỉnh	

hợp quy định tại điểm a, b và đ khoản 1 Điều 22 Luật Lâm nghiệp	hồi đất, vì rừng là tài sản trên đất, gắn liền với công tác thu hồi đất	Bình Phước	Lâm nghiệp đã quy định :"Các trường hợp thu hồi đất có rừng khác theo quy định của Luật Đất đai", nên thực hiện theo quy định tại Điều 90 Luật Đất đai 2013 và các văn bản pháp luật quy định về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, do vậy không quy định tại Nghị định này. Mặt khác, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư số 32/2018/TT-BNNPTNT, ngày 16 tháng 11 năm 2018 quy định phương pháp định giá rừng, khung giá rừng (hướng dẫn khoản 3 Điều 90 Luật Lâm nghiệp 2017), trong đó quy định trường hợp xác định giá trị rừng khi thu hồi rừng (khoản 2 Điều 11; khoản 2 Điều 12).
a) Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền; cơ quan thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm gửi kết quả thanh tra, kiểm tra đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chức năng tham mưu quản lý nhà nước về lâm nghiệp cấp huyện và chủ rừng về việc thu hồi rừng của chủ rừng.	Đề nghị chỉnh sửa cho phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 39 Luật Thanh tra 2010	Thanh tra Chính phủ	Tiếp thu
b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng tham mưu quản lý nhà nước về lâm nghiệp cấp huyện sau khi nhận được kết luận thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm thẩm tra, xác minh đặc điểm khu rừng khi cần thiết; trong thời hạn 30 ngày làm việc trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thu hồi rừng.			
c) Sau khi nhận được tờ trình của Sở Nông nghiệp			

và Phát triển nông thôn hoặc của cơ quan chức năng tham mưu quản lý nhà nước về lâm nghiệp cấp huyện, trong thời hạn 10 ngày làm việc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ký quyết định thu hồi rừng đối với chủ rừng theo thẩm quyền. *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo việc xác định và xử lý giá trị của chủ rừng đã đầu tư vào khu rừng theo quy định của pháp luật trong thời gian 15 ngày làm việc (nếu có).*			
d) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý khu rừng thu hồi và đưa vào quỹ rừng để giao, cho thuê.			
2. Trình tự, thủ tục thu hồi rừng đối với các trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Luật Lâm nghiệp			
- Chủ rừng là tổ chức trong nước gửi văn bản trả lại rừng đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư gửi văn bản trả lại rừng đến Ủy ban nhân dân cấp huyện. *- Sau khi nhận được văn bản trả lại rừng của chủ rừng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét và giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng tham mưu quản lý nhà nước về lâm nghiệp cấp huyện thẩm tra, chỉ đạo xác minh đặc điểm khu rừng khi cần thiết; trong thời gian 15 ngày làm việc trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định việc thu hồi rừng.* *- Quyết định thu hồi rừng: trong thời gian 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ký và gửi quyết định thu hồi rừng đối với chủ rừng là tổ chức trong nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước*			

ngoài đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trong thời gian 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ký và gửi quyết định thu hồi rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đến cơ quan có chức năng, Ủy ban nhân dân cấp xã. *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo việc xác định và xử lý giá trị của chủ rừng đã đầu tư vào khu rừng theo quy định của pháp luật trong thời gian 15 ngày làm việc (nếu có).*			
	TTHC (7): "Thu hồi rừng đối với trường hợp chủ rừng tự nguyện trả lại rừng" (khoản 19 Điều 1 dự thảo – khoản 2 Điều 43 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP). Đề nghị rà soát, quy định tương tự TTHC (2).	Văn phòng Bộ NN&PTNT	Tiếp thu
3. Trình tự, thủ tục thu hồi rừng đối với các trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 22 Luật Lâm nghiệp			
a) Trong thời hạn 90 ngày làm việc trước khi hết thời hạn giao, cho thuê rừng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng tham mưu quản lý nhà nước về lâm nghiệp cấp huyện có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo đến chủ rừng được giao, được thuê rừng về việc hết thời hạn giao rừng, cho thuê rừng mà không được gia hạn.			
b) Trong thời hạn 30 ngày trước khi hết hạn sử dụng rừng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng tham mưu quản lý nhà nước về lâm nghiệp cấp huyện có trách nhiệm			

trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thu hồi rừng.			
c) Sau khi nhận được tờ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng tham mưu quản lý nhà nước về lâm nghiệp cấp huyện; trong thời hạn 15 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét ký quyết định thu hồi rừng theo thẩm quyền và thông báo việc thu hồi rừng đến chủ rừng bị thu hồi rừng. Đồng thời giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chỉ đạo quản lý diện tích rừng thu hồi theo quy định của pháp luật. *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo việc xác định và xử lý giá trị của chủ rừng đã đầu tư vào khu rừng theo quy định của pháp luật trong thời gian 20 ngày làm việc (nếu có).*			
d) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý khu rừng thu hồi và đưa vào quỹ rừng để giao, cho thuê.			
4. Trình tự, thủ tục thu hồi rừng đối với các trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 22 Luật Lâm nghiệp			
a) Chậm nhất là 10 ngày kể từ khi nhận được giấy chứng tử hoặc quyết định tuyên bố mất tích của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm gửi báo cáo và xác nhận chủ rừng là cá nhân đó không có người thừa kế về rừng về cơ quan chức năng tham mưu quản lý nhà nước về lâm nghiệp cấp huyện;	- Khoản 19 (sửa đổi, bổ sung Điều 43), đề nghị bổ sung vào điểm a khoản 4 như sau: "a) Chậm nhất là 10 ngày... có thẩm quyền *theo quy định của pháp luật về dân sự,* …người thừa kế... cấp huyện".	Vụ Pháp chế, Bộ NN&PTNT	Tiếp thu
b) Sau khi nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan chức năng tham mưu quản lý nhà nước về lâm nghiệp cấp huyện có trách nhiệm thẩm tra, xác			

minh thực tế, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thu hồi rừng;			
c) Sau khi nhận được tờ trình của cơ quan chức năng tham mưu quản lý nhà nước về lâm nghiệp cấp huyện, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, ký và gửi quyết định thu hồi rừng cho phòng chức năng và Ủy ban nhân dân cấp xã;			
d) Sau khi nhận được quyết định thu hồi rừng của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý khu rừng thu hồi và đưa vào quỹ rừng để giao, cho thuê.”.			
	Đề nghị bổ sung quy định tại điểm g khoản 1 Điều 22 Luật Lâm nghiệp :“*Các trường hợp thu hồi đất có rừng khác theo quy định của Luật Đất đai*" cho phù hợp với quy định về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất tại điểm d khoản 1 Điều 90 Luật Đất đai.	UBND tỉnh Bình Thuận	Giữ nguyên như dự thảo, vì các trường hợp thu hồi đất có rừng khác sẽ thực hiện theo quy định của Luật Đất đai
	Làm rõ điều kiện và đối tượng được bồi thường rừng khi thực hiện các dự án vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (khoản 2 Điều 22 Luật Lâm nghiệp)	Bộ KH&ĐT	Tiếp tục nghiên cứu
20. Sửa đổi, bổ sung các khoản 3, 4, 6 Điều 57 như sau:	Mở rộng đối tượng phải chi trả chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh gây phát thải khí nhà kín; cơ sở sản xuất công nghiệp phải chi trả tiền dịch vụ điều tiết, duy trì nguồn nước cho sản xuất và đời sống xã hội; cơ sở nuôi trồng thủy sản phải chi trả dịch vụ cung ứng bãi đẻ, nguồn thức ăn, con giống tự nhiên, nguồn nước từ rừng và các yếu tố từ môi trường, hệ sinh thái rừng để nuôi trồng thủy sản.	Bộ KH&ĐT	Đã mở rộng đối tượng tham gia, bao gồm chủ rừng; các cơ sở phát thải khí nhà kính; các tổ chức, cá nhân đầu tư, kinh doanh tín chỉ các bon rừng

"3. Cơ sở sản xuất công nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp có sử dụng nước từ nguồn nước phục vụ cho sản xuất công nghiệp, bao gồm các cơ sở sản xuất công nghiệp thuộc các ngành nghề *tại Phụ lục VIII kèm theo Nghị định này.*			- Tiếp thu, đã bổ sung danh mục các ngành nghề tại Phụ lục kèm theo Nghị định này
4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí quy định tại điểm d khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp, bao gồm: các hoạt động dịch vụ lữ hành, vận tải khách du lịch, lưu trú du lịch, dịch vụ ăn uống, mua sắm, thể thao, vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe, tham quan, quảng cáo trong phạm vi khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng của chủ *rừng hoặc có vị trí thuộc lô/khoảnh/thửa đất tiếp giáp với khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng.*	Đề nghị bỏ cụm từ "*hoặc có vị trí thuộc lô/khoảnh/thửa đất tiếp giáp với khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng*", vì quy định này chưa thực tế, khó xác định phạm vi cung ứng dịch vụ môi trường rừng đối với loại hình tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.	Sở NN&PTNT Khành Hòa; Lào Cai, Yên Bái, Quảng Ninh	Tiếp thu, giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tùy theo tình hình thực tiễn tại địa phương.
	Cần mở rộng dịch vụ kinh doanh du lịch sinh thái theo hướng không chỉ giới hạn trong phạm vi khu rừng mà có thể mở rộng dịch vụ kinh doanh du lịch sinh thái bên ngoài phạm vi khu rừng nhưng có liên quan đến dịch vụ do rừng tạo ra…	Bộ KH&ĐT	- Tiếp thu, đã bổ sung các hoạt động cụ thể và sửa đổi theo hướng mở rộng phạm vi cung ứng dịch vụ do rừng tạo ra.
	Đề nghị làm rõ quy định "hoặc có vị trí thuộc lô/khoảnh/thửa đất tiếp giáp với khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng". - Sửa lại: "4. Tổ chức, cá nhân....., tham quan, quảng cáo trong phạm vi tiểu khu rừng trong đó có các hoạt động dịch vụ du lịch sinh thái được thực hiện và các tiểu khu rừng liền kề/tiếp giáp với khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng. - Sửa lại: 4. Tổ chức, cá nhân ... trong phạm vi khu rừng cung ứng DVMTR của khu vực rừng thuộc khu vực quy hoạch du lịch sinh	Bộ TN&MT UBND tỉnh Đắk Lắk - Sở NN&PTNT	Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 4 Điều 57(khoản 25 Điều 1 Dự thảo Nghj định)

	thái được cấp có thẩm quyền phê duyệt - Bổ sung sau cụm từ DVMTR:" có vị trí kinh doanh các dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được hưởng lợi từ cảnh quan thiên nhiên, khí hậu trong lành từ rừng để hấp dân, thu hút khách du lịch thuộc các khu rừng trên các hòn đảo cung cấp các cảnh quan thiên nhiên để hấp dẫn du lịch, các hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học để da dạng hóa các sản phẩm du lịch là đối tượng phải chi trả tiền DVMTR".	Gia Lai VQG Phú Quốc	
	Bổ sung thêm đối tượng: tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch tâm linh (cáp treo vận tải hành khách lên chùa,…); bổ sung thêm cụm từ "liền kề", cụ thể như sau:"…hoặc có vị trí thuộc lô/khoảnh/thửa đất tiếp giáp, liền kề với khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng".	Sở NN&PTNT Hà Tĩnh	Giữ nguyên loại hình du lịch đã được quy định tại Luật Lâm nghiệp (du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí) và phù hợp với Luật Du lịch
6. Cơ sở nuôi trồng thủy sản quy định tại điểm e khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp là *tổ chức* nuôi trồng thủy sản hoặc liên kết với các hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản.".	Sửa lại: 6. Cơ sở nuôi trồng thủy sản quy định tại điểm e khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp là tổ chức nuôi trồng thủy sản hoặc liên kết với các hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản thực hiện chi trả gián tiếp theo khoản 2 Điều 58 Nghị định này."		- Tiếp thu,chỉnh sửa tại khoản 6 Điều 57(khoản 25 Điều 1 dự thảo Nghị định)
	Bổ sung quy định đối tượng chi trả DVMTR là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có hợp đồng nhận khoán bảo vệ và phát triển rừng (là rừng ngập nước, có nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông lâm kết hợp) với chủ rừng là tổ chức nhà nước	UBND tỉnh Bạc Liêu	- Nếu người nhận khoán BVR tự nuôi trồng thủy sản trong rừng của mình thì tự trả tiền DVMTR cho mình.
	Bổ sung: "7. Tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí có sử dụng nguồn nước từ rừng (thác, suối...) phục vụ hoạt động kinh doanh du lịch sinh thái,	Sở NN&PTNT Lâm Đồng	- Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì nước sử dụng cho sinh hoạt thì tiền DVMTR đã có trong giá nước và Nhà máy cung cấp nươc sạch đã trả

	nghỉ dưỡng, giải trí”. Lý do: Tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn nước từ rừng phục vụ kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tương tự với cơ sở thủy điện, sản xuất nước sạch, sản xuất công nghiệp.		tiền DVMTR; còn nước làm đẹp cảnh quan (ví dụ thác nước, hồ nước,..) thì giá trị nằm trong dịch vụ du lịch
21. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 58 như sau:			
“2. Bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trả tiền cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp.”.	Đề nghị giữ nguyên quy định tại Khoản 2 Điều 58 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP hoặc quy định bổ sung trường hợp nào áp dụng chi trả dịch vụ môi trường rừng trực tiếp và gián tiếp (ủy thác qua Quỹ bảo vệ phát triển rừng), vì: Tại khoản 1 Điều 58 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP đã quy định về hình thức chi trả dịch vụ môi trường rừng trực tiếp: Bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trả tiền trực tiếp cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 3 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp được thực hiện trên cơ sở hợp đồng thỏa thuận tự nguyện.	Bộ Tài chính	- Tiếp thu và bổ sung vào Điều 58
	Tại Khoản 1 Điều 58: bổ sung quy định chế độ báo cáo và hướng dẫn xây dựng phương án chi trả tiền DVMTR theo hình thức chi trả trực tiếp, quy định cơ quan thẩm định, phê duyệt phương án.	UBND tỉnh Hòa Bình	- Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì theo hình thức chi trả trực tiếp, 2 bên tự thỏa thuận - Bổ sung Mẫu báo cáo cho Quỹ BVPTR
	Đề nghị làm rõ lý do “cắt bỏ” quy định nêu trên. Đề nghị giữ nguyên quy định tại Khoản 2 Điều 58 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP hoặc quy định bổ sung trường hợp nào áp dụng chi trả dịch vụ môi trường rừng trực tiếp và gián tiếp (ủy thác qua Quỹ bảo vệ phát triển rừng), vì: Tại khoản 1 Điều 58 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP đã quy định	Bộ Tài chính	- Tiếp thu, giữ nguyên Khoản 2 Điều 58

	về hình thức chi trả dịch vụ môi trường rừng trực tiếp: Bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trả tiền trực tiếp cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 3 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp được thực hiện trên cơ sở hợp đồng thỏa thuận tự nguyện.		
22. Sửa đổi, bổ sung các khoản 3, 4, 5 Điều 59 như sau:			
"3. Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng đối với cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước từ nguồn nước là 50 đồng/m3. Khối lượng nước để tính tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng là khối lượng nước cơ sở sản xuất công nghiệp đã sử dụng, tính theo đồng hồ đo nước hoặc theo lượng nước được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoặc theo chứng từ mua bán nước giữa cơ sở sản xuất công nghiệp với đơn vị kinh doanh nước có khối lượng nước sử dụng từ 500.000 m3/năm trở lên. *Số tiền phải chi trả dịch vụ môi trường rừng trong kỳ hạn thanh toán được xác định bằng khối lượng nước (m3) do cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nhân với mức chi trả dịch vụ môi trường rừng tính trên 1 m3 nước (50 đồng/m3).*	- Đề nghị điều chỉnh quy định về khối lượng nước sử dụng từ 100.000 m^3/năm trở lên để phù hợp với tình hình thực tế của các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước từ nguồn nước. - Thay 500.000m3/năm bằng 36.500 m3/năm trở lên". (phù hợp với khoản 1 Điều 44 của Luật Tài nguyên nước 2012) Sở NN&PTNT Quảng Ngãi hoặc giữ nguyên như khoản 3 Điều 59 Nghị định 156/2018/NĐ-CP. - Quy định thêm mức tối thiểu doanh thu phải nộp tiền DVMTR.	Sở NN&PTNT Khánh Hòa UBND tỉnh Hòa Bình, Sở NN&PTNT Phú Thọ Sở NN&PTNT Lai Châu	Điều chỉnh theo hướng giao UBND tỉnh quyết định mức cụ thể phù hợp với điều kiện địa phương
4. Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng của các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí quy định tại điểm d khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp tối thiểu bằng 1% trên tổng doanh thu thực hiện trong kỳ.	"4. Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng của các tổ chức cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái...tối thiểu bằng 2% trên tổng doanh thu thực hiện trong kỳ".	Sở NN&PTNT Bắc Giang, Vĩnh Phúc	Giữ nguyên như dự thảo và bổ sung quy định giao UBND tỉnh quyết định mức cụ thể phù hợp điều kiện của địa phương
5. Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng của tổ chức nuôi trồng thủy sản hoặc liên kết với các hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản quy định tại điểm e khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp tối thiểu bằng 1% tổng doanh thu thực hiện trong			

kỳ.”.			
23. Bổ sung khoản 4 Điều 61 như sau:			
“4. Bản đồ dịch vụ môi trường rừng về bảo vệ, duy trì vẻ đẹp cảnh quan tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái rừng *a) Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh xây dựng bản đồ dịch vụ môi trường rừng về bảo vệ, duy trì vẻ đẹp cảnh quan tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái rừng tại địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm cơ sở chi trả.*	- Đề nghị sửa cụm từ "Bản đồ dịch vụ môi trường rừng" thành "Bản đồ cung ứng dịch vụ môi trường rừng", hướng dẫn xây dựng bản đồ này - Bổ sung phụ lục IV kèm theo bản Dự thảo. .- Quỹ BV&PTR cấp tỉnh chủ trì phối hợp với bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng xây dựng bản đồ dịch vụ môi trường rừng về bảo vệ, duy trì vẻ đẹp...” - Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục phê duyệt bản đồ chi trả và diện tích rừng được chi trả	Sở NN&PTNT Lai Chau, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc; UBND tỉnh Đắc Lắc; Bộ Tài chính -Sở NN&PTNT Đắc Nông và Hải Phòng	Theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, Quỹ BV&PTR cấp tỉnh chủ trì phối hợp với Chi cục Kiểm lâm, chủ rừng là tổ chức xây dựng bản đồ chi trả DVMTR trên cơ sở chồng xếp bản đồ kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng của chủ rừng là tổ chức với bản lưu vực nơi cung ứng DVMTR. Theo đó, bản đồ kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công bố hằng năm và kết quả chi trả tiền DVMTR năm trước. Do vậy, công tác xây dựng bản đồ nhằm xác định danh sách đối tượng chi trả được quy định tại Phụ lục VI, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP. Trong quá trình thực hiện triển khai tại các địa phương không gặp khó khăn vướng mắc, vì vậy đề nghị giữ nguyên theo dự thảo. Đối với bản đồ cung ứng DVMTR được quy định tại phụ lục IV dự thảo Nghị định đã quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.
b) Bản đồ dịch vụ môi trường rừng về bảo vệ, duy trì vẻ đẹp cảnh quan tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái rừng được quy định tại Phục lục IV kèm theo Nghị định này.	Cần bổ sung các tiêu chí cụ thể để có cơ sở xây dựng bản đồ và phương pháp xây dựng bản đồ	UBND tỉnh Hòa Bình, Nghệ An	Tiếp thu
	Đề nghị bổ sung quy định chi tiết việc xây dựng bản đồ lưu vực nơi cung ứng dịch vụ môi trường đối với hệ sinh thái rừng ở đồng	Sở NN&PTNT Cà	Sẽ quy định chung việc xây dựng bản đồ lưu vực nơi cung ứng dịch vụ môi trường trong phụ lục IV

	bằng (rừng tràm, rừng ngập mặn).	Mau,UBND tỉnh Bình Phước	
c) Chi phí xây dựng bản đồ từ nguồn kinh phí quản lý của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.”.			
24. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 70 như sau:			
a) Sửa đổi, bổ sung điểm a và bổ sung điểm e khoản 1 như sau:			
“a) Kinh phí quản lý được trích tối đa 0,5% tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng thực thu trong năm để chi cho các hoạt động của bộ máy Quỹ. Mức trích cụ thể trong kế hoạch thu, chi hằng năm của Quỹ, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định. Nội dung chi hoạt động của bộ máy Quỹ bao gồm: *Chi thường xuyên: chi lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp cho các thành viên Ban Điều hành Quỹ, chi tiền trách nhiệm quản lý cho các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ; chi tiền công; chi thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin, tuyên truyền liên lạc; chi họp, hội nghị; chi công tác phí, thuê mướn; chi sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và cơ sở hạ tầng; chi thẩm định chương trình, dự án, thẩm định trong hoạt động đấu thầu; chi các hoạt động tiếp nhận và thanh toán tiền; chi kiểm tra giám sát và chi khác (nếu có);* *Chi không thường xuyên: hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng; hỗ trợ các hoạt động trồng cây phân tán, trồng cây xanh; hỗ trợ các hoạt động cập nhật, theo dõi diễn biến rừng; chi các hoạt động rà soát xác định diện*	Đề nghị rà soát quy định: “Chi hỗ trợ các hoạt động trồng cây phân tán, trồng cây xanh”đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành	Bộ Tài chính	- Tiếp thu, sửa lại thành " chi hỗ trợ tổ chức trồng cây phân tán,.."

tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng; chi hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ; chi mua sắm, sữa chữa lớn tài sản phục vụ hoạt động bộ máy Quỹ, mua sắm các trang thiết bị đặc thù phục vụ công tác chi trả; chi tuyên truyền; chi dịch vụ kiểm toán; chi đoàn ra, đoàn vào và chi khác (nếu có).			
e) Đối với nội dung chi hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng, hỗ trợ các hoạt động liên quan đến trồng cây phân tán, trồng cây xanh; hỗ trợ các hoạt động liên quan đến cập nhật, theo dõi diễn biến rừng do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định.			
b) Sửa đổi, bổ sung điểm a và bổ sung điểm g khoản 2 như sau:	Bổ sung: Chi hỗ trợ cho thực hiện giao rừng, cho thuê rừng; cắm mốc phân định ranh giới rừng cho các chủ rừng; Hỗ trợ đầu tư cho các hoạt động về PCCCR.	Sở NN&PTNT Lai Châu và Hà Giang	Giữ nguyên nhu dự thảo, vì tại điểm k khoản 1 Điều 87 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, đây là khoản kinh phí được ngân sách Nhà nước đầu tư. - Nội dung chi hỗ trợ đầu tư cho các hoạt động về phòng cháy và chữa cháy rừng và mở rộng một vài nội dung chi cho chủ rừng là tổ chức như: mua sắm các tài sản, công cụ dụng cụ phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng đã được quy định tại điểm c và d, khoản 3 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.
	- Điểm a khoản 2: Đề nghị bổ sung cụm từ: "*trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua*,", trước cụm từ "trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định."	UBND tỉnh Đắc Lắc	Tiếp thu
	Điểm a khoản 2: Chi không thường xuyên: bổ sung thêm các nội dung chi hỗ trợ được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 80 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.	Sở NN&PTNT Lâm Đồng	Tiếp thu

"a) Kinh phí quản lý được trích tối đa 10% tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng thực thu trong năm để chi cho các hoạt động của bộ máy Quỹ. Mức trích cụ thể trong kế hoạch thu, chi hằng năm của Quỹ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Nội dung chi hoạt động của bộ máy Quỹ bao gồm: Chi thường xuyên: chi lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp cho các thành viên Ban Điều hành Quỹ, chi tiền trách nhiệm quản lý cho các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ; chi tiền công; chi thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin, tuyên truyền liên lạc; chi họp, hội nghị; chi công tác phí, thuê mướn; chi sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và cơ sở hạ tầng; chi thẩm định chương trình, dự án, thẩm định trong hoạt động đấu thầu; chi các hoạt động tiếp nhận và thanh toán tiền; chi kiểm tra giám sát và chi khác (nếu có); Chi không thường xuyên: chi hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng; *hỗ trợ các hoạt động trồng cây phân tán, trồng xanh; hỗ trợ các hoạt động cập nhật, theo dõi diễn biến rừng;* chi các hoạt động rà soát xác định diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng, các hoạt động kỹ thuật theo dõi, đánh giá chất lượng dịch vụ môi trường rừng; chi hỗ trợ hoạt động liên quan đến chi trả dịch vụ môi trường rừng cấp huyện, xã; chi hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ; chi mua sắm, sữa chữa lớn tài sản phục vụ hoạt động bộ máy Quỹ, mua sắm các trang thiết bị đặc thù phục vụ công tác chi trả; chi tuyên truyền; chi dịch vụ kiểm toán; chi đoàn ra, đoàn vào và chi khác (nếu có).			
g) Đối với nội dung chi hỗ trợ xây dựng phương án	Không rõ quyết định như thế nào? Có phải	Hội Chủ rừng	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng, hỗ trợ các hoạt động liên quan đến trồng cây phân tán, trồng cây xanh; hỗ trợ các hoạt động liên quan đến cập nhật, theo dõi diễn biến rừng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp quyết định.”.	phê duyệt kế hoạch thu, chi cũng là quyết định hay phải có văn bản quyết định riêng?		phê duyệt kế hoạch thu, chi
	Điểm d khoản 2 Điều 70: điều chỉnh, bổ sung quy định như sau: + Quỹ cấp tỉnh trích KPDP tối đa 5% tổng số tiền DVMTR thực thu trong năm để: hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được giao, khoán bảo vệ rừng trong trường hợp có thiên tai, khô hạn; trường hợp mức chi trả cho 01 ha rừng thấp hơn năm trước liền kề; hoặc bổ sung để tăng mức chi trả cho bên cung ứng DVMTR có mức chi trả từ thấp nhất trở lên; + KPDP trong năm chưa sử dụng hoặc không sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng dự phòng; mức tồn KPDP hàng năm tối đa bằng 5% tổng số tiền DVMTR thu trong năm..	Sở NN&PTNT Lâm Đồng	Tiếp thu
c) Sửa đổi, bổ sung điểm c, điểm d khoản 3 như sau:			
“c) Chủ rừng là tổ chức không bao gồm điểm b khoản 3 Điều này không khoán bảo vệ rừng hoặc khoán một phần diện tích, toàn bộ số tiền nhận được tương ứng với diện tích rừng tự bảo vệ được sử dụng cho các hoạt động phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng của chủ rừng, bao gồm: xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng; các hạng mục công trình lâm sinh, các công trình cơ sở kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng; các hoạt động tuần tra, truy quét các điểm nóng, xử lý các vi phạm	Đề nghị giữ nguyên quy định điểm c Khoản 3 Điều 70 Nghị định 156 (chi trả lương, các khoản có tính chất lương đối với các đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước) để đảm bảo không trùng lắp với việc chi lương và các khoản có tính chất lương cho các đối tượng đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước.	Bộ Tài chính	Tiếp thu

pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng; mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa tài sản trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ rừng; lập hồ sơ, xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu, tuyên truyền, vận động, đào tạo, tập huấn, hội nghị và các hoạt động khác phục vụ công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng; chi trả lương, các khoản có tính chất lương và các hoạt động khác phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.			
	Bổ sung: chi lập đề án và thực hiện đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng, phòng hộ sau khi đề án được phê duyệt; Chi cho công tác xác minh hiện trường biến động rừng và lập báo cáo diễn biến rừng, hỗ trợ các hoạt động cập nhật, theo dõi diễn biến rừng	Sở NN&PTNT Quảng Nam	Tiếp thu
d) Chủ rừng là tổ chức được quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có khoán bảo vệ rừng cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư được trích 10% tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng chi trả cho diện tích rừng khoán bảo vệ nêu trên để chi cho công tác quản lý các khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng, gồm: *xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng*, các hạng mục công trình lâm sinh, các công trình cơ sở kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng; các hoạt động tuần tra, truy quét các điểm nóng, xử lý các vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa tài sản trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ rừng; lập hồ sơ, xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng,			

kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu, tuyên truyền, vận động, đào tạo, tập huấn, hội nghị và các hoạt động khác phục vụ công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng; chi trả lương và các khoản có tính chất lương và các hoạt động khác phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Số tiền trích để chi cho công tác quản lý của chủ rừng được coi là nguồn thu của chủ rừng và được quản lý theo quy định pháp luật về tài chính phù hợp với loại hình tổ chức của chủ rừng. Số tiền còn lại sau khi trích kinh phí quản lý được chủ rừng chi trả cho bên nhận khoán theo quy định tại khoản 3 Điều 69 của Nghị định này.”.			
	Bổ sung thêm việc sử dụng tiền tự bảo vệ diện tích rừng của các chủ rừng cho các hoạt động: điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng; xây dựng đề án du lịch sinh thái, xây dựng cơ bản; chi cho cán bộ, nhân viên đang làm việc tại các Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ nhưng tổng mức lương tối đa không quá 2 lần lương cơ bản theo quy định	Sở NN&PTNT Lào Cai	Tiếp thu
	Đề xuất bổ sung vào Khoản 4 Điều 70: hướng dẫn UBND cấp xã xây dựng phương án sử dụng tiền DVMTR và trích chi phí quản lý để sử dụng trong thực hiện tuần tra, kiểm tra, giám sát bảo vệ rừng đối với diện tích có hợp đồng nhận khoán với cộng đồng dân cư.	UBND tỉnh Hòa Bình, Sở NN&PTNT Phú Thọ, Vĩnh Phúc	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo
	Bổ sung khoản 5 Điều 70: “5. Chủ rừng quy định tại điểm b, c, d khoản 3 Điều 70 Nghị định số 156 thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nguồn thu từ chi phí quản lý và diện tích tự bảo vệ trước khi sử dụng.”	UBND tỉnh Đắk Lắk	Tiếp thu
25. Bổ sung Điều 72a sau Điều 72 như sau:	Đề nghị: (i) lập đề nghị xây dựng chính sách	Bộ Tư pháp	Tiếp thu, đưa nội dung đánh giá tác

	theo quy định tại khoản 2 Điều 19 và Điều 85 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); (ii) xây dựng báo cáo đánh giá tác động chính sách đầy đủ, toàn diện đối với nội dung này và báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ xem xét, quyết định. Lý do: Luật Lâm nghiệp không giao Chính phủ quy định chi tiết về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng. Do đó, để đảm bảo tính hợp pháp của dự thảo Nghị định,		động chính sách về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng tại báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị định, xin ý kiến Chính phủ trong Tờ trình và giải trình như sau: - Luật Lâm nghiệp 2017 quy định dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng (khoản 3 Điều 61) là một trong 5 loại hình dịch vụ môi trường rừng. Điểm đ khoản 2 Điều 63 quy định: "Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh gây phát thải khí nhà kính lớn phải chi trả tiền dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng" và tại khoản 5 Điều 63 quy định: “Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, hình thức chi trả, mức chi trả dịch vụ môi trường rừng và điều chỉnh, miễn, giảm mức chi trả dịch vụ môi trường rừng; quản lý sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng”. Đến nay Chính phủ đã quy định chi tiết các loại dịch vụ môi trường khác nhưng chưa có hướng dẫn về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng. - Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Điều 138) quy định dịch vụ môi trường rừng, trong đó có dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng là một trong 4 loại hình của hệ sinh thái tự nhiên được chi trả dịch vụ theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; Điều 139 quy định về tổ

			chức và phát triển thị trường các-bon nói chung nhưng chưa có quy định cụ thể về tổ chức và phát triển thị trường các-bon của rừng. - Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn quy định các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng; giao đất, cho thuê đất để trồng rừng; tự phục hồi, phát triển rừng được tham gia các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước, quốc tế; tuy nhiên chưa có quy đinh cụ thể về ván đề này. Do đó, việc bổ sung quy định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng tại Nghị định này là có cơ sở pháp lý và cần thiết.
	- Khoản 25 (bổ sung Điều 72a sau Điều 72): khoản 2, đề nghị nghiên cứu, viết lại theo 2 hình thức chi trả trực tiếp và chi trả gián tiếp để thống nhất với nội dung của các khoản khác	Vụ Pháp chế, Bộ NN&PTNT	Tiếp thu và đã có điều chỉnh theo hướng mở
	làm rõ căn cứ xây dựng nội dung quy định tại Điều 72a và Điều 72b, vì khoản 5 Điều 57 Nghị định số 156 quy định "5. Đối với tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh gây phát thải khí nhà kính lớn theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp, Bộ NN&PTNT tổ chức thí điểm đến hết năm 2020, tổng kết, trình Chính phủ quy	Bộ TN&MT	Giải trình như sau: - Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đề nghị và Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý chủ trương thí điểm chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các - bon của rừng tại 4 tỉnh: Quảng Ninh, Thanh Hóa, Quảng Nam và Thừa

	định chi tiết đối tượng, hình thức chi trả, mức chi trả, quản lý, sử dụng tiền chi trả dịch vụ về hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng.”. Tuy nhiên, hoạt động này chưa được triển khai thực hiện.		Thiên Huế tại Văn bản số 1586/VPCP-NN, ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ. Tiếp theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã trình hồ sơ dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng với các đơn vị được chọn làm thí điểm là cơ sở sản xuất nhiệt điện than và cơ sở sản xuất xi măng ở 4 tỉnh nói trên tại Tờ trình số 7312/TTr-BNN-TCLN ngày 02 tháng 10 năm 2019. - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng đã trình hồ sơ dự thảo Nghị định về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính Thỏa thuận chi trả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ (Thỏa thuận chuyển nhượng kết quả giảm phát thải đã ký giữa Bộ NN&PTNT và Ngân hàng thế giới - Cơ quan nhận ủy thác của Quỹ các bon trong lâm nghiệp) tại Tờ trình số 5577/TTr-BNN-TCLN ngày 01/9/2021. Nghị định này nếu được Chính phủ ban hành chỉ áp dụng cho 6 tỉnh vùng Bắc Trung bộ và thời gian đến năm 2025. - Do mỗi tổ chức, cá nhân mua kết quả giảm phát thải/tín chỉ các-bon đưa ra các điều kiện, yêu cầu khác nhau. Chương trình thí điểm chuyển

			nhượng kết quả giảm phát thải vùng Bắc Trung Bộ chỉ là một trong những người mua kết quả giảm phát thải, ngoài ra còn có các nhà đầu tư, người mua tiềm năng khác đưa ra các yêu cầu, điều kiện khác nhau nên cần có quy định mang tính khung pháp lý chung đối với việc chuyển nhượng kết quả giảm phát thải/tín chỉ các-bon áp dụng trong phạm vi toàn quốc. Trên thực tế, một số tỉnh đã có các tổ chức, nhà đầu tư đề nghị được mua kết quả giảm phát thải, nhưng do chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng nên không triển khai được. - Việt Nam tham gia ký Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, trong đó Việt Nam có thể trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải cho các quốc gia khác. Vì vậy, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã sửa đổi, bổ sung Điều 72a và Điều 72b theo hướng xây dựng 1 điều quy định chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các -bon trên cơ sở cụ thể hóa quy định tại Điều 61 và Điều 63 Luật Lâm nghiệp 2017; vận dụng quy định tại Điều 138 và Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định

			giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn như trình bày ở khoản 4 Mục I Báo cáo này.
	Bổ sung quy định về: kỳ hạn thanh toán đối với chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng đối với tổ chức, cá nhân trong nước. Cần có quy định cụ thể để thống nhất triển khai thực hiện trong cả nước.	Sở NN&PTNT Lai Châu	Tiếp thu, sẽ có văn bản hướng dẫn chi tiết về nội dung này
"Điều 72a. Chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng đối với tổ chức, cá nhân trong nước	Đề nghị giải thích rõ với đầy đủ cơ sở khoa học cùng đánh giá tác động đối với quy định về: (i) Hình thức chi trả; mức chi trả và xác định số tiền chi trả và (ii) Xác định, thẩm định và xác nhận khối lượng hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng. Mặt khác, các nội dung này có liên quan đến có ảnh hưởng lớn đến quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, đồng thời là các vấn đề kỹ thuật, kinh tế, tài chính, cần phải nghiên cứu, đánh giá tác động kỹ và có ý kiến của chuyên gia, tổ chức, đối tượng bị tác động.	Bộ Tư pháp	: Trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất chỉnh sửa Điều 72a và Điều 72b theo hướng xây dựng 1 điều quy định chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các - bon (Điều72a). Điều này chỉ quy định khung pháp lý chung, như: đối tượng chi trả và đối tượng được chi trả; điều kiện tham gia hoạt động chi trả dịch vụ hấp thụ các bon rừng; đo đạc, báo cáo, xác minh và công nhận tín chỉ các bon rừng; nguyên tắc quản lý tài chính đối với hoạt động mua bán, kinh doanh tín chỉ chỉ các bon rừng; quản lý, sử dụng tiền bán tín chỉ các bon rừng và sẽ có các văn bản hướng dẫn cụ thể các nội dung này. Nội dung đánh giá tác động chính sách về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon sẽ đưa vào Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị định.
	Cần sửa đổi theo hướng tổng quát phù hợp với thông lệ quốc tế về thương mại các-bon và các quy định của Việt Nam. Các nội dung	Viện KHLN	Tiếp thu và đã chỉnh sửa

	chính cần quy định gồm: 1. Hoạt động lâm nghiệp nào tham gia vào giảm phát thải và tăng cường hấp thụ các-bon 2. Các yêu cầu kỹ thuật đối với hoạt động giảm phát thải và tăng cường hấp thụ các -bon 3. Quy định các loại thị trường các -bon, các yêu cầu khi tham gia thương mại tín chỉ các-bon với từng loại thị trường 4. Quy định về nguyên tắc thực hiện đo đạc, báo cáo và chứng nhận tín chỉ các-bon; 5. Quy định về đăng ký tín chỉ các -bon và quyền các-bon trong các giao dịch tín chỉ các-bon 6. Trình tự thực hiện thương mại tín chỉ các-bon Lý do: sản phẩm tín chỉ các bon là sản phẩm đặc biệt, các thị trường giao dịch tín chỉ các-bon có các quy định riêng; Với thị trường các-bon quốc tế, giao dịch các bon được vận hành dựa vào các tiêu chuẩn các-bon của các tổ chức đã được xây dựng; với thị trường trong nước hiện đang trong quá trình xây dựng và tiếp cận theo cách vận hành của thị trường quốc tế, trong đó giá bán tín chỉ các-bon theo cơ chế thị trường; các tín chỉ các bon được tạo ra sau khi được chứng nhận đều phải đăng ký để tránh bán nhiều lần.		
1. Đối tượng	Đối tượng chưa đúng theo quy định của Luật Lâm nghiệp. Bên cạnh đó, Nghị định cũng chưa quy định rõ tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh gây phát thải khí nhà kính lớn là các tổ chức, cá nhân nào	Sở NN&PTNT Đồng Tháp	Các quy định mới này đã làm rõ đối tượng, Chi trả các bon hiện không chỉ căn cứ vào Luật Lâm nghiệp 2017, mà còn căn cứ vào Luật BVMT 2020; Nghị định 06/2022/NĐ-CP.

a) Đối tượng sử dụng dịch vụ: là tổ chức, cá nhân có sử dụng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng, giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững và tăng trưởng xanh.	sửa là: Đối tượng chi trả dịch vụ là tổ chức, cá nhân sử dụng tín chỉ các-bon hình thành từ hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng, giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững và tăng trưởng xanh để trao đổi, bù trừ, kinh doanh tín chỉ các-bon trên thị trường.	Hội Chủ rừng	Tiếp thu và đã chỉnh sửa dựa trên các quy định mới ban hành (Luật BVMT 2020; Nghị định 06/2022/NĐ-CP)
	Đề nghị bổ sung phụ lục ngành nghề cụ thể với đối tượng có sử dụng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng	Sở NN&PTNT Phú Yên	Đã quy định rõ đối tượng tham gia.
b) Đối tượng cung ứng dịch vụ: bao gồm các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật Lâm nghiệp quản lý diện tích rừng tự nhiên; rừng trồng đặc dụng, phòng hộ; rừng trồng sản xuất gỗ lớn cung ứng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng cho đối tượng sử dụng dịch vụ quy định tại điểm a khoản này.	bổ sung đối tượng là rừng trồng sản xuất gỗ nhỏ, vì các giai đoạn tăng trưởng và phát triển của cây rừng đều có hấp thụ và lưu giữ các bon để tạo thành sinh khối rừng.	Sở NN&PTNT Đồng Tháp; Bắc Kan	Đã quy định rõ các hoạt động được chi trả liên quan đến giảm phát thải KNK và tăng hấp thụ các bon
2. Hình thức chi trả			
a) Bên sử dụng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng trả tiền trực tiếp cho bên cung ứng dịch vụ theo hợp đồng thỏa thuận tự nguyện giữa hai bên phù hợp với quy định tại Nghị định này.			
b) Bên sử dụng dịch vụ trả tiền cho bên cung ứng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng đối với diện tích rừng thuộc phạm vi một tỉnh ủy thác thông qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh hoặc từ hai tỉnh trở lên ủy thác thông qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam.			
3. Mức chi trả và xác định số tiền chi trả	Sửa lại: 3. Mức chi trả và xác định số tiền chi trả a) Mức chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng tối thiểu bằng mức bình quân theo thỏa thuận của Việt Nam và Quốc tế tại thời điểm thực hiện thỏa thuận. Đơn vị tính là	UBND tỉnh Đắk Lắk	Chỉ quy định về các điều kiện tham gia, trong đó quy định thương mại tín chỉ các bon theo cơ chế thị trường. Nguồn thu phụ thuộc vào lượng tín chỉ các bon tạo ra, giá bán, các quy định về nghĩa vụ thuế, phí và sẽ có

	đồng/tấn Co2. - Rà soát và quy định cụ thể danh mục ngành nghề phải chi trả hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng. - Quy định định mức tối thiểu khối lượng các bon mà bên sử dụng thải ra bên ngoài phải chi trả tiền dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng. - Xây dựng bảng quy đổi các dạng năng lượng sang hệ số phát thải CO2		hướng dẫn riêng
a) Mức chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng tối thiểu bằng mức bình quân theo thỏa thuận của Việt Nam và Quốc tế tại thời điểm thực hiện thỏa thuận. Đơn vị tính là đồng/tấn CO2.	quy định cụ thể mức chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh gây phát thải nhà kính lớn trong nước.	Sở NN&PTNT Đồng Tháp	
b) Số tiền được chi trả từ dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng được xác định bằng khối lượng hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng được xác nhận trong kỳ hạn thanh toán (tấn CO2) nhân với mức chi trả tính trên 1 tấn CO2 (đồng/tấn CO2).			
4. Xác định, thẩm định và xác nhận (công nhận) khối lượng hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng	bổ sung công thức tính khối lượng hấp thụ và lưu trữ các-bon, hệ số quy đổi các-bon của cây cá lẻ, hệ sinh thái rừng; định hướng quyền tín chỉ các-bon…	Sở NN&PTNT Quảng Nam	Chỉnh sửa theo hướng tại Nghị định này chỉ quy định các yêu cầu kỹ thuật về đo đạc, báo cáo và xác minh tín chỉ các bon; kinh doanh tín chỉ các bon; còn công thức tính khối lượng hấp thụ và lưu trữ các-bon, hệ số quy đổi các-bon của cây cá lẻ, hệ sinh thái rừng sẽ giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn cụ thể và được thể hiện tại khoản 12 Điều 72a (khoản 31 Điều 1 dự thảo Nghị định).
a) Xác định kết quả hấp thụ và lưu giữ các- bon	Đề nghị nghiên cứu để theo quy định tại Nghị	Hội Chủ rừng	Đã sửa đổi và quy định các yêu cầu

của rừng	định 06 và các quy định quốc tế để viết lại khoản 4 này		kỹ thuật về đo đạc, báo cáo và xác minh tín chỉ các bon; các quy định về kinh doanh tín chỉ các bon
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định khối lượng hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng toàn quốc; phân bổ khối lượng hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng đủ điều kiện trao đổi, chuyển nhượng theo từng khu vực và địa phương; xác định diện tích cung ứng và chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng. *- Kết quả điều tra, kiểm kê rừng theo chu kỳ và kết quả theo dõi diễn biến rừng hàng năm là căn cứ để xác định khối lượng, diện tích cung ứng và chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng, được thể hiện trên bản đồ cung ứng và chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng.* *- Trường hợp chi trả trực tiếp: bên cung ứng dịch vụ tự xác định hoặc thuê tư vấn xác định diện tích rừng cung ứng và khối lượng hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng; đăng ký với cơ quan do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ để xác nhận diện tích rừng cung ứng dịch vụ và khối lượng hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng sau khi tiến hành thẩm định theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.* *- Trường hợp chi trả gián tiếp:* *Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng bản đồ hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng toàn quốc; xác định kết quả hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng trên phạm vi hai tỉnh trở lên trình Bộ Nông*	Xác định rõ các nhiệm vụ: (1) xây dựng, trình Bộ NN&PTNT bản đồ hấp thụ và lưu trữ các-bon của rừng và xác định kết quả hấp thụ và lưu trữ các-bon của rừng trong phạm vi 02 tỉnh; (2) xây dựng, trình UBND cấp tỉnh bản đồ hấp thụ và lưu trữ các-bon của rừng và xác định kết quả hấp thụ và lưu trữ các-bon của rừng trong phạm vi 01 tỉnh (gạch đầu dòng thứ 4 điểm a) là nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan hành chính nhà nước hay nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ công, phục vụ quản lý nhà nước của đơn vị sự nghiệp công lập. Trường hợp xác định là nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ công, phục vụ quản lý nhà nước của đơn vị sự nghiệp công lập thì giao Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng (là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; tổ chức, hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập) chủ trì thực hiện	Bộ Nội vụ	Tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 7 Điều 72a (khoản 31 Điều 1 dự thảo Nghị định).

nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định. *Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng bản đồ hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng; xác định kết quả hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng, diện tích cung ứng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng trong phạm vi nội tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, xác nhận (công nhận) kết quả hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng.* *Chi phí xây dựng bản đồ, xác định kết quả hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng được sử dụng từ nguồn kinh phí quản lý của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng hoặc nguồn kinh phí hợp pháp khác.*			
b) Thẩm định và xác nhận (công nhận) kết quả hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng. *Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông chỉ định cơ quan chuyên ngành thẩm định và xác nhận khối lượng hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng ở cấp cơ sở (nếu thực hiện theo hình thức chi trả trực tiếp), cấp tỉnh, cấp vùng (nếu thực hiện hình thức chi trả ủy thác thông qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng).*	Đề nghị quy định rõ cơ quan chuyên ngành thẩm định và xác nhận khối lượng hấp thụ và lưu giữ các bon rừng ở cấp cơ sở, cấp tỉnh, cấp vùng là cơ quan nào?.	Bộ Tài chính	Đã sửa đổi và quy định các yêu cầu kỹ thuật về đo đạc, báo cáo và xác minh tín chỉ các bon; các quy định về kinh doanh tín chỉ các bon
c) Phương pháp xác định, thẩm định và xác nhận khối lượng hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng thực hiện theo quy định tại Phụ lục IX Nghị định này.			Đã sửa đổi và quy định các yêu cầu kỹ thuật về đo đạc, báo cáo và xác minh tín chỉ các bon; các quy định về kinh doanh tín chỉ các bon
5. Ký và thực hiện hợp đồng			
a) Trường hợp chi trả trực tiếp: bên sử dụng dịch vụ ký hợp đồng với bên cung ứng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng, trong đó xác định mức chi trả, thời gian chi trả, phương thức chi trả. Mức chi trả không thấp hơn mức chi trả quy định tại điểm a, khoản 3, Điều này. Hợp đồng chi trả			Đã chỉnh sửa và quy định về các điều kiện tham gia, trong đó quy định thương mại tín chỉ các bon theo cơ chế thị trường; quy định cơ quan đầu mối

dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng được lập thành bốn bản, bên cung ứng dịch vụ giữ một bản, bên sử dụng dịch vụ một bản, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh giữ một bản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giữ một bản.			
b) Trường hợp chi trả gián tiếp: *Bên sử dụng dịch vụ ký hợp đồng ủy thác với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam đối với diện tích cung ứng và chi trả kết quả hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng thuộc phạm vi hành chính từ hai tỉnh trở lên.* *Bên sử dụng dịch vụ ký hợp đồng ủy thác với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh đối với diện tích cung ứng và chi trả kết quả hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng thuộc phạm vi hành chính của một tỉnh.*			Đã chỉnh sửa và quy định về các điều kiện tham gia, trong đó quy định thương mại tín chỉ các bon theo cơ chế thị trường; quy định cơ quan đầu mối
c)Thời gian chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng thực hiện theo hợp đồng, không quá 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Bên sử dụng dịch vụ trả tiền cho bên cung ứng dịch vụ từ thời điểm đáp ứng được các yêu cầu của các bên theo hợp đồng.			Đã chỉnh sửa và quy định về các điều kiện tham gia, trong đó quy định thương mại tín chỉ các bon theo cơ chế thị trường; quy định cơ quan đầu mối
6. Xác định tiền chi trả cho bên cung ứng dịch vụ *a) Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, căn cứ số tiền dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng thu được và kết quả hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng của các địa phương được chi trả quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam xác định số tiền điều phối cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh sau khi trừ kinh phí quản lý.*	Cần xem xét: loại dịch vụ này khác với các dịch vụ hiên nay, việc chi trả căn cứ vào lượng tín chỉ cac bon mà dịch vụ cung ứng (chi trả dựa vào kết quả). Quy định thế này trên thực tế không thực hiện được.	Hội Chủ rừng	Đề nghị bỏ quy định này
b) Căn cứ số tiền dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng thu được và kết quả hấp thụ và lưu giữ các bon rừng của các chủ rừng, bản đồ hấp thụ			

và lưu giữ các bon và thông báo số tiền điều phối của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh xác định số tiền chi trả cho bên cung ứng dịch vụ dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng			
c) Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh thông báo cho bên cung ứng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng số tiền chi trả theo Mẫu số 10, Mẫu số 11 Phụ lục VI kèm theo Nghị định này. *d) Nội dung xác định tiền chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng theo quy định tại Phụ lục VII kèm theo Nghị định này.*	Trong dự thảo Nghị định sửa đổi không có Mẫu số 10, Mẫu số 11 Phụ lục VI	Sở NN&PTNT Lai Châu	Đề nghị bỏ quy định này và đã được điều chỉnh
e) Trường hợp chi trả theo hình thực trực tiếp: Bên sử dụng dịch vụ chi trả cho Bên cung ứng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng theo hợp đồng đã ký.			Đề nghị bỏ quy định này và đã được điều chỉnh
7. Quản lý và sử dụng tiền dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng			
a) Lập kế hoạch thu, chi và dự toán chi quản lý đối với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam: *- Tổng hợp kế hoạch nộp tiền theo hợp đồng và thông báo cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh số tiền dự kiến điều phối;* *- Lập kế hoạch thu, chi; dự toán chi quản lý trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.*	bổ sung cụm từ: "*trước ngày ... tháng... hàng năm*" sau cụm từ "*dự kiến điều phối*"	Sở NN&PTNT Lâm Đồng	Đề nghị bỏ quy định này và đã được điều chỉnh. Tiền thu từ thương mại tín chỉ các bon trong tương lai sẽ được quản lý, sử dụng theo quy định về quản lý, sử dụng tiền DVMTR.
b) Lập kế hoạch thu, chi và dự toán chi quản lý đối với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Nghị định này.			Đề nghị bỏ quy định này và đã được điều chỉnh. Tiền thu từ thương mại tín chỉ các bon trong tương lai sẽ được quản lý, sử dụng theo quy định về quản lý, sử dụng tiền DVMTR.

c) Sử dụng tiền dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng thực hiện theo quy định tại Điều 70 Nghị định này.	Bổ sung: Chi các hoạt động theo dõi, cập nhật diễn biến rừng và chi hỗ trợ các các đơn vị tham gia hoạt động theo dõi cập nhật diễn biến rừng	Sở NN&PTNT Quảng Nam	Đề nghị bỏ quy định này và đã được điều chỉnh. Tiền thu từ thương mại tín chỉ các bon trong tương lai sẽ được quản lý, sử dụng theo quy định về quản lý, sử dụng tiền DVMTR.
d) Kiểm tra, giám sát, công khai tài chính thực hiện theo quy định tại Điều 72 Nghị định này.			
đ) Trường hợp bên cung ứng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng ký hợp đồng theo hình thức trực tiếp thì việc quản lý, sử dụng tiền theo quy định tại Điều 65 Nghị định này.”.			
“***Điều 72b. Chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài thông qua chuyển nhượng kết quả giảm phát thải***	Đề nghị: (i) lập đề nghị xây dựng chính sách theo quy định tại khoản 2 Điều 19 và Điều 85 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020); (ii) xây dựng báo cáo đánh giá tác động chính sách đầy đủ, toàn diện đối với nội dung này và báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ xem xét, quyết định.	Bộ Tư pháp	Tiếp thu, đưa nội dung đánh giá tác động chính sách về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng vào báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị định, xin ý kiến Chính phủ trong Tờ trình và giải trình như sau: - Luật Lâm nghiệp 2017 quy định dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng (khoản 3 Điều 61) là một trong 5 loại hình dịch vụ môi trường rừng. Điểm đ khoản 2 Điều 63 nêu: "Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh gây phát thải khí nhà kính lớn phải chi trả tiền dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng" và tại khoản 3 Điều 63 nêu “5. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, hình thức chi trả, mức chi trả dịch vụ môi trường rừng và điều chỉnh, miễn, giảm mức chi trả dịch

			vụ môi trường rừng; quản lý sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng". Đến nay mới có hướng dẫn cho các loại dịch vụ môi trường khác. - Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Điều 138) quy định dịch vụ môi trường rừng, trong đó có dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng là một trong 4 loại hình của hệ sinh thái tự nhiên được chi trả dịch vụ theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; Điều 139 quy định về tổ chức và phát triển thị trường các-bon nói chung nhưng chưa có quy định cụ thể về tổ chức và phát triển thị trường các-bon của rừng. - Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn quy định các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng; giao đất, cho thuê đất để trồng rừng; tự phục hồi, phát triển rừng được tham gia các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước, quốc tế; tuy nhiên chưa có quy đinh cụ thể về ván đề này. Do đó, việc bổ sung quy định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng tại Nghị định này là có cơ sở pháp lý và cần thiết.
	Bổ sung quy định về kỳ hạn thanh toán đối	UBND tỉnh	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì

	với chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các - bon của rừng đối với tổ chức cá nhân nước ngoài thông qua chuyển nhượng kết quả giảm phát thải.	Đắc Lắc	phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể giao dịch các bon
	Việc chuyển nhượng theo thị trường tín chỉ các bon cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, cần tiếp cận theo cho thị trường quốc tế (cả tự nguyện và bắt buộc) phải theo các tiêu chuẩn khác nhau như: VCS, ART/TREES, CCB, …. Không thể dùng tấn CO2 mà là tín chỉ CO2 đã được xác nhận theo các tiêu chuẩn quốc tế trên. Chỉ có như vậy Đối tượng (người) sử dụng/chi trả mới chấp nhận. Đề nghị tham khảo những khía cạnh của ERPA Bắc Trung Bộ cho Điều 72b.	Hội Chủ rừng	Tiếp thu và đã quy định rõ là tín chỉ các bon (bằng 1 tấn CO2e)
	Bổ sung: quy định về xây dựng bản đồ cung ứng đối với hình thức chi trả hấp thụ và lưu giữ các - bon của rừng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài thông qua chuyển nhượng giảm phát thải.	UBND tỉnh Đắc Lắc	Chỉ xây dựng bản đồ hiện trạng các bon rừng
	làm rõ căn cứ xây dựng nội dung quy định tại Điều 72b, vì khoản 5 Điều 57 Nghị định số 156 quy định "5. Đối với tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh gây phát thải khí nhà kính lớn theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp, Bộ NN&PTNT tổ chức thí điểm đến hết năm 2020, tổng kết, trình Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, hình thức chi trả, mức chi trả, quản lý, sử dụng tiền chi trả dịch vụ về hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng.". Tuy nhiên, hoạt động này chưa được triển khai thực hiện.	Bộ TN&MT	
	xem lại nội dung Điều 72b quy định về	Bộ TN&MT	

	chuyển nhượng kết quả giảm phát thải khí nhà kính (mua bán tín chỉ các-bon thu được từ rừng) không đúng với quy định của Luật Lâm nghiệp về chi trả dịch vụ.		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, sửa đổi, bổ sung Điều 72a và Điều 72b theo hướng xây dựng 1 điều quy định chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các -bon trên cơ sở cụ thể hóa quy định tại Điều 61 và Điều 63 Luật Lâm nghiệp 2017; vận dụng quy định tại Điều 138 và Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn và được thể hiện tại Điều 72a (khoản 31 Điều 1 dự thảo Nghị định).
	bổ sung tính pháp lý đảm bảo việc xây dựng nền tảng thương mại điện tử để giao dịch tín chỉ các bon (sàn giao dịch các bon), với các tính năng tương tác dành cho các đối tượng có nhu cầu mua bán tín chỉ các bon, các chứng chỉ xanh và các sản phẩm bảo vệ môi trường khác.	Bộ KH&ĐT	
1. *Nguyên tắc chuyển nhượng* *a) Việc chuyển nhượng kết quả giảm phát thải thực hiện theo Thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng.* *b) Kết quả giảm phát thải đã được chuyển nhượng theo thỏa thuận thì không được chuyển nhượng cho đối tác khác trong thời gian thực hiện.*			
2. Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng	Đối tượng quy định tại Điều 72b chưa đúng theo quy định của Luật Lâm nghiệp. Bên cạnh đó, Nghị định cũng chưa quy định rõ tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh gây phát thải khí nhà kính lớn là các tổ chức, cá nhân nào, vì điểm đ khoản 2 Điều 63 Luật Lâm nghiệp quy định: "đ) Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh gây phát thải khí nhà kính lớn phải chi trả tiền dịch vụ về hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng".	Bộ TN&MT	- Tiếp thu. chỉnh sửa
a) Bên chuyển nhượng			

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là đại diện chủ sở hữu đối với kết quả giảm phát thải và chuyển nhượng cho bên sử dụng dịch vụ trên diện tích rừng thuộc phạm vi hành chính từ hai tỉnh trở lên. *- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là đại diện chủ sở hữu đối với kết quả giảm phát thải và chuyển nhượng cho bên sử dụng dịch vụ trên diện tích rừng thuộc phạm vi hành chính của một tỉnh.*			
b) Bên nhận chuyển nhượng *Tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng được quy định tại Khoản 3 Điều 61 Luật Lâm nghiệp.*			
3. Hình thức và đối tượng rừng được chuyển nhượng kết quả giảm phát thải			
a) Chuyển nhượng kết quả giảm phát thải từ rừng được thực hiện thông qua Thỏa thuận chuyển nhượng kết quả giảm phát thải được ký giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các- bon của rừng. Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng được ủy thác tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn thu từ chuyển nhượng kết quả giảm phát thải theo quy định tại Nghị định này			
b) Rừng được chuyển nhượng kết quả giảm phát thải là rừng tự nhiên; rừng trồng đặc dụng, rừng trồng phòng hộ.	Bổ sung: rừng trồng sản xuất gỗ lớn.	Sở NN&PTNT Quảng Nam	Đã quy định rõ các hoạt động được chi trả dịch vụ
4. Đơn giá chuyển nhượng, xác định nguồn thu và chi trả từ kết quả chuyển nhượng			
a) Đơn giá chuyển nhượng kết quả giảm phát thải: được thực hiện thông qua đàm phán, Thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng có tham chiếu giá bán 1 tấn CO2 từ rừng			

trên thị trường quốc tế và ở Việt Nam tại thời điểm ký kết Thỏa thuận.			
b) Xác định nguồn thu từ kết quả chuyển nhượng: số tiền được chi trả từ Thỏa thuận chuyển nhượng kết quả giảm phát thải được xác định bằng kết quả giảm phát thải trong kỳ hạn thanh toán (tấn CO2) nhân với mức chi trả tính trên 1 tấn CO2 (đồng/tấn CO2). *Tổng lượng giảm phát thải chuyển nhượng được xác định theo thông báo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và được thẩm định của bên mua theo Thỏa thuận.*			
c) Xác định số tiền chi trả *- Tại Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam* *Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, căn cứ số tiền thu được từ Thỏa thuận chi trả giảm phát thải và kết quả giảm phát thải của các địa phương được chi trả quy định tại điểm b khoản 4 Điều này, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam xác định số tiền điều phối cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh sau khi trừ kinh phí trích tại Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam.* *- Tại Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh* *Căn cứ số tiền thu được từ Thỏa thuận giảm phát thải, kết quả giảm phát thải, bản đồ cung ứng và thông báo số tiền điều phối của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh xác định số tiền chi trả cho bên cung ứng dịch vụ.*			
5. Đối tượng được chi trả *Đối tượng được chi trả bao gồm các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật Lâm nghiệp quản lý diện tích rừng theo quy định tại điểm b khoản 3*			

Điều này và các đối tượng khác được quy định trong Thỏa thuận chuyển nhượng kết quả giảm phát thải.			
6. Nội dung chi	Bổ sung thêm nội dung chi: Chi các hoạt động theo dõi, cập nhật diễn biến rừng và chi hỗ trợ các các đơn vị tham gia hoạt động theo dõi cập nhật diễn biến rừng	Sở NN&PTNT Quảng Nam	Tiếp thu
a) Các hoạt động của bộ máy Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 70 Nghị định này. Các hoạt động của bộ máy Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 70 Nghị định này.			
b) Hoạt động đóng góp trực tiếp cho giảm phát thải, bao gồm: bảo vệ rừng, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý rừng bền vững.			
c) Hoạt động hỗ trợ phát triển sinh kế cho cộng đồng dân cư sống trong và gần rừng theo kế hoạch, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.			
d) Hoạt động kiểm tra, giám sát đánh giá; đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả giảm phát thải; truyền thông, tuyên truyền; hoạt động giải quyết thắc mắc, khiếu nại và phản hồi.			
e) Các hoạt động khác theo quy định trong Thỏa thuận phù hợp với pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế.			
g) Trường hợp trong Thỏa thuận giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký với tổ chức, cá nhân nước ngoài có quy định cụ thể các nội dung chi phù hợp với các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này thì thực hiện theo Thỏa thuận.			
7. Đo đạc, báo cáo và thẩm định kết quả giảm phát thải			

a) Đo đạc, báo cáo kết quả giảm phát thải *- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan (trường hợp ký Thỏa thuận với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan (trường hợp ký Thỏa thuận với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện đo đạc, xây dựng báo cáo kết quả giảm phát thải theo phương pháp quy định tại Thỏa thuận.* *- Thời gian báo cáo thưc hiện theo Thỏa thuận ký kết giữa hai bên.* *- Chi phí đo bạc, báo cáo kết quả giảm phát thải được sử dụng từ nguồn kinh phí trích tại Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng và nguồn kinh phí hợp pháp khác.*			
b) Thẩm định kết quả giảm phát thải *- Bên nhận chuyển nhượng thực hiện thẩm định kết quả giảm phát thải theo phương pháp, thời gian quy định tại Thỏa thuận đã ký kết.* *- Kết quả thẩm định được thống nhất bằng văn bản giữa bên Bên nhận chuyển nhượng và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (trường hợp ký Thỏa thuận với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trường hợp ký Thỏa thuận với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).* *- Chi phí phát sinh trong quá trình thẩm định được sử dụng từ nguồn kinh phí của Bên nhận chuyển nhượng.*			
8. Ký Thỏa thuận *a) Các tổ chức, cá nhân nước ngoài ký Thỏa thuận với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong trường hợp nhận chuyển nhượng kết quả giảm phát thải trên diện tích rừng thuộc phạm vi hành chính từ hai tỉnh trở lên. Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng*	Làm rõ việc chuyển nhượng kết quả giảm phát thải cho tổ chức, cá nhân nước ngoài có phải thực hiện đấu thầu rộng rãi hay lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt. Trường hợp UBND tỉnh ký thỏa thuận lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt thì có phải	Sở NN&PTNT Quảng Nam	Tiếp tục nghiên cứu

Việt Nam tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền theo Thỏa thuận.	xin chủ trương của Thủ tướng Chính phủ trước khi ký thỏa thuận không?		
b) Các tổ chức, cá nhân nước ngoài ký Thỏa thuận với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp nhận chuyển nhượng kết quả giảm phát thải trên diện tích rừng thuộc phạm vi hành chính của một tỉnh. Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền theo Thỏa thuận.			
9. Quản lý và sử dụng nguồn thu ủy thác qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng			
a) Lập kế hoạch quản lý và sử dụng nguồn thu *- Kế hoạch tài chính tổng thể: căn cứ vào số tiền nhận được từ kết quả giảm phát thải, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng lập kế hoạch tài chính tổng thể, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.* *- Kế hoạch tài chính hằng năm:* *+ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam: căn cứ kế hoạch tài chính tổng thể đã được phê duyệt và xác định số tiền điều phối cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh, lập kế hoạch tài chính năm báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định; thông báo số tiền điều phối cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh.* *+ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh: căn cứ thông báo số tiền điều phối từ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam và kế hoạch tổng thể được phê duyệt, lập kế hoạch tài chính năm, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định (đối với Quỹ trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trình Ủy ban nhân dân*	Đề nghị rà soát xây dựng nội dung sử dụng kinh phí từ Quỹ bảo vệ và phát triển rừng đảm bảo theo đúng quy định của Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15	Bộ Tài chính	Tiếp thu, chỉnh sửa

cấp tỉnh phê duyệt (đối với Quỹ trực thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn). Căn cứ kế hoạch tài chính năm được phê duyệt, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh thông báo số tiền chi trả cho chủ rừng là tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng. *+ Chủ rừng là tổ chức: căn cứ thông báo số tiền chi trả của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh, chủ rừng là tổ chức xây dựng kế hoạch tài chính năm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về tài chính phù hợp với loại hình tổ chức của chủ rừng gửi Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh.* *+ Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng: căn cứ thông báo số tiền chi trả của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng lập kế hoạch tài chính năm trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, gửi Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh.*			
b) Sử dụng nguồn thu			
- Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam: *+ Được trích tối đa 0,5% tổng số tiền thu được từ chuyển nhượng kết quả giảm phát thải để chi cho các hoạt động quy định tại điểm a khoản 6 Điều này. Mức trích cụ thể do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định.* *+ Được trích tối đa 6,5% tổng số tiền thu được từ chuyển nhượng kết quả giảm phát thải để chi cho các hoạt động quy định tại điểm d, điểm e khoản 6 Điều này. Mức trích cụ thể do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định.*	Đề nghị làm rõ cơ sở và đánh giá tác động của việc đề xuất trích tối đa 6,5% tổng số tiền thu được nêu trên và các hoạt động khác theo quy định trong thỏa thuận phù hợp với pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế...	Bộ Tài chính	Tiếp thu, chỉnh sửa tại báo cáo dánh giá tác động

Số tiền còn lại, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam điều phối cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh.			
- Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh: *Được trích tối đa 10% tổng số tiền thu được từ Thỏa thuận (bao gồm số tiền điều phối từ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam và nguồn thu nội tỉnh) để chi cho các hoạt động quy định tại điểm a khoản 6 Điều này. Mức trích cụ thể trong kế hoạch thu, chi hằng năm của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.* *Số tiền còn lại, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh chi trả cho chủ rừng, Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều này.*			
- Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và cộng đồng dân cư nhận khoán bảo vệ rừng sử dụng tiền theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 70 Nghị định này.			
- Chủ rừng là các doanh nghiệp sử dụng tiền theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 70 Nghị định này.			
- Chủ rừng là tổ chức (không bao gồm chủ rừng là các doanh nghiệp): số tiền được chi trả là nguồn thu của chủ rừng, chủ rừng được sử dụng để phục vụ cho các hoạt động quy định tại các điểm b, c, e khoản 6 Điều này và điểm c khoản 3 Điều 70 Nghị định này. *Trong trường hợp chủ rừng có khoán cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bảo vệ rừng, chủ rừng được trích 10% số tiền nhận được từ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh để chi cho công tác quản lý.*			

Nội dung chi quy định tại điểm c khoản 6 Điều này và điểm d khoản 3 Điều 70 Nghị định này.			
- Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng sử dụng tiền theo nội dung chi theo quy định tại khoản 4, Điều 70 Nghị định này.			
- Trường hợp trong Thỏa thuận giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký với tổ chức, cá nhân nước ngoài có quy định cụ thể về việc sử dụng nguồn thu phù hợp với các nội dung quy định tại điểm b khoản này thì thực hiện theo Thỏa thuận.			
c) Giải ngân, thanh toán			
- Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam: *Căn cứ vào kế hoạch tài chính hằng năm được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam điều phối cho Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh.*			
- Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh: *Căn cứ kế hoạch tài chính hằng năm được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh chi trả cho chủ rừng, Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng trước ngày 01 tháng 6 năm sau.* *Phương thức chi trả: đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện chi trả qua tài khoản ngân hàng, giao dịch điện tử hoặc hệ thống bưu điện; đối với chủ rừng là tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng thực hiện chi trả qua tài khoản ngân hàng.*			
- Chủ rừng là tổ chức: căn cứ kế hoạch tài chính hằng năm được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp			

phê duyệt, chủ rừng là tổ chức thực hiện chi trả cho bên nhận khoán. *Phương thức chi trả: đối với bên nhận khoán thực hiện chi trả qua tài khoản ngân hàng, giao dịch điện tử hoặc hệ thống bưu điện.*			
d) Chế độ báo cáo			
- Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tình hình thực hiện Thỏa thuận chuyển nhượng kết quả giảm phát thải hằng năm			
- Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với Quỹ trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với Quỹ trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam tình hình thực hiện Thỏa thuận chuyển nhượng kết quả giảm phát thải hằng năm.			
- Chủ rừng là tổ chức báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật về tài chính phù hợp với loại hình tổ chức của chủ rừng, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh tình hình thực hiện Thỏa thuận chuyển nhượng kết quả giảm phát thải hằng năm,			
- Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh tình hình thực hiện Thỏa thuận chuyển nhượng kết quả giảm phát thải hằng năm.			
đ) Quyết toán			
- Quyết toán hằng năm: thời gian thực hiện quyết toán hằng năm theo khoản 4 Điều 71 Nghị định này; biểu mẫu quyết toán thực hiện theo Nghị định			

này.			
- Kinh phí chưa sử dụng trong năm được chuyển tiếp sang năm sau sử dụng. Kết thúc Thỏa thuận, nếu còn kinh phí chưa sử dụng thì thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều 70 Nghị định này.			
đ) Kiểm toán			
- Khuyến khích thực hiện kiểm toán độc lập báo cáo tài chính hằng năm đối Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng và các đối tượng hưởng lợi. *- Thời gian kiểm toán thực hiện theo quy định tại Thỏa thuận chi trả giảm phát thải.* *- Cơ quan kiểm toán: Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tổ chức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập theo quy định hiện hành của Nhà nước và quy định tại Thỏa thuận.*			
10. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			
a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn *- Thực hiện ký Thỏa thuận trong trường hợp chuyển nhượng kết quả giảm phát thải trên diện tích rừng thuộc phạm vi hành chính từ hai tỉnh trở lên.* *- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh tham gia Thỏa thuận tổ chức và hướng dẫn triển khai thực hiện.* *- Có ý kiến bằng văn bản trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký Thỏa thuận với bên nhận chuyển nhượng về kết quả giảm phát thải trên diện tích rừng thuộc phạm vi hành chính một tỉnh.* *- Đầu mối tổng hợp, đôn đốc, kiểm tra giám sát, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện theo thẩm quyền.*			
b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh			

- Báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình đàm phán Thỏa thuận với bên nhận chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng kết quả giảm phát thải trên diện tích rừng thuộc phạm vi hành chính một tỉnh. Thực hiện ký Thỏa thuận sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. *- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Thỏa thuận tại địa phương theo thẩm quyền.* *- Hằng năm báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình thực hiện tại địa phương theo quy định.”.*			
27. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 87 như sau:			
a) Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c, điểm g khoản 1 như sau: “b) Trồng, chăm sóc, bảo vệ, và khoanh nuôi tái sinh rừng*, nuôi dưỡng rừng và làm giàu rừng;*			
c) Kiểm kê, theo dõi, giám sát diễn biến tài nguyên rừng và đa dạng sinh học; điều tra, *thống kê*, kiểm kê rừng và công bố hiện trạng rừng;			
g) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng*; tăng cường năng lực cho lực lượng bảo vệ rừng;”.*			
b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 như sau: “c) Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ viễn thám, công nghệ thông tin, *chuyển đổi số*, công nghệ sinh học trong quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng;”.			
“5. Mua sắm, sửa chữa phương tiện, trang bị, thiết bị, *công cụ hỗ trợ: bảo vệ rừng; phòng cháy và chữa cháy rừng;* quan trắc, cảnh báo nguy cơ cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng.”.			
d) Sửa đổi tên khoản 6 như sau:			

"6. Xây dựng, bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp, cải tạo kết cấu hạ tầng phục vụ cho bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ".			
đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau: "8. Điều tra, kiểm kê, thống kê, theo dõi diễn biến rừng, *xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu rừng; quản lý, điều tra đánh giá, giám sát tài nguyên rừng; kiểm tra, theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược, chương trình, đề án ngành lâm nghiệp*.".			
28. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm đ và bổ sung điểm e khoản 3 Điều 88 như sau:			
"*b) Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng tại các vùng miền núi, biên giới, hải đảo và vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn;* bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên cho đối tượng là hộ gia đình nông dân tại các vùng miền núi, biên giới, hải đảo và vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn;	"b) Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng tại các vùng *đồng bào dân tộc thiểu số và* miền núi, biên giới, hải đảo và vùng *có điều kiện* kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung đối với rừng sản xuất là rừng tự nhiên cho đối tượng là hộ gia đình nông dân tại các vùng *dân tộc thiểu số và* miền núi, biên giới, hải đảo và vùng *có điều kiện* kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn;".	UBDT	Tiếp thu
	"b) Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng tại .... cho đối tượng là hộ gia đình nông dân, *cộng đồng dân cư* tại các vùng miền núi, biên giới, hải đảo và vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn;	Tổ chức phi chỉnh phủ; dự án, tổ chức quốc tế liên quan đến lâm nghiệp ở Việt Nam	
đ) Hỗ trợ gạo cho hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình nghèo tại các vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn *tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung, trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ, thực hiện trồng rừng thay thế*			

nương rẫy để thay đổi tập quán canh tác du canh.			
e) Hỗ trợ xây dựng nhân rộng mô hình phát triển kinh tế lâm nghiệp hiệu quả, bền vững.”.	Đề nghị làm rõ nội dung cụ thể hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt nội dung mô hình.	Bộ Tài chính	Tiếp tục nghiên cứu
29. Bổ sung Điều 89a vào sau Điều 89 như sau:			
“Điều 89a. Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong hoạt động lâm nghiệp	Cân nhắc về thẩm quyền ban hành danh mục các hoạt động thuộc dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực lâm nghiệp cho phù hợp với khoản 4 Điều 5 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.	Bộ VH TT và DL	Tiếp thu bỏ một sô hoạt động thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công trong hoạt động lâm nghiệp và đề nghị giữ nguyên như dự thảo về cơ chế đặt hàng đối với hoạt động lưu giữ, sản xuất, cung ứng giống gốc cây trồng lâm nghiệp và giải trình như sau: - Theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019, điều kiện đặt hàng sản xuất, cung ứng giống gốc giống cây trồng, thủy sản, giống gốc vật nuôi phải đáp ứng đồng thời 03 điều kiện, trong đó có điều kiện “Danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích có tính đặc thù do liên quan đến sở hữu trí tuệ hoặc chỉ có một nhà cung cấp đăng ký thực hiện” là không khả thi trong lĩnh vực Lâm nghiệp. - Việc thực hiện theo phương thức đấu thầu để cung ứng sản phẩm giống gốc lâm nghiệp trong năm là không khả thi do có nhiều yếu tố đặc thù, chuyên ngành như: + Để có sản phẩm giống gốc cung ứng cho sản xuất trong năm thì việc lưu trữ, nhân giống phải thực hiện từ các năm trước, cụ thể: đối với cây nhân giống nuôi cấy mô phải vào
	- Đề nghị bỏ quy định về dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong hoạt động lâm nghiệp, vì theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập thì Bộ NN&PTNT chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý (trong đó có lĩnh vực lâm nghiệp). - Điều 89a dự thảo Nghị định quy định chi tiết danh mục dịch vụ sự nghiệp công trong hoạt động lâm nghiệp tại dự thảo Nghị định của Chính phủ là chưa phù hợp. Trường hợp, cần quy định tại dự thảo Nghị định, đề nghị chỉ quy định dẫn chiếu: “Cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân	Bộ Nội vụ Bộ Tài chính	

	sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/04/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên".		mẫu, nhân chồi từ 12-18 tháng trước. + Giống gốc hiện nay chỉ có ở các đơn vị sự nghiệp đang lưu giữ, họ là những đơn vị tác giả giống. Vì vậy, tổ chức đấu thầu là không khả thi. + Giá thành sản xuất và giá bán sản phẩm giống gốc khác nhau tùy thuộc vào cơ sở sản xuất và thời điểm sản xuất dẫn đến khó khăn trong việc xác định giá gói thầu; + Quá trình lưu giữ, sản xuất, cung cấp sản phẩm giống gốc có yêu cầu cao, phức tạp về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và kỹ thuật, công nghệ cho chọn tạo giống, do đó các cơ sở giống chưa phổ biến ở tất cả các vùng, miền, địa phương. - Những năm qua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành định mức kinh tế kỹ thuật. Đồng thời, Bộ Tài chính đã thẩm định, phê duyệt đơn giá tiêu thụ và đơn giá hỗ trợ cho sản phẩm giống gốc lâm nghiệp theo Luật giá, trên cơ sở quyết định đặt hàng cung ứng sản phẩm giống gốc vật nuôi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các đơn vị khi đảm bảo tiêu chí của giống gốc và đơn vị lưu giữ, sản xuất và cung ứng giống gốc do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định. Ngoài ra, theo khoản 2 và khoản 3 Điều 17 Nghị định số 32/2019/NĐ-
1. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công trong hoạt động lâm nghiệp	Đề nghị cân nhắc nội dung quy định về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công trong hoạt động lâm nghiệp tại khoản 1, Điều 89a của dự thảo Nghị định này để đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống văn bản và thẩm quyền ban hành quy định về nội dung này. Mặt khác, hiện nay Bộ NN&PTNT đang xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ để thay thế Quyết định số 254/QĐ-TTg về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ NN&PTNT, trong đó có lĩnh vực lâm nghiệp.	Tổng cục Thủy sản	

			CP đối với trường hợp “đặc thù” hoặc “pháp luật chuyên ngành quy định” thì sẽ thực hiện theo quy định tại pháp luật chuyên ngành hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
a) Hoạt động bảo vệ rừng, bao gồm: tuyên truyền, đào tạo, tập huấn; tuần tra, kiểm tra, ngăn chặn và xử lý vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ rừng; phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng trừ sâu, bệnh, sinh vật hại rừng.	a) Hoạt động bảo vệ rừng, bao gồm:... và xử lý vi phạm quy định *trong lĩnh vực lâm nghiệp*; phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng trừ sâu, bệnh, sinh vật hại rừng"	UBND tỉnh Cao Bằng	Đề nghị bỏ quy định này
b) Hoạt động cứu hộ động vật rừng, bao gồm: tiếp nhận, cách ly, chăm sóc, huấn luyện tập tính, tái thả, theo dõi sau tái thả.			
c) Hoạt động bảo tàng, bảo quản mẫu, bao gồm: thu thập, sơ chế, vận chuyển mẫu vật; trang thiết bị, dụng cụ, sinh hóa phẩm; chế tác; bảo quản, chăm sóc và duy trì mẫu vật; trưng bày và truyền thông, diễn giải, giáo dục môi trường.			
d) Hoạt động điều tra rừng, bao gồm: điều tra diện tích rừng; điều tra trữ lượng rừng; điều tra cấu trúc rừng; điều tra tăng trưởng rừng; điều tra tái sinh rừng; điều tra lâm sản ngoài gỗ; điều tra lập địa; điều tra cây cá lẻ; điều tra đa dạng hệ sinh thái rừng; điều tra đa dạng thực vật rừng; điều tra đa dạng động vật rừng có xương sống; điều tra côn trùng rừng và sâu, bệnh hại rừng; điều tra sinh khối và trữ lượng các-bon rừng.			
đ) Hoạt động giám sát đa dạng sinh học rừng, bao gồm: điều tra thành phần, phân bố, thay đổi, di biến động của loài; điều tra các nhân tố ảnh hưởng đến đa dạng sinh học rừng; trang thiết bị phục vụ điều tra, giám sát; thống kê, tổng hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học rừng.			
e) Hoạt động kiểm kê, bao gồm: kiểm kê rừng theo			

trạng thái; kiểm kê rừng theo chủ quản lý; kiểm kê theo mục đích sử dụng và lập hồ sơ quản lý rừng.			
g) Hoạt động theo dõi diễn biến rừng, bao gồm: Theo dõi diễn biến diện tích theo trạng thái rừng; theo dõi diễn biến diện tích theo chủ rừng; theo dõi diễn biến diện tích theo mục đích sử dụng rừng; theo dõi diễn biến diện tích theo các nguyên nhân			
h) Hoạt động phục hồi sinh thái và tài nguyên rừng, bao gồm: phục hồi, bảo tồn hệ sinh thái đặc trưng; phục hồi sinh cảnh sống của loài động vật nguy cấp, quý, hiếm cần bảo tồn; phục hồi, nâng cao chất lượng tài nguyên rừng đang bị suy thoái.			
i) Hoạt động phát triển rừng, bao gồm: khảo nghiệm và chuyển giao giống mới được công nhận, sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp; thiết kế trồng rừng và các biện pháp kỹ thuật lâm sinh; trồng rừng mới, trồng lại rừng, chăm sóc, nuôi dưỡng rừng trồng; các biện pháp kỹ thuật lâm sinh khác: khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung, nuôi dưỡng rừng, làm giàu rừng, cải tạo rừng tự nhiên			
k) Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp			
2. Hoạt động lưu giữ, sản xuất, cung ứng giống gốc giống cây trồng lâm nghiệp thực hiện theo cơ chế đặt hàng thực hiện nhiệm vụ công ích.			
a) Hoạt động lưu giữ, sản xuất, cung ứng giống gốc giống cây trồng lâm nghiệp phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau: *- Các đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm công ích có đăng ký ngành nghề kinh doanh lĩnh vực giống cây trồng lâm nghiệp; có đủ năng lực về tài chính;*			

đáp ứng tiêu chí đối với cơ sở thực hiện lưu giữ, sản xuất, cung ứng giống gốc giống cây trồng lâm nghiệp và yêu cầu kỹ thuật đối với sản phẩm giống gốc giống cây trồng lâm nghiệp; *- Thuộc Danh mục giống gốc giống cây trồng lâm nghiệp do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.* *- Đáp ứng định mức kinh tế kỹ thuật đối với lưu giữ, sản xuất, cung ứng giống gốc giống cây trồng lâm nghiệp do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.*			
b) Sản phẩm công ích có giá tiêu thụ, mức trợ giá được cấp có thẩm quyền quyết định theo pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan.			
c) Căn cứ đặt hàng, nội dung đặt hàng và các quy định khác về đặt hàng các hoạt động phát triển rừng thực hiện theo quy định của pháp luật.			
3. Cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng thực hiện dịch vụ sự nghiệp công tại khoản 1, khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên.”.			
30. Bổ sung, thay thế một số phụ lục như sau: *a) Bổ sung Phụ lục IA sau Phụ lục I và Phụ lục VIII, IX sau Phụ lục VII.* *b) Thay thế Phụ lục II và VII.* *31. Bãi bỏ khoản 5 Điều 57.*			
Điều 2. Điều khoản thi hành *Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm ... và thay thế Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm*			

2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.			
Điều 3. Quy định chuyển tiếp: Đối với trường hợp dự án đầu tư có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đã nộp hồ sơ hợp lệ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để trình Thủ tướng Chính phủ, hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định hiện hành.	Bổ sung quy định chuyển tiếp đối với các dự án cho thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí hiện đang triển khai thực hiện tại các địa phương.	Sở NN&PTNT Bắc Giang	Tiếp thu
ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CÁC ĐIỀU KHÁC CỦA NGHỊ ĐỊNH 156			
Điều 4.	Tiêu chí xác định rừng cần xác định cụ thể đối với thành phần cây gỗ, lớp cây tái sinh, thành phần cây bụi, thành phần thảm tươi, thành phần ngoại tầng.	UBND tỉnh Đắc Lắk	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì tiêu chí xác định rừng đã được quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật Lâm nghiệp
	Khoản 1: đề nghị sử dụng tiêu chí khác thay thế tiêu chí độ tàn che, như: mật độ bình quân(cây/ha), trữ lượng bình quân(m^3/ha); 1000cây/ha(đối với tre nứa).	UBND tỉnh Nghệ An	
	Bổ sung quy định việc xác định diện tích, khối lượng rừng bị thiệt hai do chặt, phá....hiện trường chỉ còn lại gốc cây.	UBND tỉnh Nghệ An; Sở NN&PTNT Quảng Nam	Không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này
	- Sửa Điểm a Khoản 3 Điều 4: "Rừng tự nhiên trên đồi, núi đất và đồng bằng: chiều cao trung bình của cây rừng từ 3,0 m trở lên". - Sửa lại: điểm d khoản 3: Rừng tự nhiên..... chiều cao trung bình của cây rừng từ 3,0 m trở lên".	UBND tỉnh Đắk Lắc UBND tỉnh Nghệ An	Tiếp thu, bổ sung: "a) Rừng tự nhiên trên đồi, núi đất và đồng bằng: chiều cao trung bình của cây rừng từ 5,0 m trở lên; đối với rừng khộp và rừng tự nhiên ở một số vùng đặc biệt khác chiều cao trung bình của cây rừng từ 3,0 m trở lên
	d) Rừng tự nhiên trên núi đá, đất cát, đất ngập mặn và các kiểu rừng ở điều kiện sinh thái đặc biệt khác: chiều cao trung bình của cây rừng từ 1,0 m; đ) Loại rừng thưa nằm xen kẽ trong các khu	UBND tỉnh Đắk Lắk	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì Khoản 3 chỉ quy định "Chiều cao trung bình của cây rừng là thành phần chính của rừng tự nhiên", không quy định liệt kê từng đối

	rừng đặc dụng, phòng hộ: chiều cao trung bình của cây rừng từ 1,0 m”.		tượng nhỏ; ngoài ra quy định tại điểm d, khoản 3 “…các kiểu rừng ở điều kiện sinh thái đặc biệt khác…” được hiểu đã bao gồm đối tượng rừng này
Điều 5	- Sửa đổi điểm a, khoản 3, Điều 5: “Rừng trồng trên đồi, núi đất và đồng bằng, trên đất ngập phèn: Chiều cao trung bình của cây rừng từ 3,0 m trở lên”. - Sửa đổi: “Rừng trồng trên đồi, núi đất và đồng bằng, trên đất ngập phèn: chiều cao trung bình của cây rừng từ 3,0 m trở lên”.	UBND tỉnh Kon Tum UBND tỉnh Đắk Lắk	Tiếp thu, bổ sung: a) Rừng trồng trên đồi, núi đất và đồng bằng: chiều cao trung bình của cây rừng từ 5,0 m trở lên; rừng trồng trên đất ngập phèn, rừng trồng ở độ cao trên 1.000m; rừng trồng cây lâm nghiệp đa tác dụng, cây lâm sản ngoài gỗ (lấy quả, cành lá) và rừng trồng ở một số vùng đặc biệt khác chiều cao trung bình của cây rừng từ 3,0 m trở lên
	Bổ sung tại Điều 5: "Tiêu chí rừng trồng" đề nghị bổ sung thêm tiêu chí rừng trồng đối với nhóm các loài cây sinh trưởng nhanh, sinh trưởng chậm theo Tiêu chuẩn Việt Nam để xác định cụ thể tiêu chí rừng trồng.	Sở NN&PTNT Lào Cai	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì tiêu chí xác định rừng căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật Lâm nghiệp và phù hợp với các quy định của quốc tế, để phục vụ thống kê, kiểm kê, quản lý; còn các TCVN quy định rừng trồng thành rừng sau thời gian kiến thiết cơ bản (rừng trồng, chăm sóc trong thời gian từ 4-5 năm) để phục vụ công tác nghiệm thu
	Sửa đổi quy định chiều cao trung bình của cây rừng đối với rừng trồng trên đất ngập phèn tại điểm a khoản 3 Điều 5: 2-2,5 mét .	Sở NN&PTNT Đồng Tháp	Đối với rừng trồng trên đất ngập phèn mà chỉ đạt chiều cao 2-2,5m thì đề nghị địa phương xem lại việc lựa chọn cây trồng chưa phù hợp hoặc biện pháp kỹ thuật canh tác để bảo đảm tiêu chí thành rừng và hiệu quả sản xuất
Điều 6	Khoản 5:	Sở	Giữ nguyên như dự thảo

	Điểm a: Bổ sung cụm từ "môi trường" sau cụm từ "..khoa học lâm nghiệp". Điểm b: bổ sung cụm từ "môi trường" sau cụm từ "đào tạo lâm nghiệp"	NN&PTNT Lâm Đồng	
Điều 7	Sửa lại "a) Về địa hình: có địa hình đồi, núi và độ dốc *trung bình* từ 15 độ trở lên".	Sở NN&PTNT Lâm Đồng	Giữ nguyên như dự thảo
	đề nghị sửa như sau: "b) Đối với vùng bờ biển bị xói lở, tùy điều kiện cụ thể của từng địa phương mà UBND cấp tỉnh quyết định việc xác định chiều rộng của đai rừng phòng hộ để đảm bảo khả năng phòng hộ của rừng. Nhưng chiều rộng tối thiểu của đai rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển là 150m".	Sở NN&PTNT Cà Mau	Giữ nguyên như dự thảo
	Khoản 4: bổ sung "*a) đai rừng trên cát, núi đất và núi đá giáp biển*".	Viện Điều tra quy hoạch rừng	Giữ nguyên như dự thảo
	Bổ sung quy định về phân cấp mức độ xung yếu của rừng phòng hộ:	Sở NN&PTNT Cà Mau	Giữ nguyên như dự thảo
Điều 12	Bổ sung đối tượng khai thác là các loài cây bản địa thuộc phân khu phục hồi sinh thái, phân khu dịch vụ hành chính trong rừng đặc dụng.	UBND tỉnh Kon Tum; Sở NN&PTNT Quảng Nam	Giữ nguyên như dự thảo, vì Luật Lâm nghiệp không quy định khai thác các loài cây bản địa thuộc phân khu phục hồi sinh thái, phân khu dịch vụ hành chính trong rừng đặc dụng.
Điều 21	Điểm b khoản 1:xem xét quy định rõ tỷ lệ hưởng lợi giữa chủ rừng và người nhận khoán rừng (chủ rừng hưởng 30%, hộ nhận khoán 70%) để làm cơ sở chủ rừng thỏa thuận với bên nhận khoán khi hợp đồng khoán theo Nghị định 168/2016/NĐ-CP	UBND tỉnh Bạc Liệu	Giữ nguyên như dự thảo, vì tỷ lệ hưởng lợi giữa chủ rừng và người nhận khoán rừng được quy định trong hợp đồng khoán
	Hướng dẫn cụ thể nghĩa vụ tài chính	Sở	Không thuộc phạm vi điều chỉnh của

		NN&PTNT Hải Phòng	Nghị định này
Điều 27	Điểm b, khoản 2 Điều 27: quy định rõ đối với việc các chủ rừng (tổ chức, cá nhân, Ban quản lý rừng…) có thể huy động vốn từ viên chức, người lao động hoặc liên doanh, liên kết với tổ chức, cá nhân để bảo vệ, phát triển và được thực hiện như thế nào?	Sở NN&PTNT Phú Yên	Giữ nguyên nhu dự thảo
Điều 29	Bổ sung khai thác LSNG trong rừng trồng sản xuất	UBND tỉnh Nghệ An	Tiếp thu
Điều 30	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 : 2. Đối với khu rừng sản xuất đã có rừng a) Chủ rừng, bên nhận khoán là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được trồng xen cây nông nghiệp, cây lâm sản ngoài gỗ, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản dưới tán rừng sản xuất, nhưng không được làm suy giảm diện tích rừng, chất lượng, ảnh hưởng đến tái sinh rừng của rừng. b) Phương thức sản xuất lâm, nông kết hợp: đối với rừng trồng do chủ rừng tự quyết định; đối với rừng tự nhiên thực hiện như sau: trồng theo băng, chiều rộng băng trồng tối đa là 12 m, băng được bố trí song song với đường đồng mức và có chiều dài không quá 250 mét; chiều rộng băng chừa tối thiểu bằng 2 lần bề rộng băng trồng, diện tích băng chừa tối thiểu phải bằng 1,5 lần diện tích băng trồng. Trường hợp trồng tập trung theo đám dưới tán rừng, diện tích mỗi đám tối đa bằng diện tích tối thiểu của một lô rừng (khoảng 3.000 m2); diện tích đám chừa bằng ít nhất 1,5 lần diện tích của đám trồng”.	Sở NN&PTNT Gia Lai	Giữ nguyên như dự thảo
Điều 30	“Chủ rừng được sử dụng đất chưa có rừng để	UBND tỉnh	Giữ nguyên như dự thảo

	kết hợp sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp, nhưng phải trồng rừng và cây dài ngày thân gỗ cao trung bình 3m trở lên trên diện tích được giao, được thuê bảo đảm tỷ lệ diện tích có rừng của lô rừng từ 50% trở lên”.	Đắk Lắk	
Điều 35	-Cân nhắc bổ sung kế hoạch chuyển loại rừng và cần kế hoạch cho trường hợp nào? - Bổ sung quy định cụ thể hơn trong kế hoạch giao rừng, cho thuể rừng, như: khu rừng nào giao, cho thuê cho từng loại đối tượng cụ thể (hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, tổ chức), trong đó có đất do UBND cấp xã tạm thời quản lý. - Hiện nay ở một số địa phương, có diện tích khu bảo tồn nhỏ, có nơi giao cho Hạt Kiểm lâm hoặc UBND xã tạm thời quản lý, có nơi cộng đồng dân cư tự quản lý theo truyền thống từ lâu đời không có sự hỗ trợ của nhà nước thì xử lý như thế nào, trong khi Luật Lâm nghiệp không quy định rừng đặc dụng (trừ rừng tín ngưỡng) giao cho cộng đồng dân cư	Tổ chức phi chỉnh phủ; dự án, tổ chức quốc tế liên quan đến lâm nghiệp ở Việt Nam	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì khoản 2 Điều 35 đã quy dịnh cụ thể về nội dụng ké hoạch giao rừng, cho thuê rừng, trong đó có quy định diện tích đề nghị giao rừng, cho thuê rừng trên địa bàn từng xã; địa điểm đề nghị giao rừng, cho thuê rừng; hạn mức giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư - Theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Lâm nghiệp 2017, diện tích rừng đặc dụng phải được giao cho ban quan lý rừng đặc dụng, trong trường hợp không có ban quản lý rừng thì UBND cấp xã phải chịu trách nhiệm quản lý(khoản 3 Điều 102 Luật Lâm nghiệp 2017)
Điều 37	Bổ sung trình tự thủ tục hoàn thiện hồ sơ giao rừng, cho thuê rừng đối với trường hợp đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng nhưng chưa lập hồ sơ giao rừng, cho thuê rừng quy định tại Điều 37 Nghị định này	UBND tỉnh Tây Ninh	Đề nghị giữ nguyên như quy định tại Nghị định 156 (Điều 37)
Điều 38	Quy định trình tự thủ tục hoàn thiện hồ sơ giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp đã giao rừng, cho thuê rừng quy định tại Điều 36 Nghị định này	UBND tỉnh Tây Ninh	Đề nghị giữ nguyên như quy định tại Nghị định 156 (Điều 38)
Điều 61	Bổ sung, sửa đổi khoản 3, khoản 5 Điều 61: “…	UBND tỉnh Đắk Lắk	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo

	3. Chi phí xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng và chi phí xây dựng bản đồ lưu vực nơi cung ứng dịch vụ môi trường rừng được sử dụng từ nguồn kinh phí quản lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh, của chủ rừng là tổ chức, UBND cấp xã có cung ứng dịch vụ môi trường rừng hoặc nguồn kinh phí hợp pháp khác….” “5. Hạt Kiểm lâm cấp huyện, liên huyện có trách nhiệm cung cấp lớp hiện trạng diễn biến rừng hằng năm về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh để phục vụ cho công tác xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng.”		
Điều 63	Bổ sung phương pháp kiểm tra, xác định diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng là tổ chức	UBND tỉnh KonTum	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo
	Quy định rõ tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng của chủ rừng có được hưởng tiền cung ứng dịch vụ môi trường rừng đối với diện tích rừng được thuê không hay chủ rừng vẫn được hưởng tiền cung ứng dịch vụ môi trường rừng	Sở NN&PTNT Khánh Hòa	Theo quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật Lâm nghiệp, chủ rừng được hưởng tiền cung ứng dịch vụ môi trường rừng
	Khoản 1: đề nghị thay quy định "*trước ngày 15/2 hàng năm*" thành" *trước ngày 30/3 hàng năm Quỹ BV&PTR....*"	UBND tỉnh Bình Phước	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo
Điều 65	Bổ sung hướng dẫn cơ chế quản lý, xác định đối tượng chi trả, quy định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước về việc chi trả DVMTR đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; các cơ sở nuôi trồng thủy sản.	Sở NN&PTNT Điện Biên	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo
Điều 69	6. Bổ sung khoản 5 Điều 60: “5. Bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng quy định tại Điều 61 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.”	UBND tỉnh Đắk Lắk	Tiếp thu

Điều 70	Tại khoản 4, Điều 70: Cần có hướng dẫn, quy định cụ thể việc sử dụng tiền DVMTR của UBND cấp xã	Sở NN&PTNT Lào Cai	Giữ nguyên như dự thảo
Điều 71	Điểm e khoản 4: quy định cụ thể cơ quan quản lý trực tiếp xét duyệt dự toán và báo cáo quyết toán kinh phí chi trả DVMTR của chủ rừng là tổ chức trực thuộc	UBND tỉnh Bình Phước	Giữ nguyên như dự thảo
	Điểm b khoản 4: Chủ rừng là tổ chức có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán tiền dịch vụ môi trường rừng theo quy định hiện hành nộp cơ quan quản lý trực tiếp và Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh trước ngày 30 tháng 6 năm sau.	Sở NN&PTNT Quảng Nam	Tiếp thu
	Điểm e khoản 4: Sở Nông nghiệp và PTNT (trường hợp chủ rừng cấp tỉnh thuộc Sở) hoặc Sở Tài chính (trường hợp chủ rừng trực thuộc UBND tỉnh) hoặc Phòng Tài chính cấp huyện (trường hợp chủ rừng trực thuộc UBND cấp huyện) xét duyệt báo cáo quyết toán kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng	Sở NN&PTNT Quảng Nam	Tiếp thu
Điều 72	Ban hành Quy chế giám sát, đánh giá kết quả chi trả DVMTR và các văn bản hướng dẫn kiểm tra, giám sát và đánh giá công tác bảo vệ rừng, chi trả tiền DVMTR để thực hiện thống nhất trên toàn quốc.	UBND tỉnh Đắk Lắk	Giữ nguyên như dự thảo
	Bổ sung, sửa đổi điểm d và đ khoản 1 Điều 72: "… d) Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh kiểm tra việc quản lý, sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng quy định tại điểm b, c, d khoản 3; khoản 4 Điều 70 và các bên liên quan trên địa bàn tỉnh; kiểm tra việc nộp tiền chi trả của bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng đ) Bên khoán bảo vệ rừng kiểm tra bên nhận	UBND tỉnh Đắk Lắk	Giữ nguyên như dự thảo

	khoán bảo vệ rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng;…”		
Điều 80	bổ sung chi cho các chương trình, dự án làm giàu rừng từ nguồn kinh phí quy định tại điểm b khoản 1 Điều 79; điểm b khoản 2 Điều 79	Sở NN&PTNT Quảng Ninh	Giữ nguyên như dự thảo
	Điểm c khoản 2: sửa lại : c)) Chi hỗ trợ cho các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án từ nguồn kinh phí được quy định tại các điểm c, d, *đ* và e khoản 2 Điều 79 của Nghị định này, bao gồm: …..	Sở NN&PTNT Lâm Đồng	
BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG KHAC			
	Đề nghị bổ sung báo cáo đánh giá tác động về các chính sách được đề xuất sửa đổi,,bổ sung trong dự thảo Nghị định, như thanh lý rừng trồng, điều chỉnh diện tích khu rừng đặc dụng, chi trả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon, dịch vụ sử dụng dịch vụ công từ ngân sach nhà nước	Bộ Công an	Tiếp thu
	Bổ sung quy định về việc tận dụng, tận thu đối với lâm sản: cây gỗ tự nhiên còn sót lại rãi rác trên nương rẫy, đất lâm nghiệp của người dân và được người dân chăm sóc, nuôi dưỡng; gỗ rừng tự nhiên trục vớt dưới sông, suối, ao hồ, gỗ nằm trên đất nông nghiệp nhưng địa phương chưa có hướng giải quyết.	Sở NN&PTNT Quảng Nam	Tiếp thu
	Bổ sung quy định cấp độ xung yếu (rất xung yếu, xung yếu) đối với rừng phòng hộ ven biển	UBND tỉnh Bạc Liêu	Giữ nguyên như dự thảo
	Bổ sung quy định có liên quan đến việc trồng, quản lý, bảo vệ cây phân tán được quy định tại Điều 50 Luật Lâm nghiệp	UBND tỉnh Bến Tre	Không thuộc phạm vi điều chỉnh của NĐ 156
	- Hướng dẫn cụ thể về cơ quan chủ trì ban hành thông báo cho các tổ chức, cá nhân nộp tiền thuê rừng:	UBND tỉnh Kon Tum	Tiếp thu, bổ sung vào Điều 36
	Đề nghị bổ sung thêm 01 điều, khoản vào Mục	UBDT	Tiếp thu, bổ sung vào Điều 35 xây

	1, Chương III "Giao rừng, cho thuê rừng" quy định chi tiết Điều 16, 17, Luật Lâm nghiệp theo hướng quy định rõ tiêu chí, đối tượng được giao rừng, cho thuê rừng, xác định thứ tự ưu tiên cụ thể từng nhóm hộ từ trên xuống dưới nhằm đảm bảo công tác bảo vệ phát triển rừng, kết hợp với xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế xã hội và các mục tiêu quan trọng khác. Tại các Điều: 35, 36, 37, 38, Nghị định số 156 chưa quy định nội dung này.		dựng kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng
CÁC PHỤ LỤC			
PHỤ LỤC II			
	Bổ sung, chỉnh sửa mẫu số 04 về kế hoạch sử dụng rừng (dùng cho hộ gia đình và cá nhân) đề nghị nêu rõ mục đích và ý nghĩa của hoạt động này (Luật Lâm nghiệp không quy định người dân phải có kế hoạch sử dụng rừng).	Bộ KH&ĐT	Tiếp thu, chỉnh sửa lấy tên là kế hoạch quản lý, sử dụng rừng. Việc quy định cần có kế hoạch này nhằm bảo đảm diện tích rừng giao cho dân được quản lý, sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp
	Mẫu số 04 :Mục III định hướng sử dụng rừng toàn bộ đều nói đến kế hoạch trồng rừng đối với diện tích đất chưa có rừng. Tuy nhiên theo mẫu số 01 Phụ lục II tổng hợp kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng chỉ nói đến diện tích đất có rừng tự nhiên và rừng trồng	Sở NN&PTNT Gai Lai	Tiếp thu
	Sửa lại: **HỢP ĐỒNG THUÊ RỪNG (Mẫu số 07)** **II. Bên thuê rừng là** (4): ……. Do … ông/bà …… Số CMND/CCCD: …. làm đại diện (đối với hộ gia đình, cá nhân) Do ông (bà): .... (ghi họ tên, chức vụ của: người đại diện theo pháp luật của tổ chức hoặc người được người đại diện theo pháp luật của tổ chức ủy quyền) làm đại diện.	Sở NN&PTNT Lâm Đồng	Tiếp thu

	Điều 1. Nội dung: 1. Diện tích thuê …. m^2 (hoặc ha) rừng (ghi rõ bằng số và bằng chữ). Tại (khoảnh, tiểu khu, xã, huyện, tỉnh) … (5) để… (4) Đối với cá nhân… của cộng đồng đó; đối với tổ chức thì ghi tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, họ tên và chức vụ người đại diện theo pháp luật của tổ chức *(là người có tên trong Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư)*, số tài khoản hoặc người được người đại diện theo pháp luật của tổ chức ủy quyền.		
	Mẫu số: 06, 08, 14, 15: Thẩm quyền ban hành quyết định và ký quyết định chưa phù hợp. Mẫu số 8 thiếu thẩm quyền ban hành quyết định.	Sở NN&PTNT Lâm Đồng	Tiếp thu
Phụ lục IV			
	Bổ sung phương pháp xác định phạm vi ranh giới, diện tích khu vực rừng cung ứng DVMTR đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.	Sở NN&PTNT Lâm Đồng	Tiếp thu, đã sửa phụ lục IV
Phụ lục VII			
	Tại Điểm c, Khoản 1, Mục I :đề nghị bỏ nội dung: "Đối với diện tích rừng có mức chi trả dịch vụ môi trường rừng lớn hơn 2 lần mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức điều tiết phù hợp cho diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng tại các lưu vực có mức chi trả dịch vụ môi trường rừng thấp."	Sở NN&PTNT Điện Biên	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, việc điều tiết khi có sự chênh lệch quá lớn là cần thiết; tuy nhiên cần xem xét cách điều tiết hợp lý nhất.
	Bổ sung vào khoản 2 Mục I: Đối với diện tích rừng có mức chi trả dịch vụ môi trường rừng	Sở NN&PTNT	Tiếp thu

	lớn hơn 2 lần mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng, Bộ NN&PTNT quyết định mức điều tiết phù hợp cho diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng tại các lưu vực có mức chi trả dịch vụ môi trường rừng thấp.	Gia Lai	
	Điểm đ khoản 2 mục IV Phụ lục VII: Bổ sung cụm từ ""hoặc thấp hơn" sau cụm từ" lớn hơn 2 lần"	Sở NN&PTNT Lâm Đồng	Giữ nguyên như dự thảo
	Mục II Phụ lục VII: Cho phép UBND cấp tỉnh quyết định việc chi trả DVMTR theo lưu vực sông trên địa bàn tỉnh đối với số tiền DVMTR thu của các bên sử dụng DVMTR trên cùng lưu vực sông.	Sở NN&PTNT Lâm Đồng	Tiếp thu
	Điều chỉnh lại cách phân bổ tiền DVMTR đối với trường hợp có nhiều nhà máy thủy điện trên cùng một lưu vực sông.	UBND tỉnh Hòa Bình	Tiếp thu
	Bổ sung khoản 3 Mục II Phụ lục VII Nghị định số 156/2018/NĐ-CP như sau: "… 3. Trường hợp không xác định hoặc chưa xác định được bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng trình UBND cấp tỉnh quyết định điều tiết số tiền dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng có mức chi trả dịch vụ môi trường rừng bình quân 01 ha từ thấp nhất trở lên; hỗ trợ công tác bảo vệ, phát triển rừng, trồng cây phân tán, trồng rừng cảnh quan trong khu vực có cung ứng dịch vụ môi trường rừng; tuyên truyền, phổ biến chính sách nâng cao năng lực thực thi chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng…"	UBND tỉnh Đắk Lắk	Tiếp thu
Phụ lục VIII	- Khoản 11. Ngành công nghiệp nông nghiệp và chăn nuôi: cần làm rõ, chi tiết đối với ngành	Sở NN&PTNT	Tiếp thu, chỉnh sửa tại phụ lục VIII

	này để địa phương dễ triển khai thực hiện - Đề nghị bỏ mục số 11 vì nông nghiệp và chăn nuôi không phải là ngành công nghiệp.	Gia Lai, Phú Yên	
	Bổ sung phụ lục mẫu cam kết nộp tiền trồng rừng thay thế" để thống nhất và thuận lợi cho chủ dự án trong quá trình triển khai thực hiện.	Sở NN&PTNT Bắc Giang	Tiếp thu
Hệ số K			
	Bổ sung hệ số K1 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo trữ lượng rừng đối với rừng hỗn giao. Đề xuất áp dụng hệ số K1 đối với rừng hỗn giao bằng 0,9.	Sở NN&PTNT Điện Biên	Giữ nguyên như dự thảo
	Điều chỉnh quy định về hệ số K4 theo mức độ khó khăn trong công tác quản lý, bảo vệ rừng: Hệ số K4 = 0,90 đối với xã thuộc khu vực III; 0,95 đối với xã thuộc khu vực II; 1,00 đối với xã thuộc khu vực I và các xã chưa được Thủ tướng Chính phủ quy định.	Sở NN&PTNT Lâm Đồng	Tiếp thu
HÌNH THỨC VĂN BẢN			
	- Đề nghị rà soát và bổ sung chú thích đối với một số điều khoản trong dự thảo có sử dụng số (như khoản 3, khoản 7, khoản 14, khoản 16 Điều 1) để đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 70 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL	Bộ Giao thông vận tải	Tiếp thu
	Đề nghị sử dụng thuật ngữ loại rừng, chức năng rừng, nguồn gốc hình thành rừng tại các nội dung chuyển loại rừng, thu hồi rừng, cho thuê rừng và chuyển mục đích sử dụng rừng (cả phần nội dung văn bản và các mẫu biểu kèm theo) đảm bảo thống nhất, đồng bộ.	Sở NN&PTNT Điện Biên	Tiếp thu
	Dự thảo Nghị định có sử dụng một số thuật ngữ như: "Cơ quan quản lý nhà nước về lâm	Vụ Pháp chế, Bộ	Tiêp thu

	nghiệp"; "Cơ quan chuyên môn"; "Cơ quan trung ương", đề nghị rà soát và lựa chọn sử dụng thuật ngữ đảm bảo thống nhất, phù hợp.	NN&PTNT	
	- Đề nghị rà soát quy định thời hạn trong các quy định chứa thủ tục hành chính, bảo đảm thống nhất.	Vụ Pháp chế, Bộ NN&PTNT	Tiếp thu
	Đề nghị nên sửa đổi theo hướng Nghị định thay thế Nghị định 156 và Nghị định 83 của Chính phủ.	Bộ KH&ĐT; Sở NN&PTNT Hải phòng	Tiếp tục nghiên cứu
TỜ TRÌNH	Đề nghị làm rõ hơn cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn của việc ban hành Nghị định, trong đó cần nêu cụ thể các văn bản QPPL mới ban hành, mới được sửa đổi, bổ sung dẫn đến một số quy định tại Nghị định số 156 và Nghị định số 83 không còn phù hợp; bổ sung việc đánh giá nguồn nhân lực, tài chính để đảm bảo thi hành Nghị định	Bộ Tư pháp	Tiếp thu, bổ sung cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn của việc ban hành Nghị định trong Tờ trình
	Đề nghị làm rõ trong Tờ trình Chính phủ (đồng thời lấy ý kiến của Bộ Tư pháp) đối với quy định "Thủ tướng Chính phủ phân cấp cho HĐND cấp tỉnh quyết định chủ trương đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 20 ha rừng đặc dụng" (điểm đ), bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Lâm nghiệp, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019).	Bộ Nội vụ, Thanh tra Chính phủ	Tiếp thu, làm rõ trong Tờ trình Chính phủ
	Phần I. - Mục 1, đề nghị nêu cụ thể những bất cập, hạn chế đối với nội dung "Quy định trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng đồng bộ với giao đất, cho thuê đất, tuy nhiên rất khó triển khai được trên thực tế".	Bộ TN&MT	Tiếp thu, chỉnh sửa tại Tờ trình Chính phủ

	- Mục 2, đề nghị xem lại nhận định "Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Điều 138) quy định dịch vụ môi trường rừng,...tuy nhiên cho đến nay chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định cụ thể về dịch vụ này", vì ngày 10 tháng 01 năm 2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, trong đó quy định chi tiết Điều 138 Luật Bảo vệ môi trường quy định về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên (Mục 1 Chương X Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). 1.2. Phần V, đề nghị bổ sung rà soát, đánh giá tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan như: Nghị định thư Kyoto năm 1997, Công ước Viên năm 1985 về bảo vệ tầng ô-zôn,...		
	Dự thảo Tờ trình chưa quy định trường hợp, nhiều tổ chức/cá nhân cùng đáp ứng điều kiện thuê môi trường rừng theo Đề án du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí thì chủ rừng sẽ lựa chọn tổ chức/cá nhân nào.	Bộ Tư pháp	Tiếp thu, bổ sung tại Tờ trình Chính phủ
	Dự thảo Tờ trình chưa giải thích rõ cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn của việc quy định các tỷ lệ (%) diện tích xây dựng các công trình kiến trúc cơ sở hạ tầng trong hợp đồng cho thuê môi trường rừng.	Bộ Tư pháp	Tiếp thu, bổ sung làm rõ tại Tờ trình Chính phủ
	Tại điểm 2.1 phần IV của dự thảo Tờ trình, đề nghị bổ sung như sau "Sửa đổi, bổ sung Điều 3 theo hướng làm rõ hơn về khai thác tận dụng…; kết quả giảm phát thải; thỏa thuận chi trả giảm phát thải." để có sự thống nhất giữa dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định.	Bộ Giao thông vận tải	Tiếp thu